

chân dung mười lăm
nhà văn nhà thơ việt nam

vu hoang thanh
chuong nam
binh nguyen nha ca
loc duong
nguyen nghiêm
dinh toan mau
vu khac vo phien
khoan mac do
nguyen sa pham
nhat cong
tien thien
le tat tuy hong
dieu trung
duong
mai
thảo

**chân dung mười lăm
nhà văn nhà thơ việt nam**

Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam
Mai Thảo
Midway Press 2024

Copyright © 2012 by Maithao

**chân dung mười lăm
nhà văn nhà thơ
việt nam**

mai thảo



Midway Press

Mục lục

Vào Tập	9
Mấy tháng cuối cùng với Vũ Hoàng Chương	13
Thanh Nam dưới đất trời Tây Bắc	69
Nhân cách Bình Nguyên Lộc	79
Nhã Ca giữa cơn hồng thủy	91
Con đường Dương Nghiễm Mậu	107
Nguyễn Đình Toàn nơi thành phố mất tên	119
Thế giới Vũ Khắc Khoan	133
Những buổi trưa ở Chinatown của Võ Phiến	145
Mặc Đỗ quy ẩn	157
Màu lụa Hà Đông trong thơ Nguyên Sa	167
Đi thăm người nhập thất	181
Nhật Tiến vẫn đứng ở ngoài nắng	193
Túy Hồng giữa chúng tôi	203
Đường gươm Lê Tất Điều	217
Chân trời mới của Trùng Dương	229

Vào Tập

Những kỷ niệm, những dấu tích, những bằng hữu một đời. Từ Vũ Hoàng Chương, Thanh Nam đã nằm yên dưới mộ tới Nhã Ca, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu đều đứng ở quê nhà, tới Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Mặc Đỗ, Phạm Công Thiện, Nguyên Sa, Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Túy Hồng, Trùng Dương đã 10 năm lưu vong, 10 năm hải ngoại, Mai Thảo, như một có mặt thường xuyên suốt chiều dài 30 năm sinh hoạt, đã về lại bằng trí nhớ và chung sống chân dung 15 nhà văn nhà thơ đã làm nên 30 năm văn học Miền Nam. Và qua họ, trăm nghìn hình ảnh và tiếng động của một thời đã mất.

Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ của tập sách này, hầu hết với tôi rất thân gần cả trong sinh hoạt văn chương cả trong cuộc sống ngoài đời xuôi thăm thăm chiều dài 20 năm văn học quê nhà nối liền với 10 năm hải ngoại là loạt bài tôi viết, mỗi tháng một người, trên tờ Văn tục bản ở Hoa Kỳ từ tháng 7, 1982.

Duy bài viết về những ngày tháng cuối cùng của Vũ Hoàng Chương là viết ba năm trước, trên tờ *Đất Mới*. Thời gian ấy, tôi vừa từ trại đảo tới, làm việc ở diễn đàn Tây Bắc này với Thanh Nam, Thanh Nam đau đúng vào năm tôi viết về tù trần của Vũ Hoàng Chương ở quê nhà, rồi Thanh Nam vĩnh biệt chúng ta, đúng vào tháng 6 năm nay, tháng nhà xuất bản Văn Khoa để nghị với tôi in mười lăm chân dung thành sách.

Đọc Chân Dung do đó, bạn đọc thấy ngay mỗi chân dung trước hết là một bài đăng trên tạp chí, mỗi bài được viết ở từng thời gian, từng tâm trạng vui buồn khác biệt, chúng cũng khác biệt nhau như mỗi thân thể, mỗi đời sống, mỗi đất trời văn chương của mười lăm tác giả tôi phác thảo khuôn mặt và hình dáng trong tập sách này, mặc dầu là những nhà văn nhà thơ ở một thời gian và của cùng một không gian văn học.

Thế nhưng có hai cái chung cùng thấp thoáng trong mười lăm bài viết. Đó là mọi chân dung đã được minh họa và đều chỉ được minh họa từ những chất liệu của kỷ niệm và trí nhớ. Không bằng tài liệu văn học, bằng tác phẩm. Chân dung giới hạn hiện hình với những tiếp nhận và những dấu tích tiếp nhận chưa mờ xóa và tôi còn gìn giữ được, như một thân yêu mãi mãi trong lòng, về mười lăm người bạn cùng thời. Mười lăm người bạn, một số còn gần, một số đã xa, thật xa, tận quê nhà xa và một số như

Thanh Nam, như Vũ Hoàng Chương đã đi vào vĩnh viễn.

Cái chung thứ hai là mỗi chân dung đều được thống nhất minh họa từ một lòng quý trọng đồng đều, quý trọng ấy ở tôi sâu xa và không bao giờ thay đổi. Thế hệ trước, thế hệ sau ở đâu không phân ngôi và chia dòng. Những tầm vóc cũng không được đo lường, để đối chiếu. Những kích thước, những địa vị cũng vậy, để so sánh. Chỉ là một thời. Của cùng một thời. Tất cả. Và với tôi.

Nhận thấy cuối cùng muốn ghi ở vào tập: với những dòng văn chương thời trước thời sau thế nào không rõ, riêng cái không khí một thời tôi được sống cùng, làm việc cùng và thân thiết với mười lăm tác giả của chân dung, không khí ấy trước sau tôi thấy là rất bằng hữu, rất thân ái. Đối lập, xung khắc và xung đột trong văn chương không bao giờ do nơi là thế của văn chương. Mà chỉ ở thái độ cực đoan quyết liệt của người. Cực đoan này đều không có ở mười lăm chân dung. Mà chỉ là những nhà văn nhà thơ cùng thời, cùng một tâm thức giống nòi, một tri thức thời thế, một tình huống xã hội, một giai đoạn đất nước và ý thức được tận cùng sự thật ấy. Nên là bạn đường, là đồng hành. Nên là cùng trời cùng biển.

Không khí văn học một thời quây quần bằng hữu ấy là điều muốn thể hiện và muốn gửi đi nhất của *Chân Dung*.

Mai Thảo



Thi bá Vũ Hoàng Chương (1916 – 1976)

Mấy tháng cuối cùng với Vũ Hoàng Chương

Vượt qua cây cầu Calmette soi bóng trên một con kinh tù đọng, con kinh chạy dọc theo vùng ngoại vi tràn lan náo nhiệt nhất của Sài Gòn là khu Chương Dương, Ông Lãnh, chiếc xe đạp lọc cọc chở tôi đi trên một mặt nhựa lồi lõm, dừng tới tòa nhà xám bần của hãng làm phân bón thì rẽ trái và lặn vào một con đường trái đá xanh.

Con đường thoát đầu nhỏ hẹp vào tới sâu phình rộng dần dần và mở thành một vùng ngoại ô tràn lan náo nhiệt khác là vùng Khánh Hội. Tại đây hai bên hàng quán, chợ búa chen chúc ngổn ngang không hàng lối, sáng chiều là bụi cát rác rưởi đủ loại dấy bốc mù mịt do chân trần những bầy trẻ nhỏ đèn đuốc nhếch nhác chạy nhảy la hét hất tung lên. Cuối đáy con đường là phường Cây Bàng. Nó đứng chắn ngang với những rào cây um tùm như một biên giới tươi xanh ngăn chia chợ búa thị tứ ồn ào trước mặt với phía sau, cũng chỉ là những xóm ngõ bình dân lao động, nhưng một ngày đã trở thành tao nhã, tao

nhã từ vết nắng sớm đến nét trăng chiều, từ ngọn cỏ bờ đến cụm hoa đồng, vì còn là một địa chỉ lấy lòng của văn chương, nơi một mái lầu thi ca lòng lấy.

Chiếc xe chở tôi rẽ phải trên một con đường nhỏ, yên tĩnh, rẽ trái vào một con đường nhỏ yên tĩnh nữa, rồi tới một đầu ngõ khuất khúc. Tôi xuống xe, dắt bộ tới cuối ngõ, tới trước một căn nhà gỗ hai tầng. Đẩy một cánh cổng khép hờ đi vào, tôi đã tới Gác Bút của Vũ Hoàng Chương.

Thi sĩ mới dọn về đây ít lâu sau biến cố tháng tư 1975, cái tiểu gia đình gồm đàn nửa gánh gồm có thi sĩ, người bạn trăm năm của ông là nữ sĩ Đinh Kiều Oanh và đứa con trai nuôi là Vũ Hoàng Tuấn, ông đặt tên cho con bằng lấy tên Tuấn của Nguyễn Tuấn, nhà văn viết tùy bút rất hay và là bạn thân của thời kỳ tiền chiến.

Địa chỉ mới của Vũ Hoàng Chương nguyên là chỗ ở của gia đình thi sĩ Đinh Hùng, em vợ ông ngày trước. Chỗ ở này sinh thời, Đinh Hùng, tự xưng là Đinh Công Tử, nghịch ngợm đặt tên là động Hoa Lư, trong cái ý nhà vua xưa Đinh Bộ Lĩnh dấy nghiệp ở động Hoa Lư thì Đinh Hùng đời sau cũng có một động Hoa Lư ở phường Cây Bàng như thế. Đinh Hùng mất, vợ con vẫn ở, tên Hoa Lư vẫn còn. Nhưng từ Vũ Hoàng Chương dọn về ở chung, Hoa Lư còn có thêm một tên mới. Đó là Gác Bút.

Hỏi tại sao không dùng lại tên Gác Mây của căn lầu trên vùng Phú Nhuận vừa rời bỏ, thi sĩ cười, hóm hỉnh:

- Đổi đời, giờ là Gác Bút mới đúng. Vì Hà Nội nó bắt ta gác hết bút lên rồi, đâu còn cho viết nữa.

Tôi đến thăm Gác Bút thường ngày như vậy và thường vào buổi chiều. Thường, vì muốn, vì cầu, với tôi. Hai mươi năm sinh hoạt thơ văn của miền Nam, được ông nhận cho kết giao, rồi thân thiết mày tao và được ông xem như một tấm lòng tri kỷ, dù tuổi tôi thua ông đúng một giáp mười hai năm, tôi đã đến thăm mọi chỗ ở của thi sĩ rất nhiều lần. Ở căn nhà một ngõ hẻm Phan Thanh Giản. Ở căn nhà giữa khu Bàn Cờ. Rồi ở Gác Mây, căn phòng trên lầu trong dãy cùng biệt thự Úc Viên của Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Nhưng nhiều lần cũng chỉ có nghĩa hàng tuần, hàng tháng. Với Gác Bút, gần như chiều nào tôi cũng từ Sài Gòn đạp xe sang phường Cây Bàng và tới Động Hoa Lư.

Lý do là miền Nam mất, thời thế sập đổ tan tành, tôi đã sống với đổi đời trong một tâm trạng cực kỳ trợ trối, thất lạc và cảm thấy cần thiết hơn lúc nào hết cho đời mình những gặp mặt với Vũ Hoàng Chương, nhập vào vùng phong thái an nhiên trầm tĩnh của ông, chờ ông pha trà cho uống, nghe ông nói chuyện thơ và quên hết với ông trong cái không khí thoát tục và xa đời của những buổi chiều trên Gác Bút lừng tiếng.

Thời gian này, sức khỏe của Vũ Hoàng Chương đã hết sức suy nhược và gia cảnh thì đã rớt xuống tới đáy cùng của túng thiếu cùng quẫn. Những tháng

sau cùng ở Gác Mây, Phú Nhuận, ông đã đau yếu rất nhiều. Trong lồng ngực mỏng, con tim đã yếu. Trên cái vóc hạc, xế chiều đã tới. Vũ Hoàng Chương gần như không ra khỏi nhà nữa. Lên xuống mấy bậc thang lầu, cũng phải đứng lại nhiều lần để thở. Có việc phải đi đâu, bao giờ cũng phải Đinh Kiều Oanh cùng đi. Ở Gác Mây anh em văn nghệ đã phải chia lượt tới viếng thăm ông đau yếu nhiều lần. Đem thuốc thang tới nữa.

Về Gác Bút, tình trạng sức khỏe của thi sĩ càng mong manh. Những thiếu thốn vật chất, mặc dầu thi sĩ chẳng còn nhu cầu gì – ông đã bỏ thuốc phiện – càng làm trầm trọng mau chóng sự mong manh ấy. Ở Gác Bút, ông gầy teo, gần như không đi xuống tầng dưới nữa. Nhiều buổi chiều tôi tới, ông đắp một tấm chăn mỏng, nằm mỗi một thiêm thiếp trên mặt sàn trống trải, hình ảnh cuối đời hợp nhập với hình ảnh hoàng hôn thắm mầu đang hắt hiu buông xuống ở chung quanh.

Điều này cũng là một lý do nữa để hàng ngày tôi lặn lội đạp xe sang thăm người Gác Bút. Thần trí ông vẫn minh mẫn, lấp lánh. Thần thái ông vẫn nhẹ nhàng ung dung. Nhưng thịt xương không phải là thần trí và thần thái. Thi sĩ đã hơn sáu mươi tuổi. Và không phải là linh cảm nữa mà là tôi đã nhìn thấy tài thơ cụ phách, chẳng còn chịu ở hơn nhiều lắm nữa với đời. Những ngày tháng còn lại của Vũ Hoàng Chương ở Gác Bút là số ngày tháng cuối cùng.

Vậy mà, ngược nghịch, lạ lùng những ngày tháng cuối cùng này lại là thời kỳ sung sướng nhất của thi sĩ.

Bạn hữu ở gần nhìn thấy rất rõ ràng những tỏ hiện nháy nhót niềm sung sướng cuối đời không ngờ có ấy. Qua đột biến lạ lùng: một thân thể non tây lỏng trong một bình sinh xế tà thành linh đuối dạt được khỏi nó tấm mừng khỏi sương cô tịch vây phủ, tự thấp sáng lại bằng một thấp sáng rực rỡ. Giữa thấp sáng lại này, một Vũ Hoàng Chương rất hài đồng, rất tươi thắm và cũng rất lớn đi ra.

Làm xanh thắm lại cái úa héo, giữ chặt trên cành sinh trái tử sắp rụng, chất lực điệp tổ đến tự những nguồn hô hấp nào? Tự hai nguồn. Một của thơ. Một của đời sống. Hai nguồn, trong một liên hệ tuyệt diệu. Nếu tài thơ lớn bao giờ cũng ung dung chuyển đẩy được nó tới nhiều đất trời khác biệt, không chôn chết một đất trời cố định – những sức thơ tầm thường không bao giờ thực hiện được vận động này của thơ – côi thơ sau, côi thơ sáu mươi, côi thơ phơi phơi vô cùng riêng Vũ Hoàng Chương đưa mình tới được là một thoát vượt, một bỏ lại rất xa cách sau lưng mọi côi thơ Vũ Hoàng Chương trước. Và với côi thơ sau này, ánh sáng của ngôi sao bắc đẩu mới khởi sự trong suốt, thật sự vời vợi.

Hãy nhớ lại ba ngọn đỉnh của vòm trời cũ. Là *Mây*, *Hoa Đăng* và *Rừng Phong*.

Tâm thức ba vùng trời cũ là:

Đêm hỏa táng trần tâm côi đời nghiêng đổ

*Thịt xương ơi, nằm nhé đất oan khiên
 Trần cấu (塵垢)lâng lâng ngoài cửa mộ
 Ta thoát hình nường khói bay lên
 Đâu đó tà dương hể treo ngọn bắc
 Đâu đó cuồng phong hể reo đáy chai
 Mùa chi ngày chi tuổi bao rồi nhĩ
 Quanh chiếu rộn tang thương hể tỉnh anh ngoài đời*

Đó là tâm thức hình giảo quấy động quần quại trong một thạch động kín bịt. Hồn tuy tắm đắm khổ đau những muốn bay lên cùng khinh thanh, chướng nghiệp chưa rũ được, căn chưa thông tỏ làm sao phá tung được nhà ngục hình hài. Tưởng là thoát hình, đâu có thoát hình. Thịt xương ném trả đất oan khuất, đâu có ném trả. Thực hiện cuộc thiêu hủy trần tâm bằng một lửa. Thì thiêu hủy. Nhưng khác nào ngọn lửa hủy giận dữ của Hồ Dzếnh: “Lửa giận tan rồi, than tối đen.”

Đâu đó tà dương. Đâu đó cuồng phong. Đâu đó trần cấu lâng lâng. Đâu đó thôi. Thấy là đâu đó, hư vọng, cái bay cái thoát không hề có một điểm khởi hành đích thực. Ở nội tại, trong thực thể, là trường hợp một tâm thái giải phóng khỏi hệ lụy chưa thật sự trở thành. Một làn mây vướng. Một ngọn đèn thấp, nội giới không phóng thoát là cái chao đèn giam nhốt hết ánh sáng. Một cánh rừng, rễ cành nghìn nhánh xiềng xích trong đất, không có ngọn đi lên với trời.

Đó là những Mây, là Hoa Đăng, là Rừng Phong, ba cõi ngôn ngữ vĩ đại về hệ lụy trần thế, trần thế không

tự nó là hệ lụy, là bể khổ, hệ lụy trần thế từ nơi tâm hồn người. Cái ngục anh giam anh. Cõi đời không phải ngục. Cõi đời không bao giờ là ngục.

Rồi Vũ Hoàng Chương ra thoát được cái ngục mình.

Cuộc phục sinh thành, đã trao cho thi sĩ một chìa khóa ngọc mở vào những ngày tháng cuối cùng, những ngày tháng sung sướng.

Và Vũ Hoàng Chương đã mang con người sung sướng ấy của mình đi qua đời, đi qua cộng sản, đi vào vĩnh viễn.

Thời gian ấy sống gần ông (mấy tuần chót ở Góc Mây, mười tháng ở Góc Bút trước bắt giữ), cho tới buổi trưa ngày 30 tháng 11 năm 1976, từ chỗ ẩn một vùng ngoại ô Chợ Lớn âm thầm trở lại phường Cây Bàng lần cuối để thắp một nén hương vĩnh biệt trước di ảnh bạn, cho tới những buổi trưa dạo nằm một mình trong một đáy rừng Mã Lai Á khuất tịch, tôi thường suy nghĩ, tìm kiếm lý giải, về một vận động từ bi thảm đưa tới thăng hoa sung sướng phóng thoát của một đời người. Hoàng Chương đã có được thăng hoa ấy. Qua thái độ ông, buổi sáng bị bắt. Trong bốn tháng nằm trong hầm tối. Trong năm ngày cuối cùng trở về Góc Bút. Bằng vào những chi tiết chị Vũ kể lại, sẽ được nói tới ở phần sau này. Tâm thức tôi, thiếu hụt tầm vóc, không sao đạt tới được thăng hoa như bạn. Bởi vậy mà giải thích hiện tượng, rất buồn thảm. Và cũng rất cực nhọc.

Đó là ngọn lửa và trái tim Thích Quảng Đức, ngọn

lửa và trái tim tươi thắm phóng thoát trần thế từ một ngã tư đường Lê Văn Duyệt? Những cuộc đàm đạo trong tao nhã, tịch lặng với Thượng Tọa Thích Trí Thủ, một tâm thái phóng thoát khác, ở cái hiên sau xa đời của ngôi chùa Gia Định (thời gian sau này, Già Lam tuần nào cũng cho đón thi sĩ tới chùa, giữ ông cả buổi)?

Hay đơn giản đó chỉ là sự bắt gặp trên một mức độ tràn đầy của bản thể viên mãn với đời sống, với nghệ thuật, với thi ca, qua những biến thiên cùng ý nghĩa và chân tướng biến thiên được soi tỏ qua cái hình ảnh một người đi mãi, đã vượt khỏi đỉnh núi bấy lâu chần lấp, thấy được từ cái chết chần lấp cả biển, cả trời và cả chính mình? Hay là sự màu nhiệm của tuổi? Sự màu nhiệm mà Nguyễn Khuyến đã thấy trong bài thơ Khóc bạn bất hủ: “Tuổi già hạt lệ như sương”.

Thế còn vai trò của thơ?

Thơ đóng vai trò gì trong tâm thức phóng khoáng?

Nhà thơ lớn nào cũng nô lệ cho ngôn ngữ của chính mình. Tôi chỉ nói những nhà thơ lớn. Vì là một hiện tượng đặc thù chỉ có ở những nhà thơ lớn, những tầm thơ, những vóc thơ đích thực phát minh sáng chế ra ngôn ngữ. Khởi thủy là sự phá vỡ, sự vượt bỏ những biên thù đã có, ngôn ngữ mới được sáng chế ra bởi tri thức thần diệu của thiên tài khi đã hình thành, đều có một hiệu năng ghê gớm giam nhốt kẻ đã sáng tạo chúng, là thiên tài, trong chúng.

Mỗi chữ, mỗi lời của ngôn ngữ sáng tạo đều hiển lộ cái hiệu năng ghê gớm đó. Và rõ nhất ở địa hạt thi ca. Thiên tài bị giam nhốt trong cái lồng ngôn ngữ nguy nga vừa sáng tạo ra, tới khi phá được lại để rơi vào một cái lồng vừa mới sáng chế. Như thế mãi mãi không ngừng. Đó là quy luật của ngôn ngữ siêu việt, ngôn ngữ thơ. Đó là định mạng khốc liệt của thiên tài, trước ngôn ngữ mình.

Quy luật và tương quan vừa nói thể hiện rất rõ từ Mây, tới Hoa Đăng, tới Rừng Phong. Trời thơ thi sĩ càng triển khai tới đâu, ông càng bị ngôn ngữ ông chi phối, khống chế và giam cầm tới đó. Hiện tượng này còn nhìn thấy ở một nhà thơ lớn khác, Bùi Giáng nhưng ở trong một trạng thái mịt mù mê loạn, với Bùi Giáng ngôn ngữ mê sảng biến tướng, quy luật và tương phản chìm ẩn không định hình rõ rệt, và Bùi Giáng cũng không đạt được cho mình sự phóng thoát, như Vũ Hoàng Chương.

Một đêm tôi ở lại với ông thật khuya, tới sát giờ giới nghiêm cộng sản. Xã hội thê lương nằm phục bốn chung quanh tường Gác Bút. Ông đưa tôi xem một lá thư Trần Dần. Bị trừng phạt nặng nề, bị treo bút vĩnh viễn, nhà thơ Trần Dần, tài thơ trác tuyệt nhất của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, không được vào Nam, đã gửi cho ông một lá thư đầy những lời lẽ kính trọng, như ông vẫn nguyên vẹn là thi bá của cả một thế hệ thi sĩ đã hai miền chia cách suốt 30 năm chiến tranh. Lá thư, tôi chỉ còn nhớ được câu này:

“Thơ anh, thơ Đinh Hùng, sống muôn đời với thi ca Việt Nam.”

Đêm đó, cầm nổi kính phục của Trần Dần đối với ngôi sao Bắc đẩu miền Nam trên tay, tôi nhìn bạn ngồi thư thái êm đềm trước mặt, đã chia sẻ được với thi ca một niềm sung sướng thống khoái vô tả. Kính phục của Trần Dần chắc còn lớn lao gấp bội. Nếu nhà thơ miền Bắc còn nhìn thấy được cội thơ cuối đời và cái hiện tượng thăng hoa của tâm thức phóng thoát, ở thi sĩ!

Ông đưa tôi coi tiếp những thư từ bạn bè ngày trước viết vào từ Hà Nội. Thư Lưu Trọng Lư. Thư Hoàng Lập Ngôn. Thư Hoàng Cầm. Lá thư ngắn nhất của Nguyễn Tuân. Vỗ vện: “Mấy lời hỏi thăm cố nhân. Thư bất tận ngôn.” Ông cười:

- Thăng Tuân ngày xưa với tao thân lắm. Khâm Thiên, bàn đèn, tao đầu nó đó, mà nó sợ. Chỉ dám dùng bốn chữ thư bất tận ngôn.

- Mà trả lời bọn họ không?

- Có. Thăng nào viết thư thăm, tao cũng phúc đáp cho phải lễ. Bằng một vài đoạn thơ.

Ông cười thành tiếng, ánh mắt tinh nghịch vui thú:

- Thăng Dịch vào, nói bọn chúng nhận được thơ tao thích lắm, vác đi khoe cùng nhưng chỉ dám khoe với bạn thân. Tao trêu chúng mà. Với thăng Hoàng Lập Ngôn, tao hỏi mấy chục năm cộng sản, cái xe mê ly đang tử có còn lăn bánh? Và bánh thực hay bánh vẽ. Thăng Tuân, tao gửi cho nó một bài thơ chữ Hán,

lấy điển người xưa mừng nó vẫn là nó không bao giờ thay đổi. Nó đọc, nó hiểu, chắc buồn lắm. Đã đi theo đảng, Nguyễn Tuân bây giờ còn là Nguyễn Tuân ngày trước thế nào được nữa.

Địch là Vũ Hoàng Địch, em ruột thi sĩ. Bạn thân của Trần Dần, Địch không viết bài nào đả kích lãnh đạo trên Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng chỉ thân với Trần Dần vẫn bị hạ tầng công tác, sống uất ức và bất mãn ngấm ngấm cho đến ngày vào Nam thăm anh. Chị Vũ Hoàng Chương kể cho tôi nghe hôm Địch vào, thân tàn ma dại, hai anh em ôm chặt lấy nhau giây phút trùng phùng, Địch bật khóc nức nở khiến Vũ cũng phải chảy nước mắt. Địch ở trên Gác Bút năm ngày. Suốt đêm, hai anh em Vũ uống nước trà, trò chuyện. Hôm Địch trở về, nhà còn mấy chỉ vàng và cái cassette là quý nhất người anh cho hết người em. Địch ngậm ngùi từ biệt:

- Em khó lòng vào được nữa. Bọn nhà văn nhà thơ Hà Nội ai cũng nhớ đến anh. Đều thèm gặp lại anh lắm, nhưng họ sợ liên lụy chắc không ai dám tới. Em vào thăm anh thế này, về thế nào cũng có chuyện với đoàn thể. Em rất lo cho anh. Anh liệu giữ lấy thân.

Vũ Hoàng Chương gật, điềm tĩnh:

- Anh hiểu cả. Khởi phải lo cho anh.

Rồi ngồi yên nhìn em đi. Quả nhiên, lần hai anh em gặp nhau lại là lần cuối cùng. Khi thi sĩ mất, Vũ Hoàng Địch cũng không được vào đưa đám. Thăm

anh về, Địch bị báo cáo và bị đoàn thể khiển trách nặng nề vì không được đảng cho phép mà dám ở với Vũ Hoàng Chương.

Đúng như lời Vũ Hoàng Địch, Hà Nội văn nghệ vào Nam đủ mặt, chỉ một hai người dám liều tới thăm Gác Bút, như Vũ Đình Liên, Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ, Lưu Trọng Lư, còn nhóm người cùng một thời Tự Lực với ông như Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Hoài Thanh, hoặc vì đổ kỵ với tiếng thơ lấy lòng của thiên tài, hoặc vì hèn nhát sợ bị liên lụy, đều tránh mặt. Tôi nghĩ là trong thâm tâm, Vũ Hoàng Chương hẳn buồn lắm trước tư cách hèn dõn của nhóm bạn bè cũ, nhưng điều này ông không bao giờ nói ra. Ông hiểu cho họ, tâm thức phóng thoát là một trời thơ trong suốt bát ngát, thể thái ấm lạnh chỉ có thể là một bóng mây chốc lát rồi tan đi.

Có điều là chính vì thái độ đổ kỵ, hèn dõn của nhóm nhà văn, nhà thơ Hà Nội cùng một thế hệ với ông mà Vũ Hoàng Chương đã bỏ Gác Mây về Gác Bút. Chuyện như thế này:

Khi nhóm nhà văn nhà thơ tiền chiến theo đảng đã đủ mặt ở Sài Gòn, họ đến gặp Lê Trảng Kiều, Bàng Bá Lân, Quách Tấn, cả Vũ Bằng nữa, mà không một ai chịu tới thăm nữ sĩ Mộng Tuyết ở Úc Viên biệt thự. Là phụ nữ, lại thiếu cao ngạo, thiếu bản lãnh, sự “tẩy chay” này khiến Mộng Tuyết rất dỗi lo sợ. Nữ sĩ hốt hoảng đi tìm hai người viết nằm vùng là Sơn Nam và Vũ Hạnh để tìm hiểu lý do. Bà than:

- Năm 1934, tôi đã được giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn. Các anh Xuân Diệu, Thế Lữ bao nhiêu năm vẫn giao du với tôi và Đông Hồ rất thân thiết. Tôi lại chỉ làm thơ vịnh hoa, vịnh trăng, không chống cộng, chống cách mạng. Nay các anh ấy vào, đi thăm hết cả mà không một ai đến tôi là làm sao? Tôi có tội phải cho tôi biết chứ!

Vũ Hạnh lắc đầu:

- Chị được coi là không có tội. Các đồng chí không tới thăm chị chỉ vì Vũ Hoàng Chương hiện đang ở đó!

Lần chót tôi tới Gác Mây, Vũ Hoàng Chương thuật lại nguyên nhân trường hợp Mộng Tuyết bị tẩy chay cho tôi nghe. Ông nói:

- Tao không trách Mộng Tuyết. Chẳng thể bình tĩnh thản nhiên như mình được. Vợ Đinh Hùng lên nhiều lần, lần nào cũng khẩn khoản mời vợ chồng tao về ở cùng, nói sống chết thế nào còn có nhau. Chính tao cũng đã định về phường Cây Bàng từ lâu. Chỉ ngại dọn nhà. Gặp Vũ Hạnh về, Mộng Tuyết không dám nói rõ sợ tao giận, nhưng tao đã hiểu. Mà nghĩ tao có nên rời khỏi Gác Mây?

Một tòa biệt thự lạnh lẽo. Hai cánh cổng sáng chiều đóng chặt. Một nữ chủ nhân hoang mang lo sợ trước đổi đời. Thời thế tối tăm, hung dữ đã giết chết cái không khí thanh lịch, đài các của hoa lan, hoa quỳnh. Gác Mây đâu còn là Gác Mây nữa. Úc Viên biệt thự tầm thường đâu còn xứng đáng là chỗ ở của

thi bá. Từ ngày Vũ Hoàng Chương bị làm khó ở căn nhà vách ván lụp xụp ở khu Bàn Cờ, rồi Mộng Tuyết hết lời mời mọc, thi sĩ đành tới nhờ Úc Viên tôi biết ông miễn cưỡng và chúng tôi cũng không thích ông dòi vào cái chốn phong lưu trưởng giả ấy.

Trong truyền thống những thi sĩ lớn của dòng thơ Việt mọi thời, hoàn cảnh đời sống hàng ngày của Vũ Hoàng Chương phải được trải mãi trên tấm thảm gấm của Bần Bách và Đạm Bạc như trên tấm thảm ấy đã Tú Xương, đã Tản Đà, đã Nguyễn Bính, đã Đinh Hùng, đã Hàn Mặc Tử.

Tôi mừng rỡ:

- Bọn khốn nạn khởi sự làm khó mày rồi đấy. Làm khó từ chỗ ở trước. Ở đây ra vào kiểu cách, khó chịu lắm. Về phường Cây Bàng đi. Ngại dọn nhà sẽ có bạn bè đến dọn.

Vũ Hoàng Chương thật sự có vẻ vui thích trước ý nghĩ ông về sống trên căn gác xép ngày trước của Đinh Hùng. Ông đã gần Đinh Hùng một đời. Bây giờ gần thêm nữa. Và tôi chia xẻ với ông niềm sung sướng đó. Ông nói:

- Một tuần lễ nữa, tao đi.

Năm ngày sau tôi trở lại Úc Viên, để thấy Vũ Hoàng Chương đã đi sớm hơn ông đã hẹn. Hai ngày trước, một nhóm sinh viên Luật yêu thơ ông, trước là học trò ông, tới thăm thầy đã đi mượn xe, khuôn đồ đạc dùm thầy xuống khỏi Gác Mây, hộ tống thầy về đất Hoa Lư. Lần trở lại Úc Viên này, tôi không

vào. Chỉ đứng lại với Mộng Tuyết ít phút ở cổng. Mộng Tuyết có vẻ ngượng:

- Anh Chương đi rồi. Giữ ảnh ở thêm ít ngày thế nào cũng không chịu.

Tôi không giấu được buồn bã:

- Từ phút anh Chương rời khỏi đây, Hà Nội đã chấm dứt tẩy chay chị rồi chứ? Những ai đã tới thăm chị rồi? Chúng mình cùng một cảnh ngộ, đã sống thân thiết với nhau mấy chục năm trời, bây giờ chết cũng phải tình nghĩa cố kết hơn lúc nào hết. Cho họ khỏi coi thường. Không ai đến thăm thì thôi. Chị đã bảy mươi tuổi, còn sợ gì nữa?

Về sau tôi được biết Vũ Hoàng Chương về phường Cây Bàng buổi chiều thì ngay buổi tối ngày hôm đó, Vũ Hạnh chở Vespa Xuân Diệu tới thăm Mộng Tuyết. Rồi hôm sau, Huy Cận, Chế Lan Viên tới. Khi Mộng Tuyết nói thi sĩ đã rời khỏi Gác Mây, đám nhà thơ miền Bắc đặc biệt đổ kị với riêng ông chỉ vì trời thơ hai miền hào quang ông át lấn mọi hào quang khác, đã giả vờ tỏ vẻ hối tiếc không biết trước để tới thăm thi sĩ sớm hơn, những tâm địa tầm thường không dám thú nhận thái độ tiểu nhân của họ, trước cái phong cách đỉnh đạc và trầm tĩnh của thi sĩ. Mặc cảm tự ti đưa tới ghen ghét hạ đẳng ấy là một của những nguyên nhân đưa tới bắt giữ thi sĩ ngót một năm sau, buổi sáng ngày 13 tháng 4 năm 1976.

Sống với cộng sản, trường hợp của miền Nam là ở lại, là vẫn có mặt ở Sài Gòn sau ngày 30 tháng 4,

kẻ sĩ, nhà thơ, nhà văn thất thế, khi mọi phương tiện lên tiếng đã bị triệt hủy hoàn toàn, chỉ còn một cách thể biểu hiện nhân phẩm duy nhất là giữ vững bản ngã, giữ vững nhân cách giữa bi thảm, không cho sa đọa. Và như vậy, đối diện với nghịch cảnh, đối diện với kẻ thù, đối diện với cái chết. Bi thảm này tên là Định Mệnh.

Hàng ngàn nhà văn nhà thơ trên khắp mọi phần đất thế giới đã đứng trước định mệnh khốc liệt như thế, trên tổ quốc đất nước họ, trước bạo lực quân phiệt và chuyên chính vô sản. Anh em văn nghệ miền Nam, ngoại trừ một thiểu số khiếm nhược, nói chung đã có một phong cách nghiêm chỉnh, lúc thất thế, trong bi thảm, trước kẻ thù. Nhưng gương mẫu nhất, rúc rờ nhất tuy từ hai cách thể biểu hiện khác biệt, qua suy nghĩ và nhận thức tôi là Vũ Hoàng Chương và Thanh Tâm Tuyền.

Tôi sẽ đi vào phong cách và bản lĩnh Thanh Tâm Tuyền trước chuyên chính đỏ một dịp khác. Khi viết về Thanh Tâm Tuyền.

Riêng ở Vũ Hoàng Chương nếu như vẫn đứng thẳng được trước một kẻ thù đòi ta quỳ gối, vẫn bảo toàn được nhân cách và bản ngã giữa một chế độ dồn tận lực nó vào nghiền nát nhân cách và bản ngã, phải có một bản lĩnh hơn người, bản lĩnh Vũ Hoàng Chương nằm ở nơi ông, trước nguy cơ mà không hề rút thu vào một chìm ẩn an toàn. Như thường là phải vậy. Mà ngược hẳn, ở ông là một tiếp tục triển

khai bản chất thể hiện nhân cách ông – và từ đó thơ ông và đời sống ông – một cách hết sức rức rở, hết sức tận cùng, không một phút giây e dè khiếp sợ.

Nói một cách khác, giữa cộng sản, Vũ Hoàng Chương vẫn sống tự do và đường hoàng như không có cộng sản. Như không có lá cờ đã đỏ chói ngoài phường Cây Bàng. Như không có cái lưới an ninh đã dày đặc khắp vùng Khánh Hội. Như miền Nam chưa mất. Như vẫn là như trước. Chân lý Vũ Hoàng Chương, riêng ông đạt tới chân lý tuyệt diệu này, tóm gọn ở một chữ “không”.

Đối phó với cộng sản bằng không đối phó, không đối phó gì hết. Chấp nhận cộng sản bằng không chấp nhận gì hết. Đất trời thảng thốt lật sấp đi như vậy, đêm biến thành ngày, ngày biến thành đêm như vậy, nguyệt thực nhật thực, địa chấn, hồng thủy bàng hoàng là vậy, mà quạt nan trong tay, áo nâu màu Phật, cốt cách trích tiên, thần thái phiêu hốt, đệ nhất đương thời thi sĩ vẫn ung dung đi tới những ngày tháng còn lại của mình. Với toàn vẹn Vũ Hoàng Chương là Vũ Hoàng. Với tận cùng Vũ Hoàng Chương là Vũ Hoàng Chương hơn bao giờ hết.

Thêm thương tiếc và căm giận cộng sản đã hủy diệt của văn chương ta một trí tuệ như Thanh Tâm Tuyền biết bao nhiêu. Bọn chúng tôi, Thanh Tâm Tuyền trẻ nhất mà có một tầm nhận thức rất viễn kiến, rất xa rộng Ai cũng thấy những điều hãn thấy. Nhưng thường là hãn thấy trước nhất, sớm nhất.

Nhớ năm đó là 1974, trước cảnh cùng quẫn của thi sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, Tô Thùy Yên, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam, Hoài Bắc và tôi cùng đứng ra tổ chức một Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương, mời bạn bè yêu thơ tới dự, lấy tiền giúp gia đình thi sĩ. Mục đích chỉ là vậy. Nếu không có Thanh Tâm Tuyền: “Thi ca Tây phương có truyền thống mỗi năm, mỗi thời, tôn vinh một nhà thơ lớn nhất, tại sao chúng ta không nhân đêm thơ, tôn vinh trước thi ca và người đời nhà thơ lớn nhất của chúng ta. Một thứ vua thơ. Và không ai xứng đáng hơn Vũ Hoàng Chương sự tôn vinh ấy.” Thế là với bài nói chuyện mở đầu của Thanh Tâm Tuyền, trình bày ý nghĩa tôn vinh một người của nghệ thuật, đêm thơ đó đã là đêm tôn vinh Vũ Hoàng Chương.

Kích thước cao ngất của Vũ Hoàng Chương mà Thanh Tâm Tuyền đã nhìn thấy rất sớm, tôi tiếp nhận được những minh chứng sáng rõ suốt thời gian mấy tháng cuối cùng ở gần thi sĩ. Cộng sản tới Sài Gòn, mọi người viết miền Nam đều ngừng viết. Kinh nghiệm sống rất giàu có với cộng sản của nhà văn miền Nam từ 1945 cho biết người viết miền Nam ý thức và tự trọng chỉ có hai thái độ: hoặc đối kháng, hoặc im lặng. Duy Vũ Hoàng Chương không im lặng. Bằng không im lặng rất hơn người, rất thi bá của ông đã nói, sống giữa cộng sản mà ông coi như không hề có cộng sản. Đã nói, giữa đại nạn, trước nguy cơ, ông phiêu hốt an nhiên, không thêm

bận tâm, không thềm đối phó. Trời đêm cộng sản, mây phủ trùm mà ánh sáng của Bắc Đẩu vẫn sáng, sáng buổi sáng bị bắt, sáng bốn tháng trong ngục, sáng tới lúc từ trần.

Trên suốt giải đất từ Nam Quan đến Cà Mau, thơ đích thực là thơ đã bị giết chết. Mà trên sàn Gác Bút hiu quạnh, thơ đích thực là thơ vẫn phun châu nhả ngọc, lại như tới lúc đó, cội thơ tuyệt luân ấy, trời thơ lồng lộng ấy mới viên mãn, mới tràn đầy.

Chúng tôi ở lại, đem cái con người xã hội của mình ra đối phó với chế độ. Trước bạo lực man rợ, tri thức kiếm tìm phương thức đối phó, bắt buộc phải đặt nó trên cùng một bình diện với bạo lực man rợ. Đương nhiên vậy. Không thể khác. Thái độ này đúng, nhưng Tây phương. Và bi đát, bi thảm khôn tả. Bởi tri thức cuối cùng vẫn bị bạo lực man rợ nghiền nát. Vũ Hoàng Chương không thể. Ông “muốn đời” hơn chúng tôi, Đông phương hơn chúng tôi, “thơ” và “thi sĩ” (vẫn hiểu theo tinh thần Đông phương muôn đời) vẫn hơn chúng tôi. Nên thể hiện được trước định mệnh chân lý đơn giản mà kỳ ảo này: bản ngã đạt tới đại thành là một bản ngã bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt. Một bản ngã cõi biếc. Không gợn, không bọt. Thành ra giữa cộng sản, chúng tôi kéo lết cái ý thức bi thảm quần quai, rất nặng nề, bên cạnh một Vũ Hoàng Chương hết sức khinh thanh.

Những ngày tháng cuối cùng của thi sĩ óng ánh như vậy, tinh khiết như vậy. Rất thơ, như vậy. Đôi

khi ông xuống đời thăm bạn. Xuống. Và hàng tuần tôi tới ông, từ dưới một mặt đất xã hội mà đi lên với Gác Bút đã cởi giải mọi oan khiên hệ lụy với đời.

Bấy giờ là khoảng tháng 7, tháng 8, 1975. Thời kỳ yên ổn vẫn còn, nhưng các nhà văn nhà thơ quân đội như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Văn Quang, Phan Nhật Nam, đã bị gọi đi trình diện học tập, và thời gian một tháng đã qua mà không thấy họ trở về. Thêm một lần nữa, chân tướng xảo trá của Đệ Tam hiện rõ trong một lừa dối bất cố liêm sỉ. Phòng trưng bày tội ác mở cửa. Và nhà văn miền Nam là tội ác.

Những loạt bài đả kích dữ dội mở màn. Và trên mỗi đầu mỗi cổ người viết miền Nam, khởi sự một chống chắt những tội trạng tày đình. Trong cái không khí không thể thở không thể sống như vậy, tôi sang Vũ Hoàng Chương, lần tới Gác Bút nào cũng mang ý định bàn với tri kỷ một cách thức đối phó. Lần nào, nhìn tôi lên ông cũng cười:

- Máy ngày rày không thấy mày sang. Đang tính bảo vợ Đinh Hùng đi hỏi. Tưởng bị bắt rồi chứ?

- Chưa nhưng rồi sẽ. Không thể không được.

Ông điểm đạm:

- Tao cũng nghĩ như vậy.

Tôi đọc những người có tên trong bản danh sách được gọi là danh sách Hoàng Trinh cho ông nghe. Hoàng Trinh là thông gia với Trường Chinh. Y vào Nam sớm nhất và được Bộ Chính Trị Trung Ương

Đảng ủy cho toàn quyền xử lý vụ “Văn Học Nghệ Thuật Miền Nam”. Sau này thêm bớt con số người bị bắt, có nhiều danh sách khác. Như danh sách 21, danh sách 44. Nhưng danh sách Hoàng Trinh, 16 người được lập ra sớm nhất và tôi được biết ngay nhờ sự tiết lộ của một cán bộ đảng quen biết ngày trước, hắn đi theo Hoàng Trinh lên Đà Lạt, và được cho xem bản án tử hình này. Ông nghe rồi hỏi:

- Vậy là có hết tên chúng mày mà không có tên tao.
- Ít nhất cũng phải vậy.
- Mày nói thế là thế nào?

Tôi nói thế qua ý nghĩ về ông như một trường hợp riêng biệt. Từ một địa vị văn học văn chương riêng biệt. Và chính vì cái lợi của chúng, cho chúng, mà riêng ông, cộng sản phải để ông yên. Đúng vậy. Cộng sản đặt ông vào trường hợp đặc biệt thật. Duy sự đặc biệt ấy khi xảy ra, ngược hẳn với điều tôi nghĩ. Ông nhìn tôi rồi trầm ngâm:

- Tao cũng không biết thế nào.

Đó là phút trầm ngâm duy nhất với tôi, của Vũ Hoàng Chương về cộng sản, về số phận. Tôi nhớ không lầm. Phải, chỉ có một phút trầm ngâm một lần duy nhất ấy. Rồi Gác Bút được trả ngay cho nó, cho Thơ. Nhưng không ai nói ra mà Vũ Hoàng Chương thừa biết những ngày tháng cuối cùng của ông chẳng còn bao lâu nữa. Bởi vậy mà ông đã dành hết thời gian còn lại đó cho thơ ông.

Phải, cho thơ, phơi phới cho thơ, đêm ngày cho

thơ. Thơ người, thơ mình. Khoảng 60 bài thơ cuối cùng được làm trên Gác Bút mà cộng sản đã lấy đi buổi sáng đến bắt ông, tôi hy vọng anh Bằng Bá Lân còn giữ được một số. Thượng Tọa Thích Đức Nhuận, Từ Mẫn một số khác, nếu đúng như chị Vũ Hoàng Chương đã nói với tôi như vậy. Về 60 bài thơ ấy, tôi chỉ còn nhớ được cái không khí, cái thần thái rất phiêu hốt, rất Lý Bạch. Thời gian này, giảng cho tôi cái hay của Đường Thi qua một số hạt ngọc của thơ Đường, thi sĩ cũng nói đến Lý Bạch nhiều nhất. Một lần, ông đọc lại tất cả những bài thơ về Lầu Hoàng Hạc cho tôi nghe rồi nói:

- Bài của tên Thôi Hiệu vẫn hay nhất. Bài Nguyễn Du lẫn đi sứ qua Hoàng Hạc cũng được lắm. Tên Lý Bạch cũng vịnh một ngôi lầu, không phải Hoàng Hạc thì bài nó lại tồi. Kết mà bằng cái ý lầu xưa còn đây người xưa đâu tá là cái ý sáo và yếu. Chẳng hiểu sao nó không có bài cho Hoàng Hạc. Đã thế tao làm thay cho thằng Lý Bạch.

Và ông cười, đọc bài Hoàng Hạc Lâu của Lý Bạch đời Đường do Vũ Hoàng Chương nước Việt và đời sau làm thay cho. Thằng Lý Bạch. Tên Đỗ Phủ. Thằng Thôi Hiệu. Ở một người khác đó là cách nói ngạo xược, nhưng tuyệt nhiên tôi không thấy sự ngạo xược ấy ở Vũ Hoàng Chương. Thơ ông, lúc cuối đời, đã bay vào muôn đời. Có như là nói tới Lý Bạch, tới Đỗ Phủ nghìn cũ, Vũ Hoàng Chương không ngược đường trở lại với một không gian thơ và một thời

gian thơ xa thăm, mà chỉ như ông đang cùng ngồi một chiếc cỏ, đi cùng một con đường dương liễu, đang cùng sánh vai giữa một vùng non xanh nước biếc nào đó với họ Đỗ, họ Lý mà thôi. Đó là thơ, thơ trong häng cửu. Đó là cái chiều thứ ba, thơ Vũ Hoàng Chương đã từng bao lần nói tới.

Thêm một chút về Lý Bạch. Một buổi chiều, ông nằm thiếp trên sàn Gác Bút, mãi mới guợng ngồi dậy được.

- Tao vừa ở nhà Mộng Tuyết về. Mệt quá.

- Còn tới đó làm gì cho mệt?

- Nể quá. Đào Duy Anh vừa vào. Ở nhà Mộng Tuyết, nói rất muốn gặp tao và muốn có một tập Rừng Phong đem về Hà Nội. Tao mang lên cho. May quá, còn đúng một tập. Thấy tao, Đào Duy Anh mừng lắm. Hắn cũng già quá rồi. Bây giờ ngồi một chỗ soạn tự điển thôi. Mà biết hắn nói với tao gì không? Tôi vào Nam chỉ để gặp anh. Thơ trước sau tôi vẫn chỉ yêu nhất có hai người. Là anh và Lý Bạch.

Tôi chép miệng, hồi tưởng lại một Đào Duy Anh trắng hồng, mạnh mẽ ngồi trước mặt ở hội nghị văn nghệ Lam Sơn, Cầu Bó ngày nào.

- Thế thì làm sao sống được bấy nhiêu năm ở Hà Nội?

- Phải sống. Làm thế nào. Trương Tửu bây giờ còn phải ngồi sao tắm thuốc Bắc, xem tướng tay trên một vỉa hè Bạch Mai thì Đào Duy Anh được họ cho ngồi yên với vài trang tự điển còn là may lắm.

Tháng 9, tháng 10, 1975. Đã nửa năm từ những buổi chiều tím thẫm hoang mang của Sài Gòn, thi sĩ từ một đầu hiên Tý Ngọ nhìn thấy câu thơ tuyệt diệu “Trời ơi, giọt biển chứa dư tang điền” của mình hiện hình thành cái giọt biển đích thực long lanh trên dòng nhân thể tan tác đổ qua chân tường Gác Mây. Đã nằm thảng trên Gác Bút không hề gác bút. Và thơ sống những ngày tháng của thơ giữa một đất Hoa Lư đã túng quẫn đến cùng cực.

Cái quán cà phê Đêm Trắng của cháu Đinh Hoài Ngọc ở đầu ngõ đã phải dẹp vì không có khách tới. Ngọc xoay sang nghề sửa xe đạp. Thằng cháu, trưởng thành hẳn trước đời sống cộng sản, can đảm gánh vác trách nhiệm trong nhà như một người đàn ông lớn; chị Đinh Hùng, da bọc xương, đen thui vì mưa nắng dầu dãi, hàng ngày ngồi ngoài chợ Khánh Hội, mua đi bán lại vài cái quần áo cũ. Đôi lúc mất tinh thần, chị bảo tôi, tươi cười một cách ghê rợn:

– Vẫn có một liều đấy. Và một con gà mái béo dưới bếp. Chẳng cần gì nữa. Chán thì nấu một nồi cháo, sẽ mời anh sang ăn cùng, nếu anh cũng chán. Rồi cả nhà ta về quê.

Liều đây là một gói nhân ngôn. Lặng lẽ ở một góc tường Gác Bút, chị Vũ Hoàng Chương cặm cụi ngồi dán những tờ giấy cũ thành bao gói hàng. Dán cả ngày được chừng 300 bao, giao cho Tàu Chợ Lớn được một đồng tiền mới.

Đương nhiên trong hoàn cảnh này, Vũ Hoàng

Chương không muốn bỏ cũng phải bỏ thuốc phiện. Cũng khổ sở ít ngày rồi ông qua được. Đó là sung sướng thứ hai của Vũ Hoàng Chương, sau sung sướng thơ. Ra thoát được trói buộc một đời tưởng chẳng bao giờ thoát, thi sĩ trẻ trung, nhẹ nhõm hẳn trong thanh bạch trong suốt, và ngọn đèn dầu lạc đôi khi được thắp không lên, chỉ để ấm áp một mặt chiếu. Và hơi lửa là để khô mau những nét chữ rồng bay phượng múa còn ướt mực hơ nghiêng dưới ánh đèn.

Dưới ánh đèn ấy, một tối ông lục trong chồng sách rồi liệng cho tôi một tập Nhị Thập Bát Tú.

- Hôm đó, anh em cùng ký tên vào trang đầu sách ghi lại buổi họp mặt. Bảng ấy thằng có tên ký đã đi xa chỉ còn mày. Mày không chỉ ký thôi còn viết thêm câu đó. Mà sao lại câu đó?

Tôi mở tập Nhị Thập Bát Tú. Chữ ký Thanh Nam, Phan Lạc Phúc. Chữ ký Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền. Nhớ rồi. Lần đó còn ở Gác Mây. Một vài ngày gì đó sau Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương. Bọn chúng tôi họp mặt với thi sĩ, lúc ngà ngà hơi rượu, đã cùng ký tên mình vào một bản Nhị Thập Bát Tú. Lướt tôi, vui tay tôi viết thêm một câu thơ của Vũ hiện đến trước nhất với trí nhớ lúc đó. Câu thơ đó là: “Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?”

Câu thơ của bạn câu thơ ngờ vực kiếp người, ghi xuống một tập thơ của bạn, tập thơ kết thúc ngôn ngữ thơ trác tuyệt với Nguyễn Du, bác học với Nguyễn Gia Thiều, và tối Vũ Hoàng Chương và *Nhị Thập Bát*

Tú, rồng bay phượng múa từng khuôn 28 chữ toàn bích, đầy trí nhớ tôi đêm đó ở Góc Bút, trở lại với từng thời điểm đời sống nhân thế của thi sĩ.

Thời điểm tới, trôi qua, rồi chìm khuất vào quá khứ. Nhưng thời điểm nào mang tên Vũ Hoàng Chương cũng là một trọng điểm của thi ca Việt Nam suốt ba mươi năm trời. Khởi đầu là tính chất đại diện. Thi sĩ, giữa chúng tôi là một đại diện. Từ Đinh Hùng mất đi, vị thế đại diện ấy rõ rệt và duy nhất. Ông là người đại diện cuối cùng của dòng thơ tiền chiến. Dòng đại lưu ấy của thơ bị ngăn chặn lại bởi biến động 45, xuôi chảy yếu ớt đứt khúc với toàn dân kháng chiến, bị cộng sản hủy diệt dần dần cho tới chết hẳn, duy Vũ Hoàng Chương là người mang được nó chảy xiết vào thi ca miền Nam, khi hai miền đất nước tổ quốc đã chia lìa, miền Bắc không còn thơ nữa.

Dòng tiền chiến còn những đại diện khác của nó. Như Quách Tấn, Bàng Bá Lân. Khi Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư đã bị đảng búc bách khai tử con người thi sĩ ở họ, họ thần phục và hết là thi sĩ, thi sĩ là giống nòi không chịu biết thế nào là ý nghĩa hai chữ thần phục. Nhưng ở cái bóng mờ Bàng Bá Lân, tính chất đại diện cũng bóng mờ. Quách Tấn cũng vậy. Quách Tấn cuối đời cũng chỉ là một chống chơi tuyệt vọng và bất thành trước đào thải đã là. Ngày một thăng hoa khiến vị thế đại diện tồn tại nguyên vẹn trước đào thải nhiều mặt, khiến ông vừa là người khai sáng vừa là người chuyển tiếp,

khiến ông là một gia tài thơ cho cả một thế hệ thơ sau được kế thừa, chỉ có Vũ Hoàng Chương trong thơ chúng ta.

Chỉ có Vũ Hoàng Chương mà thôi. Có nhìn Vũ Hoàng Chương trên trình tự thời gian khá dài của thơ, có đặt ông vào cuộc vận động cực kỳ lớn lao của thơ Việt từ 50 năm trở lại đây, mới nhận thức được trên mọi chiều hướng thức của nó, cái tài thơ phi thường ấy, nhà thơ vĩ đại của thơ Việt chúng ta. Tôn vinh ông là đệ nhất đương thời thi sĩ, Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ lớn nhất của một dòng thơ khác, đã không đi theo một xô đẩy tình cảm nào. Chỉ là Thanh Tâm Tuyền nhìn nổi ông, bằng một cái nhìn lớn.

Mọi người là thi sĩ. Riêng ông là thi bá.

Bởi vậy mà với một chế độ tử thù với thơ, sau ngày 30 tháng 4-1975, Vũ Hoàng Chương phải bị giết chết. Ngày bắt ông, 13 tháng 4-76. Ngày ông mất 19 tháng 8 cùng năm. Chúng bắt ông sau cùng. Và giết ông trước nhất.

Trở lại với Gác Bút và câu thơ “Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?”, tôi nói:

- Trí nhớ tao lúc đó bắt gặp câu thơ ấy, vậy thôi.

Ông không chịu:

- Tại sao trí nhớ mày không gặp một câu khác?

Vui thú ông ngồi xồm lên, như một đứa trẻ vui thú:

- Bây giờ, bây giờ. Mày xem, lạ thật chứ, kiếp người đó ư?

Ông mở lại tập Nhị Thập Bát Tú, chỉ xuống chỗ ghi ngày tháng buổi họp mặt ở Gác Mây:

- Lúc đó chưa sao, đã có gì đâu. Chưa mất Buôn Mê Thuột nữa. Hay lúc đó trí óc mày đã linh cảm thấy cái sắp xảy ra, cuộc bể dâu này, mà chính mày không ngờ tới?

Tôi cười, lắc đầu, nhận lấy cho mình sự tỉnh bơ thôi và trả về cho ông cái hiệu năng cách cảm tuyệt diệu với vị lai nhân thế, hiệu năng này là một hiệu năng thi sĩ, như ta đã thấy trên cái bình diện tri thức nhìn suốt tám cõi, thấy suốt nghìn đời của thiên tài Nguyễn Du ngày trước. Đêm đó Gác Bút khá vui. Ông nhắc lại cùng tôi một số câu thơ có tính chất tiên tri của Đoạn Trường Tân Thanh. Rồi nhìn bữa nhậu thanh đạm chị Chương, chị Hùng đãi tôi đã hết, ông moi ở dưới chiếu lên một tờ giấy mười đồng mới, sai cháu Ngọc đi mua thêm rượu cho tôi uống. Cả Gác Bút cùng tròn mắt kinh ngạc trước Vũ Hoàng Chương có tiền. Ông cười:

- Hôm qua, hai thầy Từ Mẫn và Thích Đức Nhuận tới đây. Ở trọn buổi, lúc về đưa tặng tao mười đồng. Tiền bạn bè cho tao nhận được hoài. Nhưng nhà chùa tặng, lần đầu tiên có. Có lẽ hai thầy cũng tiên tri, biết phải đưa tiền cho tao để hôm sau mua rượu cho mày.

Có thêm rượu, tôi ở lại thêm, hưởng thêm một lần nữa, cái thú ngất ngưỡng ngồi xếp chân vòng tròn, đối diện với bạn, lấy được cái phong cách coi

đời như không của bạn, an nhiên trước mọi chuyện và thầy kệ ngày mai. Kéo dài câu chuyện những lời thơ tiên tri như “Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư”?

Tôi kể cho ông nghe về một Hoàng Hải Thủy mới. Từ sau ngày 30 tháng 4, Thủy đóng cửa nằm nhà và tìm được một nguồn vui mới: làm thơ. Thủy dịch thơ Mỹ thành thơ Việt, dịch thơ Thủy sang Anh ngữ, chép thành một tập nắn nót, mỗi lần tôi đến mang ra đọc, cười cười như có ý nói: với thơ, tao là một thằng ngoại đạo nhưng tao thích và thơ tao đây này, hay dở bất cần. Mỗi bài thơ, Thủy để tặng một người bạn. Thơ Thủy, tinh thần và khí thơ Nguyễn Bính, rất minh bạch. Làm thơ về nhạc Hoài Bắc, tặng Hoài Bắc, về tiếng hát Thái Thanh, tặng Thái Thanh, về đời sống lang thang của Lê Trọng Nguyễn, tặng Lê Trọng Nguyễn. Vui lắm. Coi như mỗi bài thơ là một bức chân dung, vẽ xong tặng ngay cho người mẫu. Duy hôm đọc cho tôi nghe bài tặng Vũ Hoàng Chương, Thủy cười trước khi đọc:

– Cái này tao láo đây. Thơ tao để tặng bạn thôi thì được. Dám tặng cả bậc thầy là xấc. Nhưng bài thơ có từ một lòng kính trọng. Nói đến lòng kính trọng ấy. Bây giờ tao mới thấy phục Vũ Hoàng Chương vô tả. Thấy thơ ông ta tiên tri không?

Tôi hiểu Hoàng Hải Thủy muốn nói gì. Bấy giờ cuộc di tản hơn trăm ngàn người Sài Gòn ra Đệ Thất Hạm Đội vừa qua.

Câu chuyện hàng ngày của những người ở quê

hương là những người đang lênh đèn trên mặt biển. Về những đắm ngọc chìm châu đã diễn ra ngoài biển Đông nghìn trùng. Về con tàu Thương Tín, đến không đến, về chưa về, lắt lay số phận. Mặt khác, hàng triệu người Sài Gòn bắt đầu bị báo chí và cán bộ cộng sản từ Bắc vào chửi rửa là đầu cơ chiến tranh, ôm chân thẳng địch. Chịu trận, hàng ngàn người Sài Gòn, những lúc trà dư tửu hậu với nhau, đều đọc hai đoạn thơ này của Vũ Hoàng Chương:

*Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
 Bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh
 Bể vô tận sá gì phương hướng nữa
 Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đèn.
 Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ
 Một đời người u uất nổi trôi vơ
 Đời kêu bạc không dung hồn giản dị
 Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.*

Một lần Thanh Tâm Tuyền đã nói với tôi về một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt thường thấy và chỉ có ở những tài thơ lớn, qua một số câu thơ bất chợt có được một số mệnh đặc biệt khi trở thành, từ một lúc nào không hay biết, ngôn ngữ thường dùng của quảng đại, như lời nói thường, trong đời sống hàng ngày. Những người chưa từng biết đến thơ, trọn đời chẳng hiểu thế nào là thơ, bỗng sống thơ, nói thơ, bởi tâm trạng đám đông một thời đã được nói hết trong một câu thơ và quảng đại đã hồn nhiên sử dụng câu thơ ấy như lời nói thường ngày mà không

hể biết rằng lời nói thường ấy chính là một lời thơ, của một thi sĩ.

Nhà thơ lớn không chỉ bất hủ với văn học, mà còn bất hủ với đồng loại, với cùng thời, với cái cao quý nhất của đời sống là đời sống hàng ngày là vậy. Dân gian đã nói thường với nhau, chứ không phải đã đọc thơ, như thế, hàng trăm câu thơ Nguyễn Du.

Từ cộng sản chiếm được miền Nam, hơn ba triệu người Sài Gòn đều “nói” Vũ Hoàng Chương. Thấy nhau là “Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa”. Gặp nhau là “Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ...” Thật cảm động và cũng thật tức cười. Và đó cũng là một lý do nữa trong những lý do gây tai họa sắp tới cho thi sĩ.

Sau đêm ở lại Gác Bút tới sát giờ giới nghiêm mới về và được thi sĩ đãi một bữa rượu bằng tiền của Thượng Tọa Thích Đức Nhuận mà tôi không ngờ là bữa rượu cuối cùng của mình ở đất Hoa Lư, bằng đi hai tuần, tôi không sang phường Cây Bàng. Thời gian này, ngày bầu cử Quốc Hội Thống Nhất mà Hà Nội thực hiện trong mục đích xóa bỏ hoàn toàn Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, sắp tới.

Trong chiều hướng hạ nhục, không cho văn nghệ sĩ miền Nam có tội đi bầu và như vậy mặc nhiên bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, một chiến dịch đả kích thô bạo và cực kỳ dữ dội lại bùng nổ trên báo chí, đài phát thanh cộng sản. Lần này là nhất tề khai pháo. Là đồng loạt tấn công. Từ tở Cộng Sản, tở Học Tập, tở Văn Nghệ, tở Giai Phẩm Mới tới các tở Giải Phóng

hàng tuần và hàng ngày ở Sài Gòn. Kết tội. Lên án. Đòi trừng phạt. Nhắm vào các “nhà văn chống cộng” của miền Nam, nặng nề nhất là nhóm Sáng Tạo.

Từ cơ quan được gọi là Bảo Vệ Văn Hóa đặt tại một căn nhà số chẵn đường Hai Bà Trưng, nơi bọn Vũ Hạnh, Sơn Nam hàng ngày thì thọt lui tới, với những bản báo cáo mật (thực ra cơ quan này là một bộ phận của An Ninh Thành Ủy Đảng, đặc trách về văn nghệ “ngụy”), bản danh sách 44 người sẽ bị bắt đã được hoàn tất, mỗi nhà văn miền Nam có tên trong sổ đen đã mỗi người có một hồ sơ tội trạng riêng.

Tôi được thấy một phần hồ sơ tôi. Bởi nữ ca sĩ Mỹ Hòa. Hòa bây giờ ở Pháp, lúc đó có nhà riêng ở Thị Nghè, trước rạp Cao Đồng Hưng và giao du rất thân thiết với Hoài Bắc. Một tối Hòa mời tôi và Hoài Bắc sang nhà ăn cơm. Rồi nói với tôi:

- Từ nay anh đừng ở mãi một địa chỉ nữa. Mà phải có ba bốn địa chỉ khác mới được. Một thằng an ninh đương chạy theo bọn em, em nói khéo, nó cho xem hồ sơ. Anh Hoài Bắc không sao. Chúng định bắt rồi thôi. Tên anh thì chắc có rồi. Tội một chồng đầy. Chỗ nào tội nặng đều có khoanh bút chì đỏ. Anh phải sống lưu động đi mới được. Đừng chịu trận một chỗ cho chúng đến bắt làm chi.

Tôi không nói gì. Cũng chẳng nghĩ gì, chẳng tính được gì trước tự do của mình chỉ còn đếm từng giờ, từng phút. Lòng như đã chết, từ Thanh Tâm Tuyền, từ Phan Lạc Phúc, từ Tô Thùy Yên lưu đày xa. Chúng

ta trồng tình bằng hữu khít liền. Thơ Thanh Tâm Tuyền đó. Tình bằng hữu một đời của bọn chúng tôi trồng thành một cánh rừng xanh ngắt. Cánh rừng ấy đã bốc cháy, bị đốt gẫy, từng gốc một. Những bạn bè khác đã đi xa, đã ở bên kia chân trời, bên kia trái đất. Các anh Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế cũng đã có tên trong bản án tử hình. Trước sau cũng như nhau. Cũng bị bắt. Chẳng có vấn đề gì nữa. Riêng còn Vũ Hoàng Chương. Tôi vẫn còn nuôi ý nghĩ và hy vọng là riêng ông, riêng địa vị văn học đặc biệt của ông, cộng sản sẽ để ông yên. Trên ý nghĩ đó, tôi trở lại phường Cây Bàng buổi tối hôm sau. Có như biết mình lâm nguy rồi, mà không đến từ biệt bạn ở lại, ở tôi có điều gì không phải vậy.

Đó là lần gặp mặt cuối cùng với Vũ Hoàng Chương. Không bao giờ tôi còn được gặp ông nữa.

Nhớ hôm đó trời khô ráo, nhưng phố xá tối thẫm, tôi phải dắt xe đi bộ vào Gác Bút từ ngoài đường lớn. Đêm cộng sản hàn băng trong tâm hồn người. Thê lương trên khắp một vùng Khánh Hội. Gác Bút le lói ánh đèn cuối cùng đáy một con ngõ biệt khuất khúc và tối thui. Tôi để tựa cái xe đạp vào một bên tủ thờ Đinh Hùng, đi theo chị Vũ Hoàng Chương trên cái cầu thang nhỏ hẹp. Mọi người chừng như đã sửa soạn đi ngủ. Riêng thi sĩ còn thức, đang ngồi xỏm trước một ấm đồng nhỏ xíu. Thấy tôi ông mừng rỡ:

- Hay lắm tưởng cái ấm trà này, tao phải uống một mình chứ. Ngồi xuống đây. Cả tuần nay mày đi

đâu? Vừa bảo với Kiều Oanh, mai không thấy mày sang, sẽ sang mày, nhân tiện tới thăm Hỷ Khương một chút.

Tôi cười, lòng đang nặng trĩu, bất chợt mọi buồn bã tiêu tan, như lần nào cũng vậy, từ ngoài nhân thế ưu phiền tới Gác Mây, Gác Bút, ngồi xuống, xếp chân vòng tròn, đối diện với tri kỷ, đối diện với Vũ Hoàng Chương. Ông pha xong khay trà, đẩy tới:

- Thứ trà này gọi là Kỳ Chương. Chỉ có một tiệm Tàu trong đường Khổng Tử Chợ Lớn có mà thôi. Đắt quá. Những ngàn rưỡi một lạng. Gấp bốn lần trà thường. Thành ra hết lại phải lặn lội vào trong ấy mua, đi về mất cả buổi, và lần nào cũng chỉ dám mua một lạng.

Kỳ Chương thật đắt. Ngẫm nghĩ mãi mới thấy vị ngọt ngào nổi dần trong đầu lưỡi. Rất hợp với sở thích về trà của Vũ Hoàng Chương.

Ông nheo mắt nhìn tôi nhấp nhấp Kỳ Chương nóng bỏng. Rồi lại nhắc đến Nguyễn Tuân:

- Thăng Tuân ngày trước đi cô đầu đòi bằng được Thiết Quan Âm. Thiết Quan Âm cũng ngon ở cái đắng. Nhưng không sánh bằng Kỳ Chương.

Tôi im lặng uống trà, trông mắt, theo thói quen có từ trí nhớ đã suy yếu, cố gắng ghi nhận trong một lần chót cảnh tượng một nơi chốn thân thiết lưu luyến lát nữa rời bỏ, không hy vọng có ngày trở lại. Gác Bút đây. Đắt linh Hoa Lư đây. Chỗ ở cuối đời của thiên tài đây. Người xưa tiễn nhau nơi chân cầu có liễu rủ

in hình trong bóng nước, bẻ gãy một nhánh liễu từ tạ đưa tay người lên đường. Và thơ Vũ Hoàng Chương: “Ai về đất cũ giùm ta nhắn, rằng kẻ vào Ngô nhớ Lạc Dương.” Gió đêm từ ngoài phường Cây Bàng thổi vào Gác Bút đêm đó niềm u uất quan ải, đúng vô tả giữa thế giới cộng sản hiu hắt, và tôi, trấn áp mọi xúc động từ biệt, uống thêm một tách Kỳ Chưởng nữa trong cái tinh thần Lạc Dương ngậm ngùi. Trước mắt tôi, bên kia ngọn đèn, Vũ Hoàng Chương ngồi lúi lại, tựa lưng vào tấm chăn bông cuộn tròn.

Biết mình sắp bị bắt, có thể đã bị theo dõi, tôi nghĩ không nên ngồi lâu nữa. An ninh cộng sản có cái kiểu bắt được một người ở đâu, bắt luôn chủ nhà theo. Tôi lục tìm trong đám sách vở, bản thảo để bừa bãi trên mặt chiếu, lấy ra tập Nhị Thập Bát Tú có câu thơ “Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?” viết thêm vào đó một câu nữa. Rồi ký tên và để ngày tháng. Hôm đó là ngày 28 tháng 3 năm 1976.

Thi sĩ cười:

- Mà viết thêm gì đó?

Tôi lảng lạng liệng tập Nhị Thập Bát Tú qua ngọn đèn. Ông đón lấy, dùng kính hiển vi, soi sát trang sách rồi ngạc nhiên:

- Không phải thơ tao.

Tôi gật:

- Không. Văn tao.

Câu tôi viết là “Cứ coi như từ biệt.”

Đoạn, trước chị Chương, chị Hùng, cháu Ngọc

tới ngồi chung quanh, tôi nói rõ lý do tại sao tới Góc Bút đêm nay là lần cuối cùng. Mọi người im lặng. Một lát cháu Ngọc nói:

- Nếu phải rời nhà, mời bác đến ở đây với bác cháu và mẹ con cháu.

Chị Đinh Hùng thở dài, hậm hực:

- Vậy là chúng nó không để ai yên nữa!

Rồi chị chửi thể bọn khốn nạn.

Riêng Vũ Hoàng Chương không nói với tôi một lời nào. Chỉ rất cẩn thận, pha thêm cho tôi một tách trà nữa. Lúc tôi đứng lên, đi tới đầu lối xuống cầu thang, ông mới gọi:

- Ở đâu, tìm cách cho tao biết.

Tôi gật, nhưng sau đó, không làm theo. Và thơ cuối đời của Vũ Hoàng Chương vì vậy mà có thêm một bài thơ năm chữ. Bài Cứ Coi Như Từ Biệt.

Buổi sáng ngày 13 tháng tư năm 1976 (phần hồi ký này viết theo lời chị Vũ Hoàng Chương thuật lại) là một buổi sáng ấm áp, nhưng đêm trước lộng gió, lạnh, thi sĩ bị cảm, đã 9 giờ còn đắp chăn nằm trên mặt sàn, không sao ngồi dậy được. Mọi người trên Góc Bút, trừ chị Chương, đã ra khỏi nhà. Chúng đến, từ phía Sài Gòn. Bốn chiếc Jeep đầy nhóc an ninh áo vàng mang súng ống như cho một hành quân lớn âm ỉ vượt qua cầu Calmette, khu chợ Khánh Hội, phóng thẳng tới phường Cây Bàng và ngừng lại trước con ngõ nhỏ dẫn vào Góc Bút.

Bọn an ninh cộng sản, trên 20 đứa, tới tấp nhảy

xuống xe. Khoảnh khắc, cả phường Cây Bàng bị vây kín. Sau này tôi được biết là đến bắt các anh Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sĩ, Duyên Anh, vợ chồng Trần Dạ Từ và tôi, an ninh đỏ chỉ điều động một lực lượng từ 4 đến 6 đứa, trên một hoặc hai xe Jeep là cùng. Thường thường điều động thế này, như trường hợp đến vây bắt tôi: hai đứa đứng ở vỉa hè đối diện, bên kia đường, hai đứa đứng sát hai bên cửa ra vào, hai đứa vào. Bắt được người rồi, bốn đứa ở ngoài mới vào theo, cùng lục soát tịch thu tài liệu. Vây bắt công khai nhưng tránh gây náo động. Trường hợp Vũ Hoàng Chương khác hẳn. Chúng chạy rầm rập, dí súng, mai phục theo tư thế chiến đấu, phá tan bầu không khí yên tĩnh của cả phường Cây Bàng buổi sáng hôm đó. Dân chúng xung quanh Gác Bút thất kinh. Có người hỏi, chúng trả lời: “Phải huy động một lực lượng lớn lao như thế này để tóm trọn ổ một bọn cướp (!) lợi hại.”

Sự náo động đột ngột dưới chân tường Gác Bút, tiếng la thất thanh của chị Vũ Hoàng Chương gượng từ trên lầu chạy xuống khi bọn sát nhân xô cửa ập vào đánh thức thi sĩ khỏi giấc ngủ chập chờn. Ông gắng ngồi dậy, lấy áo gấm mặc vào người, ngồi thật thẳng giữa chiếu, bất động, chờ đợi.

Suốt thời bọn khuyến ưn khuyến phệ tới làm tan hoang Gác Bút với sự hôi tanh kinh tởm toát ra từ con chó chết xã hội chủ nghĩa chúng mang theo (tôi dùng lại danh từ của Soljenitsyne), tâm thức phóng

thoát rời đứt với thân thể ô trọc ở thi sĩ thể hiện một lần nữa. Lần cuối cùng. Ông không kinh hãi, cũng không phẫn nộ. Ông không bất ngờ, cũng chẳng ngạc nhiên. Chỉ ngồi thẳng, thành tượng, mắt nhắm lại, thu hết tâm thức đã hợp nhất với đời đời vào nội giới đóng kín.

Bọn quỷ dữ ở lại trên Gác Bút hơn hai tiếng đồng hồ. Suốt thời gian này, thi sĩ không thềm nói với chúng một lời nào. Chúng hỏi, ông không trả lời. Chúng đọc bản cáo trạng, lệnh bắt giữ, ở ông chỉ một thoáng nhún vai rồi ngồi yên như cũ. Riêng chị Vũ Hoàng Chương không sao thản nhiên được, chị uất ức gào lên:

- Chống tôi làm gì mà bắt chống tôi?

Thì được tên thủ trưởng của bọn quỷ dữ trả lời là sau đại thắng của cách mạng, tên thi sĩ phản động kia vẫn còn làm thơ chống phá cách mạng và cho phổ biến khắp Sài Gòn những bài thơ chống phá chế độ ấy. Rồi là cuộc lục soát và tịch thu tàn nhẫn. Từ những cuốn sách đến từng tờ bản thảo. Lúc mặt trời đứng bóng trên mái lầu Gác Bút, cuộc lục soát xong, hai thằng lực lưỡng nhất bọn quỷ tiến lại, xốc nách thi sĩ đứng lên, kèm ông xuống cầu thang. Dân chúng láng giềng với Gác Bút đứng chật lòng con ngõ khi chúng dẫn thi sĩ đi ra và đưa thẳng ông vào khám lớn Chí Hòa.

Khoảng 11 giờ sáng ngày 3-4-1976, một ngày sau Nguyễn Mạnh Côn, 5 giờ sau Trần Dạ Từ, Nhã Ca,

Dương Nghiễm Mậu, An ninh Thành mang lệnh truy nã của Ủy Ban Quân Quản tới bắt tôi ở nhà riêng đường Phan Đình Phùng. Nhờ sự tình cờ vừa ra khỏi cửa lúc đó, tôi thoát lưới và đi luôn vào ẩn lánh.

Mọi liên lạc giữa tôi và thi sĩ đứt đoạn hẳn. Từ chỗ ẩn, ném những đường dây tìm hiểu tin tức ra ngoài đời sống, đặc biệt về số phận những nhà thơ, nhà văn miền Nam mà cuộc đàn áp văn nghệ đã làm chấn động dư luận dân chúng Sài Gòn, tôi vui mừng được biết Vũ Hoàng Chương vẫn còn ở phường Cây Bàng, không bị bắt. Chúng để ông yên thật sao? Như chưa bắt giáo sư Nguyễn Đăng Thục? Như còn để đó học giả Hồ Hữu Tường? Trong suy luận tôi, chúng “phải” để cho Vũ Hoàng Chương yên. Bởi cái địa vị đặc biệt của ông trong văn học, không phải từ 1954, mà từ xa trước, từ tiền chiến. Bởi bắt chúng tôi, để yên Vũ Hoàng Chương chúng sẽ thành công phần nào trong việc chia rẽ hàng ngũ văn nghệ sĩ miền Nam, như chúng đã để yên Lê Tràng Kiếu, Đỗ Đức Thu, không bắt Vũ Bằng. Tội lắm. Ở chính trong cái đúng của mình. Cùng thành danh thời tiền chiến nhưng kích thích Vũ Hoàng Chương trước “đánh giá” của cộng sản không cùng một kích thích với Lê Tràng Kiếu, Đỗ Đức Thu và Vũ Bằng. Mà lớn lao hơn gấp bội. Do đó nguy hiểm hơn gấp bội. Không để cho thiên tài được sống. Đó là quy luật đỏ.

Đại trí thức, đại thi sĩ phải dồn vào ngục tối. Đã như vậy ở Bắc Kinh, ở Mạc Tư Khoa. Để cho sáng

ngôi ngôi sao Bắc Đẩu trên vọi vọi nền trời thi ca hai miễn, thơ Hồ Chí Minh, thơ Tố Hữu, thơ Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, sao còn là thơ được nữa? Vũ Hoàng Chương bị bắt chậm hơn chúng tôi ít ngày chỉ vì Đảng Ủy Miễn, riêng trước ông không dám quyết định mà phải chờ Hà Nội.

Một đêm, trên đường rời một chỗ trú ẩn bị động đến một chỗ ẩn mới, tôi tạt vào nhà một người bạn, anh H. ở đường Cao Thắng. Như tôi, anh H. rất yêu thơ Vũ Hoàng Chương. Là một trong ít người, ngày 30- 4-75 vẫn lui tới Góc Bút thăm hỏi thi sĩ những ngày nằm bệnh. Thấy tôi H. ngạc nhiên và mừng rỡ. Và nói ngay với tôi về Vũ Hoàng Chương:

- Trời, anh đang ở đâu? Tôi vừa sang phường Cây Bàng, anh Chương đã biết anh bị truy nã, nhưng không biết anh nằm ẩn ở chỗ nào. Nhờ tôi cố gửi cho anh cái này đây.

H. lấy ở dưới chân cây đèn ra một tờ giấy gấp nhỏ. Tôi mở ra đọc. Đó là một bài thơ năm chữ. Để gửi M.T. Tựa đề của bài thơ là câu tôi đã viết vào tập Nhị Thập Bát Tú, lần cuối cùng trước khi bị truy nã tôi từ biệt thi sĩ ở Góc Bút: Cứ coi như từ biệt. Tôi đọc bài thơ. Xúc động. Mang theo nó về chỗ ẩn mới. Bây giờ chỉ còn nhớ được đoạn đầu và hai câu cuối bài:

Cứ coi như từ biệt

Liền tay thảo một chương

Bút vạch không thành nét

Chữ viết không thành hàng

*Bây giờ trở về trước
Là mây trời dọc ngang
Từ nay là bóng tối
Chia hai từ dao vàng*

Liền tay thảo một chương. Bài thơ được làm ngay đêm đó, đêm tôi rời Gác Bút. Tôi không chắc chắn. Nên chỉ viết: Cứ coi như. Nhưng ông tri thức về trước sau, về mất còn thâm sâu hơn tôi nghìn lần, ông đã biết. Biết tôi không thể nào còn trở lại Gác Bút. Biết chẳng thấy nhau nữa. Mãi mãi. Và còn biết, chính ông cũng chẳng còn sống thêm bao nhiêu nữa, trước kẻ thù.

Thi sĩ ngồi tựa vào thành ghế, hai mắt nhắm lại, nét mặt khép kín, xa vắng. Bọn quý dữ vội vã rút khỏi phòng Cây Bàng, nơi chúng vừa gây nên tội ác lớn lao nhất đối với thi ca và văn học Việt Nam. Buổi trưa Khánh Hội sững sờ, chấn động. Bốn chiếc xe Jeep mở hết tốc lực trở về Sài Gòn, hướng về khám Chí Hòa. Đó là tất cả những hình ảnh cuối cùng người đời thấy được ngày 13 tháng 5 năm 1976, về thi sĩ Vũ Hoàng Chương, 61 tuổi, với cội thơ trác tuyệt mở ra với nó một thời và đóng lại với nó một thời.

Hơn 4 tháng nằm trong ngục tối của thi sĩ, không ai có được những chi tiết đầy đủ. Kể cả chị Đinh Hùng, chị Vũ Hoàng Chương, cháu Vũ Hoàng Tuân, cháu Đinh Hoài Ngọc, những người đêm ngày ở cạnh chỗ nằm của ông suốt 5 ngày hấp hối.

Trở về Gác Bút, thể chất trút thoát dần dần những tinh khí cuối cùng, thần trí Vũ Hoàng Chương vẫn cực kỳ minh mẫn sáng suốt. Tối đêm lâm chung. Tối phút tử trần. Nhưng thi sĩ không nói, không nói một lời nào về bốn tháng Chí Hòa. Ngày thứ hai của năm ngày chót ông mê đi. Tưởng ông đi, chị Vũ Hoàng Chương lớn tiếng kêu khóc. Ông dịu dàng:

- Tôi còn sống đây.

Rồi nói đùa:

- Bị bắt vẫn còn oai. Được thủ tướng hầu hạ.

Thủ tướng đây là bác sĩ Phan Huy Quát, ở cạnh phòng ông, phòng tối số 6. Buổi chiều ngày thứ ba, ông quần quai đau đớn hết một lúc. Thấy vậy chị Vũ Hoàng Chương lo lắng hỏi:

- Ở trong ngục anh có bị chúng hành hạ gì không?

Ông trả lời:

- Chúng cần gì hành hạ. Chỉ bỏ đói là đủ cho mình chết.

Vậy thôi. Ngày thứ năm, ngày 17 tháng 9, 1976, Gác Bút yên tĩnh với thi sĩ nằm đó, trên mặt sàn hiu quạnh. Rồi ngày hết, đêm xuống. Và định mệnh mở rộng cánh tay như một lớp sóng mênh mông vô tận đón ông vào đời đời lúc đó là vừa đúng 12 giờ đêm.

* * *

Mãi hơn hai tháng sau, một đêm mưa lớn, từ một chỗ ẩn mới bên quận Bình Thạnh vùng xa lộ Biên Hòa lặn lội trở lại khu Cao Thắng Bàn Cờ thăm H.,

cũng là để có tin tức về bạn từ bài thơ từ biệt, tôi mới được H. ngâm ngùi cho biết tin thi sĩ đã qua đời.

Đêm đó, con ngõ dẫn vào nhà H. ngập nước. Tôi bì bõm lên tới căn gác xếp nơi họp mặt ngày trước của các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng và bọn nhà văn chúng tôi say rượu đêm đêm chán đời kéo nhau về đó tán chuyện trên trời dưới biển, thân thể tôi còn ướt đầm, chân tay lạnh cóng. Và nghe tin bạn mất, tôi không còn một phản ứng nào hết. Chỉ lẳng lặng ngồi xuống, hơ hai bàn tay lạnh lên ngọn đèn, nhìn đăm đăm những ngón tay ấm dần, hồng dần trên lửa. Một đêm cộng sản, tin dữ về thiên tài thơ, một tri kỷ được đón nhận như thế. Trong thờ ơ nhân thế, trong hiu quạnh cõi đời, trong giới nghiêm tằm tối, trong trống không vô cùng vô tận. Trên một sàn gác xếp hiu quạnh.

Một lát thật lâu. Mưa ào ạt trên mái. Rồi H. hỏi:

- Anh không biết gì sao?

Tôi lắc đầu, nói nơi ẩn náu lần này xa khuất, ra ngoài gần như không được, tôi dứt hết mọi liên lạc, kể từ gặp H. lần trước.

Rất ít người biết. Chúng tôi cũng không biết. Bọn khốn nạn hiểu rõ cái chết của anh Chương sẽ gây chấn động lớn. Chúng tìm hết cách bịt đi. Mấy ngày sau đám tang, chị Vũ Hoàng Chương tới đây, xõa tóc, mặc đại tang, chị khóc lóc nói anh Chương đi mà chị không làm sao báo tin dữ đến bạn bè. Cáo phó cháu Đình Hoài Ngọc đưa đăng trên tờ *Tin Sáng*, bọn Ngô

Công Đức hèn đốn đã thu tiền nhận đăng sau lại gửi trả tiền nói An Ninh Thành Ủy cấm.

Thành ra đưa anh Chương tới nơi an nghỉ cuối cùng chỉ có mấy người trong nhà đi sau linh cữu. Bọn Phường Khóm được lệnh còn cấm cả hàng xóm láng giềng phường Cây Bàng không cho tới chia buồn và phúng viếng. Nhà không còn một đồng một chữ, chị Chương cuống cuống không biết xoay xở thế nào. May được Thầy Thích Đức Nhuận và Từ Mẫn tới, lo liệu mọi chuyện. Từ áo quan tới xin đất nghĩa trang.

- Anh Chương nằm ở đâu?

- Xa lắm. Một nghĩa trang làng, mới có từ sau 30 tháng tư. Hết vùng Chí Hòa, Lê Văn Duyệt còn phải đi một quãng nữa. Năm mươi ngày của anh Chương cũng không được làm ở nhà, sợ Phường, Khóm gây khó dễ. Mà ở chùa Giác Minh.

- Có những ai tới?

- Chừng mười mười lăm người, trong số đó có Nguyễn Hoạt, Bàng Bá Lân, Nguyễn Hiến Lê, Vương Hồng Sển. Mọi người đều yên lặng cả. Chỉ có Nguyễn Hiến Lê, trước lúc ra về, nắm lấy tay chị Chương, an ủi:

- Chị đừng đau buồn nhiều. Anh mất thế là thoát. Bọn chúng tôi bây giờ sống cũng như chết, muốn được như anh mà không được.

Nhưng cái tang văn học này, Lê Tràng Kiều cho tôi hay ở ngoài nước nhiều nơi lại biết ngay. Như ở Đài Loan, Hội Văn Bút bên ấy đã tổ chức ngay một lễ truy điệu rất trọng thể. Buổi lễ có thuật lại sự nghiệp,

tiểu sử và bình một số thơ dịch ra chữ Hán của thi hào Việt Nam vừa bị cộng sản sát hại. Đầu như ở Paris, một số kiều bào yêu thơ Vũ Hoàng Chương cũng đã làm một lễ tưởng niệm tương tự.

Đêm đó, tôi ra khỏi nhà H. trận mưa đã dứt, nhưng con ngõ còn ngập nước. Suốt dọc đường trở về chỗ ẩn, tôi cứ nghĩ mãi đến mấy câu thơ từ biệt của bạn:

Từ nay trở về trước

Là mây dọc ngang trời

Bây giờ là bóng tối

Chia đôi từ dao vàng.

Dao vàng. Tại sao dao vàng? Con dao vàng chặt đứt âm dương, đảo lộn trình tự thời gian, có phải lấy ý từ câu thơ “Tóc mây một món chiếc dao vàng” Đoàn Phú Tứ? Hay từ một điển tích nào của thơ Tống thơ Đường? Tôi không chắc chắn được là thế nào. Người sử dụng đắc địa và thần sầu nhất cái kho tàng điển tích, sử dụng và không bao giờ nô lệ cho điển tích, chỉ có một người trong thi ca Việt Nam và người đó đã mất. Ngẫm câu chiết liễu còn sa lệ. Cái giọt lệ nhỏ xuống cho bằng hữu, cho tri kỷ ấy, đêm ấy trên đường trở về chỗ ẩn, tôi đã muốn cho tôi biết chừng nào.

Trời thơ Việt Nam, từ chuyên chính đỏ, từ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên đã xa, từ Bùi Giáng đã khóc cười giữa chợ, ánh sáng phong cách và biểu tượng của trí tuệ thu gọn vào một người. Mọi cõi thơ đáng

gọi là những côi thơ bậc thầy đã mất. Chỉ còn côi thơ đất Hoa Lư. Mọi tiếng thơ đáng gọi là những tiếng thơ một thời đã chết. Chỉ còn tiếng thơ Gác Bút. Người anh cả của thi ca Việt Nam suốt nửa thế kỷ đó. Ngọn núi sừng sững cao ngất đó, cây cờ sùỵ ngạo nghễ phát phối đó của trận tuyến văn học ta, khi trận tuyến đã vỡ, và tới hơi thở cuối cùng. Tri kỷ của tôi nữa. Lấy cái riêng mà đo, lấy cái chung mà lường, tính chất tiêu biểu, đại diện của Vũ Hoàng Chương cho thơ ta ở thi sĩ, trong những ngày tháng cuối cùng, giữa cộng sản, càng chói lọi hơn bao giờ hết. Ông mất đi, sự mất mát càng lớn là vì thế.

Trong một tuyệt vọng ý thức hơn là một đau đớn thường tình, tôi trở về chỗ ẩn dật đó dưới trời khuya. Trời mưa đã dứt. Nhìn lên, những vì sao lác đác. Nhưng trời thơ Việt Nam đêm đó tối thẳm. Chỉ còn lại một ngôi sao Bắc Đẩu và Bắc Đẩu cũng đã tắt.

Trước ngày vượt biển, tôi trở lại phường Cây Bàng hai lần. Lần đầu, tới sát Gác Bút chỉ còn mấy bước lại phải quay trở ra. Lần đó trong nhà đầy tiếng nói. Nghe qua ngôn ngữ chúng, đúng là bọn thanh niên phường khóm. Chúng đang chỉ dẫn cho cháu Ngọc khai báo gì đó. Lần sau, tôi chọn tới vào buổi trưa, khu xóm vắng vẻ hơn, và ngồi ở một quán cóc đầu ngõ cho người liên lạc chở xe gắn máy tới vào trước xem tình hình trong nhà thế nào. Năm phút sau, người liên lạc trở ra. Nói nhà không có ai, bà Vũ Hoàng Chương mời ông vào.

Đen xạm, gầy quắt trong bộ tang phục lem luốc, khăn trắng ngang đầu, chị Vũ Hoàng Chương đứng sau cánh cửa mở hé, gật đầu ra hiệu cho tôi vào. Cái tôi nhìn thấy đầu tiên là tấm hình phóng lớn của thi sĩ. Vũ Hoàng Chương rất thích chụp hình. Riêng nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh đã chụp hàng trăm tấm hình ông và tấm hình nào cũng được ông cất giữ rất cẩn thận. Nhưng tấm hình phóng lớn đặt sát Đình Hùng trên cái bàn thờ nhỏ ở góc nhà là một tấm hình cũ, chụp đã rất lâu về trước, từ ở ngoài Hà Nội. Chương trong hình cười tươi và rất trẻ. Y phục màu sáng, cực kỳ chải chuốt, tóc chải mượt, đường ngói thẳng tắp. Tóm lại, đó là một tấm hình chụp từ trước Mây, trước Thơ Say, rất tiền chiến, rất Hoàng Lang.

Nhìn Hoài Điệp Thứ Lang ra đi từ trước với Hoàng Lang vừa lên đường cùng sánh vai nhau từ hững hờ tươi cười nhìn về, niềm xúc động tràn ngập ở tôi phút đó, tôi nhớ là gửi cho chính tôi, kẻ sống sót trở lại một buổi trưa cộng sản về đứng lặng một mình trước di ảnh bạn.

Một lát. Rồi tiếng chị Chương sau lưng:

- Anh ấy đi thư thái và sạch sẽ. Cả nhà cùng khóc lóc một lúc rồi ai nấy đều thấy lòng yên tĩnh lại. Thay quần áo cho anh ấy, đưa xuống nhà dưới, anh ấy nhẹ nhõm như một đứa trẻ con.

Chị nhắc lại, như điều này với chị rất quan trọng, khiến chị rất sung sướng và muốn tôi cùng thấy:

- Anh nhớ bài *Nguyện Cầu* không? *Đêm nào ta*

trở về ngôi, hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian. Anh ấy muốn được về trong đêm thì đúng nửa đêm là về. Ước sao được vậy.

Nửa đêm. Bắc Đẩu rụng. Giờ hoa quỳnh nở, Vân Muội hiện. Giờ “đêm đêm ảo ảnh thơm chần gối”. Giờ “nhạc thấp cung Hồ mộng phớt lam”. Nhắc đến giờ lên đường của thi sĩ giữa nửa đêm tinh khiết trong suốt, giờ mở vào đời sống sâu thẳm của sự vật thức tỉnh giữa thế giới sinh vật ngủ thiếp, chị Vũ Hoàng Chương đã nhắc luôn cho tôi nhớ tới hàng trăm câu thơ tuyệt tác, diễm lệ của Hoa Đăng, của Mây, của Rừng Phong, về Đêm, cái phần ngày của “Bắc Đẩu ngang trời bạch lập”, của “chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thôi”, ở đó hành trang thơ của Vũ Hoàng Chương, và duy chỉ có hành trang này là đạt tới những bến bờ huyền ảo nhất.

Văn học Đông Tây thường đã luận về trường hợp một thiên tài mất đi, mỗi người của nhân thế, không trừ một kẻ nào, bỗng chốc cảm thấy mình què cụt, mù lòa, bởi sự thăng hoa của mỗi người không thành hình nổi với cái chính nó hữu hạn tầm thường đã thành hình nơi thiên tài, nhờ thiên tài, thiên tài là kết tinh mọi thăng hoa của giống nòi và đồng loại, trong một. Đứng trước di ảnh bạn, tôi thấy được cho tôi, cực kỳ rõ rệt, điều đó. Tôi bỗng chốc tàn tật. Tôi thành linh bất toàn.

Cái guồng máy, cái chế độ triệt hủy thiên tài cũng vậy, càng trăm ngàn lần như vậy. Nó mù lòa, nó què

cụt và nó bắt toàn một cách thảm thương. Biết không thể ở được lâu, tôi hỏi xin chị Vũ Hoàng Chương một thẻ hương. Châm lửa, cắm mấy nén hương gây guộc lên cái bát hương nhỏ. Đoạn, không khẩn, chỉ thân mật nói với tấm hình bạn mờ mờ sau làn khói:

- Bài thơ mày gửi cho tao, tao đã nhận được. Đang bị truy nã, nhưng tao cũng cố về đây trưa nay thắp một nén hương lên bàn thờ mày, cho trọn đạo bằng hữu. Mày đã hiểu tại sao, mày mất không bạn bè nào có mặt. Tao không được ủy nhiệm nhưng cũng cứ thay mặt cho tất cả nói với mày một lời vĩnh biệt.

Vĩnh biệt. Vĩnh biệt Vũ Hoàng Chương.

Quay lại, tôi ngồi xuống cạnh chị Vũ thốn thức khóc. Bảo chị:

- Chị đừng khóc nữa. Tôi chỉ ở thêm được dăm phút. Chị còn cho tôi biết thêm gì về anh ấy lúc chết không?

- Anh ấy có đọc cho tôi chép một bài lục bát. Đó là bài thơ cuối cùng làm ở trong tù.

- Bài thơ ấy đâu?

- Tôi đã đưa cho anh Bàng Bá Lân.

- Thế là được rồi. Thôi, chị và chị Đinh Hùng ở lại bình yên mạnh khỏe, tôi đi. Chị đừng đau buồn nhiều. Lời Nguyễn Hiến Lê nói với chị hôm 50 ngày anh ở chùa Giác Minh là rất đúng.

Tôi rời khỏi Gác Bút trở về chỗ ẩn và vượt biên 15 ngày sau.

Một bài thơ vĩnh biệt cõi đời, làm trong giam

cầm, trên một sàn ngực thất ẩm lạnh. Sống với thơ tới hơi thở cuối cùng. Đó là chi tiết cuối chót trí nhớ tôi còn ghi được về Vũ Hoàng Chương, thời gian sau 30-4-75, ở gần ông cho tới ngày vượt tuyến.

Sang tới Mã Lai, ở trại tỵ nạn Pulau Besar, tôi được biết thêm một số chi tiết khác về Vũ Hoàng Chương 4 tháng ở Chí Hòa, do một người đi cùng tàu cùng bị giam ở Chí Hòa cùng thời gian với thi sĩ. Như ông rất đau yếu, bọn quản ngục đả nhiều lần phải khiêng ông xuống bệnh viện khám. Như một vài lần, ông được ra ngoài, lần nào cũng phải có bác sĩ Phan Huy Quát dìu đi. Như đêm khuya, đám tù nhân cùng hành lang nghe thấy tiếng ngâm thơ vọng ra từ phòng giam số 6.

Rời trại Pulau Besar lên Kuala Lumpur, ở nhà thờ Chiras, cây số 7, chờ máy bay sang Hoa Kỳ, tôi ở cùng phòng với con gái lớn của họa sĩ Mai Lân. Chị cho tôi biết thêm một chi tiết nữa: buổi sáng ngày thả thi sĩ về, bọn quản ngục làm bộ nhân nghĩa vào vấn an ông, khuyên ông nên từ bỏ thái độ chống đối cách mạng, ông nín thinh không trả lời, chúng dọn cho ông một bữa ăn “đặc biệt” có một món “đặc biệt” là một đĩa trứng tráng.

Vậy thôi. Trạng thái mịt mù mây phủ lên lúc mất, lên sự tắt lạng vĩnh viễn của tài thơ Việt Nam lấy lòng trác tuyệt, tôi nghĩ chính thi sĩ đã nhìn thấy cho mình trước nhất. Ông muốn cho lên đường của ông như vậy, đã được như vậy. Lên đường này, một

bài thơ trong những bài thơ cuối cùng của ông đã nói rất rõ.

Lúc đó là cuối năm 1974. Chỉ mấy tháng nữa là thất thủ Buôn Mê Thuột, là mất miền Nam. Tôi tới Góc Mây, xin một bài thơ mới về đăng trên Văn. Tôi vừa làm xong số đặc biệt Vũ Hoàng Chương. Ông cười:

- Lạ quá, cứ vừa có thơ mới là thấy may tới. Có bài này đây, đăng sau số đặc biệt, như là một phụ lục, rất hợp.

Đó là bài *Lòng Đá*. Bài thơ cuối cùng của Vũ Hoàng Chương đăng trên bán nguyệt san *Văn* số phát hành ngày 15 tháng 11 năm 1974, tôi chép lại nguyên văn dưới đây.

Không chuyển đi nào làm ta xúc động

Kể cả chuyển ngược chiều lên tuổi mộng

Vì ngay trong vòng tay đôi mươi cũng chỉ là trống rỗng.

*Thì không còn chuyển đi nào làm ta ngạc nhiên cho
dẫu đi bằng không thuyền*

*khắp đâu đâu cũng chỉ là những mảnh vỡ tan ra từ
một khối thuyền duyên.*

*Họa may còn chuyển đi vào hư vô tên gọi văn
chương của những năm mờ.*

*Đi chuyển ấy dòng đời ta tự xóa ta không còn gì
cũng không là ức triệu mảnh hồn ghen kia*

*mới thỏa mới chịu về nguyên mỗi tình si mang hồn
phiến đá*

*Đá sẽ dựng cho Không-là-gì-hết một phiến cao tận
 cùng sâu tận tuyệt
 mà không chữ nào viết không âm nào ghi
 Cao sâu lòng đá phẳng lì
 mãi mãi chỉ riêng Nàng được biết từ đầu những
 chuyển gã ra đi.*

Một tài năng bình thường phải những bóng gương thời thế phản ánh, những bóng nước xã hội phản chiếu, những vận động lịch sử làm nền, tóm lại phải bằng những thời điểm ngoại giới và khách quan cùng giải thích cùng soi sáng mới tỏ hiện được vóc dáng, quy định được hình tích, thấy rõ được trở thành. Những cội thơ Nguyễn Bính, Trần Huyền Trân, Hồ Dzếnh lộng lẫy nguy nga một thời là vậy, mà tách khỏi dòng tiền chiến, bỏ khỏi trào lãng mạn, bỏ cội tức khắc mịt mù tan vỡ, thấy liền ngay cái định mệnh bơ vơ. Một tài năng bình thường rất hữu hạn vì vậy. Nó lệ thuộc vào cái thời của nó, chỉ là một sản phẩm do cái thời của nó tạo ra, thực chất và kích thước của thời thế nào, thực chất và kích thước của tài năng thu nằm trong đó. Những công trình để ra từ một tài năng bình thường chỉ thực hiện được cái hiệu năng ghi chép và tường thuật. Về những điều đã có. Về những sự đã là.

Một tài năng xuất chúng khác. Ở ngoài mọi sắc dạng xã hội, vượt khỏi mọi quy luật đời sống. Tách rời với mọi chạm đụng nhân thế, không cho thâm nhập, không cho chi phối, nó sáng tạo ra những vòm

trời, những vũ trụ riêng, là riêng đứng một góc trời, là riêng dựng một thế giới.

Đó là điều cuối cùng tôi muốn phân biệt về tài thơ xuất chúng Vũ Hoàng Chương.

Phân biệt thôi. Chưa đi tới một nhận thức gì hơn.

Cho nên buổi sáng ngày 13 tháng 4 năm 1976, khi bọn đồn mạt của cái guồng máy chuyên chính đến bắt thi sĩ ở Gác Bút, chúng đã tới muộn trên dưới ba bốn chục năm trời. Thế giới ngôn ngữ và tư tưởng tuyệt vời của Vũ Hoàng Chương đã dựng xong. Cõi thơ bất hủ, tiếng thơ thần sầu của ông đã hoàn tất. *Thơ Say. Mây. Rừng Phong. Hoa Đăng.* Đã từng cánh hạc vàng đậu trên từng chót vót. *Vân Muội. Tâm Sự Kẻ Sang Tần. Nhị Thập Bát Tú.* Đã mỗi vần thơ tuyệt kỹ hàng hàng lời thơ châu ngọc tồn tại với đời đời. Đóng góp vĩ đại ấy cho thi ca đất nước, không kẻ thù nào của thơ phá hủy và giết chết được. Sá gì lòng đố kỵ hèn mọn của đám thợ thơ Hà Nội.

Bởi vậy mà tôi thấy không cần thiết vội – cũng chẳng đủ tư cách nhận thức và khái niệm văn học – một phân tích tường tận và có tính chất chung quyết vào cõi thơ thi sĩ. Nhưng tiếng thơ ông, cõi thơ ông đã hoàn tất lại một kho tàng nguyên vẹn chỉ vừa mở ra. Và từ ông vừa mất đi, sự kế thừa của hậu thế cũng vừa thực sự bắt đầu.

Mãi mãi chỉ riêng Nàng được biết

Từ đầu những chuyến Gã ra đi.

Mới chỉ riêng Nàng thôi. Văn học chưa. Chúng ta

chưa. Về điểm này, kể cả những tri kỷ của ông chưa một ai nói được điều gì đáng kể về tiếng thơ Vũ Hoàng Chương mà sự thăng hoa càng tới cuối đời càng hoàn hảo, càng rực rỡ hơn mọi phần thời gian về trước. Đó cũng là một trạng thái đặc biệt của thiên tài. Một tài năng bình thường chấm dứt trong trạng thái đã suy thoái rõ rệt với thăng hoa không còn của nó. Thiên tài mất giữa đang còn rực rỡ thăng hoa.

Với những cõi thơ như Vũ Hoàng Chương phải vận dụng trí tuệ mới mong mở được lối vào. Thơ là trí tuệ. Không phải là rung động. Về điểm này, thấy được, nói được những điều xứng đáng về tiếng thơ Vũ Hoàng Chương, cũng phải từ một tâm hồn, một trí tuệ xuất chúng.

* * *

Hồi ký này chỉ muốn được coi như một ghi nhận gấp rút một số sự kiện trước trí nhớ đe dọa lọt thoát về khoảng thời gian cuối đời của thi sĩ, thời gian ông ở lại với đất nước đã mất vào tay chuyên chính đỏ cho tới ngày ông từ trần sau hơn 4 tháng bị giam cầm trong khám Chí Hòa. Ghi nhận và trân trọng đóng góp với người viết văn học ngoài nước của chúng ta muốn thực hiện một công trình nghiên cứu và nhận thức về thân thế, hoặc về tất cả các nhà thơ miền Nam sau 30-4-75, hoặc riêng về Vũ Hoàng Chương. Công trình đó, theo ý tôi, nếu bỏ qua phần ngày tháng của Vũ Hoàng Chương trong cộng sản, ở đó thái độ và phong cách của thi sĩ đã hiển lộ cao

ngạo và chói lòa thay thế cho tiếng thơ ông đã bị dập tắt, sẽ là một thiếu sót lớn.

Riêng kẻ viết những dòng này, với thi sĩ, kể từ cái buổi trưa hần trở lại phường Cây Bàng thấp nén hương vĩnh biệt lên bàn thờ bạn rồi vượt biển, tâm thức hần trong trôi giạt lữ thú hiu quạnh chừng như lại mật thiết gắn bó với tri kỷ đã vĩnh viễn xa khuất hơn là những thời gian có tri kỷ còn sống ở gần mình. Phải đó cũng là một hiệu năng nữa của thơ, của thơ trác tuyệt?

Ai về đất cũ giùm ta nhắn

Rằng kẻ vào Ngô nhớ Lạc Dương

Chỉ biết hai câu thơ trên của Vũ Hoàng Chương, hần đã nhớ lại, trên từng đoạn đường trôi giạt. Trong bảy ngày bảy đêm trên biển Đông. Trong năm tháng ở trại đảo. Và sau đó sau đó. Tôi đã đi vào đất Ngô muôn dặm lạnh lùng. Gặp anh, anh về xin nhắn giùm với bằng hữu tôi là tấm lòng tôi mãi mãi ở Lạc Dương. Lạc Dương có Gác Bút, Gác Mây. Lạc Dương có thiên tài, tri kỷ.

Bao nhiêu năm hần vẫn còn muốn nhắn. Như bạn hần còn sống. Như tri kỷ chưa xa. Phải đó là cảm thông kỳ diệu của thơ. Cũng lại không rõ nữa. Chỉ biết hết thấy là sai lạc, tất cả là ngờ vực. Xiết bao ngờ vực. Duy chỉ còn thơ của một người như một ngậm ngùi vô tận. Duy chỉ còn thơ của một người như một niềm ấm áp vô cùng. Duy chỉ còn thơ của một người là sự thật.



Nhà văn, nhà thơ Thanh Nam (1931 – 1985)

Thanh Nam dưới đất trời Tây Bắc

Thành phố Seattle, thủ phủ của tiểu bang Washington, có những chuyến bus từ tỉnh sương đã chở những người da đen đi làm từ những vùng ngoại vi xa vào trung tâm thành phố.

Khởi từ con đường Hồng, trên lưng chừng một sườn đồi cao đối diện với ngọn Rainier uy nghi bốn mùa trắng tuyết, những chuyến bus Tây Bắc chậm chậm lượn vòng giữa những cánh rừng thông bạt ngàn xanh thắm một màu xanh vĩnh viễn, rồi đột ngột chuyển hướng, đổ dốc, vùn vụt lao vào thung lũng Rainier.

Bằng qua những xưởng cây bỏ hoang, những kho hàng phế thải là cái hình ảnh đồ vỡ lán lóc đặc biệt thường thấy phơi bày riêng ở một phía Nam những thành phố Mỹ, bus chạy tới đâu hốt lên tới đó những cụm đen những chùm đen im lìm nhẵn nại đứng đợi chờ cạnh những cột đèn. Bus chạy tiếp, vượt qua ở nửa lộ trình, con đường Othello vắng hoe nơi có ngôi nhà gỗ lùi khuất của Thanh Nam Túy Hồng,

chạy tiếp nữa, qua khu Phố Tàu đầu 1983 có lưu huyết chấn động đầm máu ở một sông bạc dưới hầm 13 mạng chết tốt, rồi chậm đà lại giữa những dãy nhà chọc trời của trung tâm Seattle soi nghiêng trên lòng vịnh.

Một mình một cỗi dưới trời Tây Bắc, tựa lưng vào Tây Nam Gia Nã Đại yên bình trầm lặng, nơi Thái Bình Dương là một luồng thủy đạo ôn đới không bao giờ giông bão, nơi có những du thuyền trắng lẹ trôi diễm ảo trên vạt hồ vịnh Victoria danh lam thế giới, dưới một trần mây vĩ đại quanh năm bao phủ trên đầu, trong tấm áo xám thán ngày lạng lạng giữa đại thụ nghìn đời điệp điệp, Seattle là một thành phố hiền. Chậm và hiền.

Thủ phủ, một phía nằm thoải mái bên bờ đại dương, một phía đứng ung dung giữa thông giữa núi. Nó êm đềm ở trên cao, dịu dàng ở dưới thấp, quân bình ở cả những cheo leo, hòa đối ở cả những ngất ngưỡng. Những con dốc dựng đứng nhất cũng không độc không gắt bằng đèo dốc San Francisco, những chiều dài sắp mất tích lại uốn lượn thành bán kính óng ả, những chiều cao vừa tầm không chóng mặt, những lắng đọng thu về những quẫy động, những khoảng trống nhiều hơn những khoảng trần, những chiều nghiêng không choáng váng, những chiều sâu không đau tim, không ai chạy ở Seattle nhàn nhả. Những chiếc xe hơi mang bảng số Wa, thường có một hàng chữ: “Chúng tôi chối từ nếp sống gấp của

Los Angeles”. Xe miền Nam lên, vùn vụt, là Seattle thò đầu la mắt: “Hãy mang ngay cái 90 cây số giờ tự tử của mày về California”.

* * *

Seattle như thế. Vùng trời an nhàn mơ tưởng lúc cuối đời của cao niên toàn thể Mỹ. Seattle như vậy, ngọn Mount St. Helen có ngắt trời phun lửa, cái chết của ông già Truman trong phún thạch vẫn là một cái chết rất dịu dàng. Bình nguyên không bao cát Oklahoma, bãi bờ không lũ mùa Mississippi, Seattle có những bầy hải âu lượn cánh không trọng lượng trên mặt vịnh hiền triết, tàu sớm ở đảo về không rẽ sóng, tàu chiều ra khơi không rú còi, sự im lặng là vàng, ngày nắng nào cũng là cái nắng lả lả của mùa Thu, và những đàn chim câu Tây Bắc hiền lành để mặc cho đám lãng tử say ngủ trẻ thơ trên những ghế đá công viên trong khu Đường Một.

Đôi khi, Seattle cũng mịt mù trong cái cảnh sắc riêng tây và Tây Bắc của nó. Đó là những ngày thủ phủ thức động trở lại với cái linh hồn một đất trời quan ải, cái cảnh thổ một thị trấn địa đầu. Đó là lúc không trung Seattle không nắng mà chói gắt căng cứng, cái trần mây vĩ đại trĩu nặng và thấp xuống, ép không khí thành gió cuồng và sét nhoáng, chớp giật, trùng trùng ngàn thông lá lay quấy đập, tất cả, hồ vịnh, núi đồi cùng dạt dào trắng xóa dưới mưa bay.

Đó là những ngày một triệu người Seattle cùng một triệu đôi ủng, một triệu cây dù, một triệu lượt

thướt. Đó là những chiều lòng vịnh cùng xa khơi với nghìn trùng, đông kín những hàng hiên, suối chảy ở trong nhà, tắm tả những đường phố.

Nhưng rồi lại mây quang lại mưa ngớt, sự ráo sạch mau chóng, những rừng thông lại uy nghi trầm lặng một màu xanh vĩnh viễn, những chuyến tàu lại khoan thai ra đảo, những đôi ủng những cây dù cất đi. Và trên những ghế đá công viên Đường Một, những lãng tử say lại ngủ vùi dưới nắng.

Tôi đã ở Tây Bắc với Thanh Nam hai năm. Càng nghĩ, càng thấy bạn, từ cảnh tượng đời đến thân thể người có nhiều điểm giống và cùng với Seattle vô tả. Seattle gió gió mưa mưa, quan ải, địa đầu. Trên đại thể, thân thể Thanh Nam, tự vào đời cũng là như vậy.

Một ấu thơ xám. Một thiếu thời lạnh. Một cánh đồng sương. Một con đê cao. Một bờ gió lộng. Đứa nhỏ bỏ gia đình ra phường phố sớm. Đi trên con đường Nguyễn Bính đã đi. Ở trong hồi ký Nguyên Hồng đã viết. Đứa nhỏ lớn thành gã con trai yêu mê văn chương giữa năm cửa ô Hà Nội. Gã trai ấy ngồi bán sách cũ ở Cửa Nam, đêm đêm mơ thấy làm khăn gói, (đã tả trong hồi ký đăng trên Văn). Một chiều ném mình vào phiêu lưu, trên chuyến tàu xuyên Việt đi suốt chiều dài đất nước vào Nam, với cái tâm trạng Xuân Thu, không ngựa xe không qua cầu trở lại. Văn gã trai ấy, trắng chưa tới tuần, nước chưa tới vận, đã ngụp lặn một thời trong đọa lạc, cuối cùng đã sống lại bằng văn chương, trở thành cùng tiểu thuyết. Văn

gã trai ấy, bây giờ đã có sự nghiệp, có mái ấm, có bằng hữu, có hạnh phúc, có một lòng vịnh cho tháng ngày mình cũng lặng lặng như lòng vịnh Seattle, một bình nguyên cho sớm chiều mình như bình nguyên Seattle êm đềm giữa đồi núi bình yên và thông rừng xanh ngắt.

Nhưng ngày nắng Seattle dẫu thật rực rỡ tới xế tà vẫn một chút mù sương. Phố phường Tây Bắc dẫu thật náo nhiệt, ở một khúc quanh vẫn một chút hoang vu, ở một ngã rẽ vẫn một phảng phất hắt hiu linh hồn biên giới. Hiu hắt đó nơi Thanh Nam bây giờ đã yên định vẫn có.

Thấp thoáng. Đâu đó. Trong tâm thể. Trong dáng vẻ. Trong thơ. Trong viết. Trong truyện ngắn. Trong hồi ký. Trong cái lối ngồi trước một chai bia lạnh trước trời chiều Seattle. Trong cái lúc thức giấc lúc nửa đêm. Trong cái lối đẩy xe đi chợ ở Safeway. Như đâu đó, vô hình và sau bao nhiêu năm, vẫn có một bờ tre dĩ vãng gió lộng, những ngày tháng thiếu thời tro bụi, bóng tối trên Hồng Hà, căn gác trọ Hà Nội, cái ga nhỏ giữa đồng, tiếng còi tàu trong đêm.

Nhưng Seattle mùa nắng cũng áo len, mùa đông không tuyết phủ, những tuần lễ dài thỏa thuận với gió mưa mà chưa từng bao giờ phải quyết liệt đối phó với mưa với gió. Và cuộc đời Thanh Nam, phải nhìn toàn bộ đừng nhìn riêng lẻ, cũng vậy. Thỏa thuận là một thái độ sống. Cái chịu, cái thua, cái thiệt, nhìn xấu, có thể là từ bản chất yếu nhược. Mà

thấy được cái hay lại là biết điều, biết mình. Thanh Nam không giáo gươm đi vào cuộc đời. Ngoại giới và đời sống cũng trả lại cho Thanh Nam như vậy, không giáo gươm. Những giấc mộng Thanh Nam không là những giấc mộng lớn, kể cả hoài bão nơi người nhà văn, ngay từ tuổi trẻ, cũng êm đềm, cũng khiêm nhường rất mực. Cái tôi nơi Thanh Nam không viết hoa. Bản ngã không phóng lớn thành “Ta là con chim đến từ núi lạ”, sự tự thấy mình là thấy ở trong cái toàn thể, không vội vội không tách thoát thành: “hồn đơn chiếc như đảo rời dậm biển” “đứng một mình như núi đứng riêng tây”.

Văn là người. Câu đó vẫn thật đúng, với Thanh Nam. Cõi ngôn ngữ ấy vĩnh viễn kiếm tìm cho nó sự hòa đồng. Cho nên thân thể cũng là một trường thiên hòa đồng, không khốc liệt, không thập tử nhất sinh, cho dầu Thanh Nam cũng đã sinh tử từng hồi và vừa thoát khỏi đại nạn.

Mọi chuyện, nơi Thanh Nam, làm thể phách tan hoang, rồi bởi thần trí, tưởng tuyệt vọng đã gặp, tưởng vực thẳm đã là, rồi cũng qua, cũng yên. Bao nhiêu bất hạnh, bao nhiêu biến cố đã chứng tỏ ở Thanh Nam và cho Thanh Nam điều đó. Một vào đời không song loan. Một tuổi trẻ tưởng hư hoại. Một cảnh ngộ tưởng đầu đường, những kinh qua tưởng tan nát. Tưởng là sự chấm dứt của Lê Văn Trương. Tưởng là sự khốn cùng của Nguyễn Đình Thiệu. Tưởng là sự vong thân của Nguyễn Ngọc Tú.

Vậy mà thiếu lắm vũ khí và tự vệ, thiếu lắm đối phó và đương đầu, thiếu lắm vật lộn và bản lĩnh, Thanh Nam cứ theo dòng mà chảy thế mà lại chảy lại trôi. Chinh chiến. Thời gian nhập ngũ. Anh Trung sĩ hạng bét. Tái ngũ. Vẫn anh Trung sĩ tối phẩm. Một căn phòng khách sạn, quá nửa đời độc thân. Quốc nạn 75. Lếch thếch bầu đoàn thể tử yếu đau trên Phú Quốc tan vỡ. Mùa đông New Jersey tuyết ngập tới đầu gối, vác nặng ở ngoài trời. Đứa con gặp tai nạn, một tháng bên giường bệnh. Rồi trọng bệnh của chính mình, tưởng lòng huyết đã mở. Vậy mà cũng xong, cũng qua, cũng yên, vẫn sống. Vẫn cứ làm thơ, viết hồi ký, vừa ra Đất Khách.

* * *

Cho nên viết về thân thể bạn – với Thanh Nam, đúng nhất là dùng cái danh từ thân thể – tôi vẫn chỉ muốn lồng chân dung bạn vào chân dung Tây Bắc, vào cái yên bình, cái trầm lặng của Seattle, bến đậu xem chừng là thuận hợp nhất của Thanh Nam và gia đình từ bảy năm nay.

Seattle, nơi Thanh Nam vẫn gọi là đất khách, nhưng với thời gian, không đến nỗi quê người. Seattle, mái tóc biên thù, vắng trán quan ải, nhưng tấm lòng bình nguyên. Seattle của những chuyến bus lăn bánh từ đường Hồng. Cửa ngôi nhà Othello lùi khuất, cái cổng thấp, lối đi nhỏ, chai bia lạnh, cỏ mọc cao tấm chiều trong vườn. Seattle, nhẹ, thoáng, êm đêm, trên đầu cánh cửa bấy hải âu không trọng

lượng, của thị trấn soi nghiêng trên lòng vịnh, của đôi thông điệp điệp trùng trùng xanh ngắt một màu xanh vĩnh viễn, của những người say rượu ngủ ngày trong khu Đường Một, của thương khẩu cây cầu treo đỏ in hình lên vòm trời bao la, của Thanh Nam, đã tới, đã ở, đã làm thơ chào mừng ngày mới tới:

Tôi đây, mùa đã xuân hồng

Cây vui trở lá, nụ mừng đơm hoa

Xin chào bằng hữu gần xa

Dẫu chưa quen biết đã là anh em

Đất lành chào mừng bình yên

Tình Đông nghĩa Bắc càng thêm mặn nồng

Sống ở Tây Bắc với Thanh Nam hai năm rồi bỏ về miền Nam, người khách của những chuyến bus đường Hồng là tôi nhớ mãi cái buổi chiều đầu tiên tới Seattle, bấy giờ chưa địa chỉ Othello, Thanh Nam và Túy Hồng còn ở ngôi nhà của một người bạn địa phương là Trần Thiện Hiệp để lại. Ngôi nhà trống, để mặc, bữa bãi, có ngay cái không khí thân mật bình dị như ngôi nhà trong ngõ ở đường Lý Thái Tổ của Thanh Nam ngày trước ở Sài Gòn.

Buổi chiều. Mùa Thu. Sương từ thung lũng dấy lên. Một vài cuốn sách Túy Hồng trên giá. Ngồi hút thuốc cạnh bếp một lát rồi Thanh Nam dẫn tôi ra ngoài, đi vòng về phía sau. Rừng cây liên sát. Cành thấp ngang đầu. Tôi tựa lưng vào một thân cây, hai thằng đứng nói chuyện thật lâu dưới lá. Những chuyện cũ. Nơi này chốn kia. Bằng hữu. Cùng nhìn

xuống thung lũng, buổi chiều đã thắm, những ánh lửa đầu của Seattle xa mờ lung linh.

Rồi Thanh Nam nhìn lên cảnh tối, ngắt xuống một trái lê núi. Trở vào nhà, ngồi bên cửa sổ, trái lê bổ làm đôi, hai thằng cùng cầm ăn. Giây phút đó là một giây phút êm ả lạ thường. Như chẳng bao giờ, tôi bỏ nước ra đi, Thanh Nam cũng vậy. Như đời sống cuối cùng vẫn giản dị, bình thường như cái đời sống, trong thân mật và đã mấy chục năm của bọn viết chữ chúng tôi. Giản dị, bình thường, nơi bấy nhỏ đang coi ti vi. Nơi Túy Hồng đang yên lặng làm bếp. Nơi trái lê núi vừa hái ở ngoài vườn vào, hai thằng chia đôi, cùng ăn. Mùi vị của trái lê núi thoát đầu đậm đậm, nhạt loãng.

Rồi ngẫm nghĩ mới thấy là tinh khiết và đậm đà vô tả.



Nhà văn Bình Nguyên Lộc (1914 – 1987)

Nhân cách Bình Nguyên Lộc

Thời gian đầu, sau khi cộng sản đã lấy nốt được miền Nam là thời gian còn được để yên, chưa bị kết tội, chưa bị lùng bắt, tôi thường sáng sáng một mình đạp xe đạp qua một Sài Gòn tan nát tới thăm một nhà thơ và một nhà văn, người trước Bắc, người sau Nam, cả hai đều thuộc thế hệ trước tôi, cả hai đều đã tên tuổi lẫy lừng từ thời tiền chiến.

Những thăm viếng thường xuyên này của tôi, giữa Sài Gòn và trong đổi đời lúc đó được đọc bởi hai điều. Một, hai khuôn mặt lớn ấy của văn học Miền Nam, từ quốc nạn 1975, đã đóng kín địa chỉ, dựng cao lũy hoa, cắt đứt với đời, không ra khỏi nhà, muốn gặp họ tôi phải tìm tới. Hai, giữa cái thể chế chuyên chính đã trùm kín, chưa bao giờ trong đời tôi lại cảm thấy sự cần thiết lớn lao phải giữ chặt lấy một số thân tình bền vững tôi hằng mến yêu và kính trọng. Và hai cái đối tượng của thăm viếng thường xuyên thì với tôi lại là hai niềm mến yêu và kính trọng vô cùng. Nhà thơ miền Bắc tôi vừa nói tới là

Vũ Hoàng Chương. Và nhà văn miền Nam, Bình Nguyên Lộc.

Vũ Hoàng Chương thời gian đó ở khá xa, mãi bên vùng Khánh Hội, trong một ngõ hẻm khuất khúc giữa phường Cây Bàng, trên căn Gác Bút lừng tiếng, nơi thi sĩ bị công an cộng sản tới bắt đem giam nhốt vào khám Chí Hòa rồi trở về trong hấp hối lâm chung và lia đời ở đó.

Bình Nguyên Lộc ở gần hơn. Thăm viếng do vậy cũng ngắn đường hơn, trong cuối đáy một con ngõ yên tĩnh một thời Vũ Hoàng Chương đã ở, khu Cô Giang Cô Bắc, đầu ngõ là con đường Huỳnh Quang Tiên, khúc từ con ngõ nhìn ra có những vì tường xám của hăng thuốc lá MIC chạy dài trước mặt.

Tới ngõ, tôi xuống xe dắt bộ đi vào, và ngừng lại trước một căn nhà một tầng cổ cũ, căn nhà này là của gia đình Bình Nguyên Lộc, nhà văn chỉ mới dọn về ở một thời gian từ sau cái chết của người con trai lớn là Bác sĩ Giám Đốc Dưỡng Trí Viện Biên Hòa, để sống gần với người chị ruột ở căn nhà kế cận.

Mở cánh cổng thấp, dựa xe vào thành tường, bên cạnh hai chậu vạn niên thanh trắn môn xanh ngắt, một màu xanh muôn thuở, tôi gõ nhẹ tay vào thành cửa đóng kín. Nhớ lần nào tôi cũng phải đứng chờ ít phút, nhưng không lần nào phải trở về. Căn nhà yên lặng hoàn toàn. Tiếng gõ cửa ngân vào thật sâu thật xa ở bên trong, rồi là tiếng chân người đi ra. Rồi là cánh cửa hé mở từ từ và cái thân hình nhỏ bé, bộ

đồ ngủ lòng thùng và cái mái tóc rẽ giữa duy nhất của văn học miền Nam, cái mái tóc rẽ giữa của Bình Nguyên Lộc.

Bao nhiêu lần như bao nhiêu lần, và cảm giác này càng rõ rệt những buổi sáng tới bạn sau vực thăm 1975, lần nào nhìn thấy Bình Nguyên Lộc, tao nhã, gầy guộc, trên cái nền mờ tối của căn nhà đóng kín, tôi cũng có được tức khắc, ở trong tôi, như một mẫu nhiệm êm đềm, một ấm áp và một yên tâm không thể nào tả được. Ấm áp như cái thế giới tiểu thuyết Bình Nguyên Lộc, không siêu hình, không gió bão, cái thế giới đã bốn mươi năm văn học ở trong đời sống và làm cho đời sống muôn vàn tươi thắm. Yên tâm như cái văn phong, cái nhân cách Bình Nguyên Lộc, dung dị mà bác học, đơn giản mà trí thức, Bình Nguyên Lộc con người và Bình Nguyên Lộc tác phẩm chính là niềm yên tâm lớn nhất một thời của văn học chúng ta.

Thấy anh, lần nào tôi cũng nói, cảm động thành thực:

- Còn được tới thăm anh.

Lần nào anh cũng cười:

- Còn được gặp anh. Vào đây.

Anh bảo tôi đưa xe vào nhà, kéo xe mất “hết đường tới thăm bạn”. Đoạn đóng cửa lại, bật ngọn đèn đầu giường và đi về phía sau đun một ấm nước.

Giữa đám sách vở, tài liệu bừa bộn, cạnh một chỗ nằm cũng là chỗ ngồi làm việc của ông, trước một

khay trà, thật bình dân, không cầu kỳ như khay trà Vũ Hoàng Chương và những điều thuốc đen ông đốt theo một nhịp điệu đều đặn, tôi thường ở rất lâu với Bình Nguyên Lộc. Tới trưa. Tới sau trưa. Tới cái gạt tàn có ngọn. Tới bình trà ngụi tiếp thêm một bình trà. Một vài lần còn tới giữa bữa cơm ông ấy lấy thêm bát đĩa ép tôi cùng ăn, bữa ăn cực kỳ thanh đạm, chỉ một soong cơm và một con cá khô hấp nóng. Phải, nhớ lần nào tôi cũng ở lại thật lâu. Với cái mái tóc rẽ giữa. Với những cử chỉ chậm rãi. Với cặp mắt thông minh sau làn khói. Với những đứng ngồi lên xuống từ tốn. Trong cái thế giới rất riêng tây, cách biệt của Bình Nguyên Lộc, càng riêng tây, càng cách biệt từ cộng sản đã vào tới Sài Gòn.

Những lần tới thăm Bình Nguyên Lộc như vậy, ông thường nói ít lời như một tạ lỗi, nhờ tôi nói lại với anh em, với mọi người: “Rằng từ ngày người con trai lớn mất, ông đã chẳng muốn đi đâu. Rằng chúng áp huyết nặng tới kỳ những di chuyển, những họp mặt. Rằng “họ” đã vào tới rồi, thành phố là của “họ”, đời sống chẳng còn gì đáng thấy, đóng cửa trong nhà thôi.”

Lập luận về một thái độ sống thu vào im lặng và ẩn dật, thoát nghe ở Bình Nguyên Lộc tưởng thật dễ dàng. Sự thật, nó chẳng dễ dàng chút nào, với Bình Nguyên Lộc, với chế độ mới và Bình Nguyên Lộc, suốt thời gian ở đó. Và cái lý do giản dị chỉ là ông chẳng phải là một người viết văn như bất cứ một

người viết văn nào mà là nhà văn hàng đầu, nhà văn lớn nhất miền Nam.

Bây giờ, đó là thời gian từ 30 tháng tư 75, tới đầu 76, Trung Ương Đảng Cộng Sản ở Hà Nội, tuy chưa phát động đàn áp và cầm tù văn nghệ sĩ, đã cho thi hành ở Sài Gòn một chính sách lũng đoạn hàng ngũ văn nghệ cực kỳ hiểm độc. Chính sách đó nhằm tạo kỳ thị, gây chia rẽ, giữa những nhà văn miền Bắc vào Nam trong đợt di cư 1954 với những nhà văn sinh trưởng ở Nam Phần. Suốt ba mươi năm văn học, Nam Bắc đã một nhà, Bắc Nam đã bằng hữu. Cộng sản muốn chấm dứt cái tình trạng hòa đồng tốt đẹp đó. Và người chúng đã dành hết mọi nỗ lực khuynh đảo là Bình Nguyên Lộc.

Thoạt đầu là đám văn nghệ nằm vùng. Như Sơn Nam, Vũ Hạnh. Kế đó, đến nhóm văn nghệ của Mặt Trận Giải Phóng về thành, tạm thời được nắm giữ những địa vị quan trọng như Trần Bạch Đằng, Giang Nam, Anh Đức, nhiều kẻ đã quen biết Bình Nguyên Lộc từ xưa. Cuối cùng là đám nhà văn, nhà thơ công thần của chế độ và vào tù Hà Nội như Nguyễn Công Hoan, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Huy Cận. Tất cả, trên từng địa vị khác biệt, đã viết thư, điện thoại ân cần thăm hỏi tác giả Đò Dọc, về sức khỏe, về đời sống của ông, nói thân thể ông mãi an toàn, sinh kế vẫn bảo đảm, sự nghiệp không chôn vùi, ông vẫn nhà văn lớn. Tất cả đã lần lượt đến khu Cô Giang

Cô Bắc, tươi cười, nhã nhặn gõ cửa xin gặp người trong ngôi nhà có hai chậu vạn niên thanh.

Bình Nguyên Lộc tiếp hết, từ tốn, chững chạc vậy thôi.

Duy có một lần, không sao được, ông phải tới dự đại hội văn nghệ thống nhất lần thứ nhất ở Bộ Thông Tin cũ đường Phan Đình Phùng. Kỳ họp này, Vũ Hạnh, Thanh Nghị báo cáo kế công, Sơn Nam đóng trò nhiệt tình khóc lóc, riêng Bình Nguyên Lộc ngồi im lặng từ đầu đến cuối, không chịu phát biểu một lời nào.

Đó là lần đầu tiên, cũng là lần cuối cùng. Của tiếp xúc Bình Nguyên Lộc với chế độ mới. Cố nhân quen biết tương đối thân thiết nhất với anh là Giang Nam, được Thế Lữ ca ngợi là tiếng thơ cách mạng lớn nhất miền Nam, về Sài Gòn giữ chức vụ Chủ tịch Hội Văn Nghệ Giải Phóng, mặc dù đã viết cho Bình Nguyên Lộc một lá thư thật dài, thật tình cảm, cũng thất bại. Thư mời Bình Nguyên Lộc tới trụ sở Hội. Mời sinh hoạt. Mời hội họp. Mời viết lại. Và Bình Nguyên Lộc đã nhã nhặn viết một lá thư trả lời. Nói ông rất đau yếu. Nói bị chứng áp huyết. Nói chẳng còn làm được gì. Nói chẳng thể đi đâu. Nói xin được yên thân. Cuối cùng rồi mọi ve vuốt, mọi khuynh loát đều chịu thua, đều lùi bước trước sự nhã nhặn khuốc từ, trước cái nhân cách và sự tự trọng chói lọi của Bình Nguyên Lộc. Họ đành để cho Bình Nguyên Lộc được cách biệt, được một

mình, được vẫn mãi mãi là Bình Nguyên Lộc trong căn nhà đóng kín.

Nhân cách trí thức độc lập ấy của Bình Nguyên Lộc, thái độ tuyệt vời của người nhà văn miền Nam ở Bình Nguyên Lộc, không một lần nào, ông phô trương mà chúng tôi đều biết, cả miền Nam đều biết và sung sướng vô cùng và quý mến rất mực.

Nhớ Bình Nguyên Lộc ở xa, tin tức quê nhà đã lâu không nhận được, chẳng biết vẫn còn hay đã mất, những lần sau cùng tới khu Cô Giang Cô Bắc, hình ảnh hai chậu vụn niên đại xanh ngắt một màu xanh muôn thuở trước ngôi nhà văn học đóng kín, lại trở về, xanh ngắt trong tôi.

Bình Nguyên Lộc. Cái mái tóc rẽ giữa, hai miến trung dung phân định như tấm lòng người quân tử một đường ngôi đời thẳng tắp. Bình Nguyên Lộc, bộ đồ lụa trắng, rất thông phán tòa sứ, rất trắng nước miền Nam, trên chiếc cyclo đạp chậm đưa ông tới gặp các tòa soạn *Nghệ Thuật, Văn, Văn Đẻ* chúng tôi làm, phần lớn là anh em nhà văn miền Bắc. Không có Nam Bắc với Bình Nguyên Lộc, chỉ có văn chương, chỉ có hợp tác, chỉ có bằng hữu. Tôi làm biếng lắm, ít khi đi đâu, đến chơi tôi nhé. Thân tình, hòa nhã. Cái truyện ngắn này giục tôi viết gấp, thì phải viết gấp, không được tốt lắm, thôi dùng tạm vậy. Nhũn nhặn, bình dị. Một năm trong bốn năm liền cùng ở chung trong Hội Đồng Giám Khảo giải thưởng Văn Chương toàn quốc, ông từ chối nói chúng áp huyết

không còn leo nổi những bậc thêm cao của Dinh Độc Lập, cặp mắt đã yếu chẳng thể nào đọc hết được những tác phẩm dự thi. Nài mãi mới nhận. Nhưng cười, giao hẹn:

- Vậy phải đọc hết giùm tôi, rồi đưa cho tôi đọc mười cuốn khá nhất.

Nghiêm chỉnh. Ngay thẳng. Năm đó, ông không vào Dinh Độc Lập được thật. Những bậc thêm cao quá cho tài viết hàng đầu.

Rồi là cái công trình Văn Học cuối đời của Bình Nguyên Lộc. Cuốn *Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam* đã phác thảo, đã in thành sách, trọn năm năm trời, tìm kiếm, sưu tập, thu thập thêm một kho tàng tài liệu mới, đã hoàn tất thành một biên khảo vĩ đại hơn một ngàn trang. Cộng Sản vào Nam. Thiên biên khảo kỳ công vẫn còn là bản thảo. Một lần tới thăm, tôi hỏi Bình Nguyên Lộc về công trình văn học đó. Và đó cũng là lần thứ nhất tôi thấy Bình Nguyên Lộc buồn phiền và thất vọng. Trèo qua cái giường ngủ, ông lấy từ một giá sách cao xuống một tập bản thảo nặng chũu, trao nó cho tôi. Giọng ông trào lộng mà nụ cười thật buồn:

- Nó đây.

Và chỉ tay lên cái giá sách bụi bặm:

- Kia là mồ chôn nó.

Kể đó, ông thuật cho tôi hay về số phận của thiên biên khảo lịch sử, mà nguồn gốc dân tộc Việt, theo sử quan và chứng minh Bình Nguyên Lộc, không từ

miền Bắc xuống mà từ biển ngoài vào. Một nhóm những người cao cấp về biên khảo lịch sử của nhà nước cộng sản từ Hà Nội vào, được nghe nói về công trình biên khảo này của Bình Nguyên Lộc. Họ tới. Tỏ lòng ngưỡng mộ, rồi xin được mượn tập bản thảo về đọc, nói sẽ có nhận xét, sẽ có thảo luận. Mấy tuần sau, tập bản thảo được gửi trả lại với một lá thư ngắn nói quan điểm lịch sử nói chung và nguồn gốc dân tộc nói riêng của Bình Nguyên Lộc hoàn toàn thoái hóa và sai lầm đối với quan điểm biện chứng duy vật lịch sử cách mạng, khoa học và tiến bộ.

Thuật lại xong, ông lắc đầu, sự thất vọng hiện rõ nhưng giọng nói vẫn từ tốn:

- Thế là gạt bỏ, thế là phủ nhận. Nói là để đối chiếu, để thảo luận, mà không có gì ráo trọi. Tôi buồn vì cái công trình của mình, nhưng buồn hơn cả là cái sự gạt bỏ của miền Bắc đối với sách tôi không phải là một thái độ văn học, không hề được đặt trên căn bản văn học. Nói đến văn học, tuyệt đối không thể nói đến một lập luận, một giá trị độc tôn nào. Phải nhiều lập luận khác biệt, phải nhiều khái niệm đối nghịch, một vấn đề văn học, một nghi vấn lịch sử mới được chiếu sáng. Khoa học lịch sử thiết yếu phải có được yếu tính và tinh thần đó. Tôi buồn nhất là ở cái sự không có tranh luận, không có đối thoại ấy mà thôi. Chứ không hoàn toàn vì sách tôi không bao giờ còn hy vọng được in ra.

Tập bản thảo nghìn trang, mồ chôn là cái giá sách

bụi bặm. Hai chậu vụn niên thanh xanh ngắt một màu xanh muôn thuở. Trí thức dựng cao lũy hoa. Một nhân cách chói lòa trong tự trọng một đời, đã tám năm im lặng trong ngôi nhà đóng kín. Chẳng bao giờ tôi còn được sáng sáng tới thăm Bình Nguyên Lộc nữa và Vũ Hoàng Chương đã mất. Nhưng ở thật xa và cách thật lâu rồi mà rõ thì vẫn thật rõ. Về Bình Nguyên Lộc, nhà văn miền Nam hàng đầu của văn học ta rõ bởi cái ánh sáng ấy, cái ánh sáng của một nhân cách rực rỡ, tôi đã nhìn thấy không ngừng, sau đổi đời và giữa cộng sản, sáng sáng đạp xe qua một Sài Gòn đổi chủ ngừng xe lại trước nhà có hai chậu vụn niên thanh.



Nhà văn Nhà Ca

Nhã Ca giữa cơn hồng thủy

Con đường, xanh ngắt bóng cây và danh tiếng nhất mọi con đường Sài Gòn, ngày trước là đường Tự Do, sau đổi đời, cộng sản đặt tên lại là đường Đồng Khởi. Căn phố lâu, cùng dãy với tòa nhà Quốc hội cũ, đối diện với tiệm sách Xuân Thu, trước còn có tên Pháp Le Portail và nhà hàng La Pagode, những người văn nghệ trước 1975 hàng ngày tới đó gọi thân mật là Quán Cái Chùa, với đổi đời cũng được đổi tên thành quán Hương Lan, bán thêm đồ ăn quốc doanh và buổi tối cuối tuần có ca nhạc.

Mười hai giờ đêm. Giới nghiêm. Từ Vương Cung Thánh Đường nhìn xuống, Đồng Khởi thê thảm hiu quạnh dưới ánh điện đường vàng vọt, không còn một sự sống, không còn một bóng người. Quán Hương Lan đã buông kín lưới sắt, tối thảm. Nhà sách Xuân Thu cũng vậy. Cũng vậy, mọi căn nhà mọi cửa tiệm chung quanh. Giữa vùng tối thảm bốn bề của thành phố ba triệu người chết lặng trong giới nghiêm cộng sản, duy chỉ căn phố lâu là ở tầng trên đèn còn bật

sáng. Dòng ánh sáng khuya khoắt từ hai khung cửa sổ trên căn lầu đổ xuống, in thành hai khung vuông ánh sáng bất động trên mặt đường im phắc, như một cặp mắt đăm đăm mở lớn của một niềm đợi chờ sắt son, đời đời thủy chung, sơn cùng thủy tận.

Quả vậy, tầng lầu đã nhiều năm là của một đợi chờ chung thủy. Đợi chờ. Kể từ đại hoa, đại họa còn dang dặc. Đợi chờ, kể từ ngày người thương yêu bị đầy ải đi xa, sau bao năm vẫn chưa được trở về. Đợi chờ. Kể từ địa ngục, từ hồng thủy. Đợi chờ kể từ một biển người phải bỏ nước ra đi. Từ một đất nước chỉ còn là một nhà tù vĩ đại.

Nhưng đêm nay, ánh đèn sáng cô đơn trên từng lầu không phải là một ánh đèn chờ đợi. Chờ đợi tạm gác. Còn cả nghìn đêm khác. Ánh đèn đêm nay là của một đêm sửa soạn. Cho lên đường buổi sáng ngày mai.

* * *

Tầng lầu có hai căn phòng. Người đàn bà thức một mình ở căn phòng lớn, căn kia nhỏ hơn, bày con nệm dựa của nàng đã ôm nhau ngủ kỹ. Căn phòng trần trụi, không một dấu vết đồ đạc, như hình ảnh cuộc sống lầm than của người đàn bà bây giờ cũng là như vậy. Ngồi xồm trên mặt sàn, trước một cái túi vải lớn, miệng túi mở rộng, người đàn bà cầm trên một tờ giấy, tờ giấy là một bản danh sách dài thông, chữ viết trên tờ giấy là chữ viết của nàng. Nàng đọc thầm một dòng, đoạn buông tờ giấy xuống, nhặt một

gói nhỏ, bỏ cái gói vào trong cái túi. Cầm tờ giấy lên, nàng đọc tiếp một dòng khác, nhặt một gói khác, bỏ tiếp vào miệng túi. Cứ như thế, bằng một cử chỉ đều đặn và lập đi lập lại nhiều lần, nàng nhặt dần và bỏ vào túi vải mấy chục gói đồ to nhỏ đủ cỡ để bề bộn ở chung quanh.

Đêm khuya dần. Cái túi vải đầy dần. Khi người đàn bà ngừng tay, ngồi bệt xuống mặt sàn, nhắm mắt lại, thở một hơi dài mỗi một, cái túi vải đã đầy tới miệng, mặt sàn không còn một bịch gói nào, và lạnh buốt, đêm giới nghiêm đã nghiêng dần về sáng.

Một lát. Thật lâu. Rồi người đàn bà mở mắt và chống tay ngồi dậy. Nàng vào phòng tắm. Vốc nước lạnh lên mặt. Chải đầu trước gương. Đoạn, nàng trở ra, đi sang phòng bên. Đánh thức đứa con gái lớn. Nói nàng đi thăm nuôi chừng năm ngày, một tuần. Nói nó ở nhà trông nhà. Rồi, không dùng dằng, như che giấu một cảm xúc không muốn tỏ lộ, nàng đi ra căn phòng lớn, mạnh mẽ đeo cái túi xách nặng trĩu lên vai và đi xuống cầu thang.

Bên đó, khi nhà văn nữ Nhã Ca ra khỏi ngôi nhà của bà ở đường Tự Do để đi Tây Nguyên thăm nuôi chồng bà nhà thơ Trần Dạ Từ, buổi sáng còn nhợt nhạt trên mặt đường Đồng Khởi và giờ giới nghiêm cũng vừa chấm dứt.

Đoạn tả trên đây, về một đêm sửa soạn hành trang đi thăm nuôi chồng của nhà văn nữ Nhã Ca, người nhà văn lầy lùnh đã có 40 tác phẩm được in

ra, tôi viết theo sự kể lại của một người bạn ở gần Nhã Ca thời gian đó. Bị truy nã, phải đi vào ẩn lánh cho tới ngày vượt biển, tôi không gặp lại Nhã Ca một lần nào. Kể từ ngày Nhã Ca và Trần Dạ Từ cùng bị bắt giữ với nhiều anh em văn nghệ khác, bị giam ở trại Phan Đăng Lưu, rồi Nhã Ca cùng với Hoàng Anh Tuấn, Dương Nghiễm Mậu được tha về một năm sau, Trần Dạ Từ thì bị đày lên trại tập trung KI ở Pleiku và theo tin tức quê nhà tới giờ vẫn còn bị giam cầm ở đó.

Hãy nghe người bạn tôi kể tiếp về Nhã Ca, một lần bà đi thăm nuôi, lần đó có người bạn tôi đi cùng để khuôn vác giúp bà một số hành lý bà không sao một mình mang nổi. Chuyển đi cho nhìn thấy tất cả những vất vả dọc đường. Cho nhìn thấy cuộc sống điều đứng hiện giờ của Nhã Ca ở Sài Gòn sau đại nạn 1975. Cho nhìn thấy sự can trường lạ lùng của bà, một mình giữa cơn hồng thủy

Mọi người đi thăm nuôi cùng đưa tiễn đến cho Nhã Ca. Để chị “đăng ký” mượn một chuyến xe riêng đi Pleiku. Cùng đi chuyến đó có chị Trịnh Viết Thành, chị Nguyễn Sĩ Tế, con gái nhà văn Mặc Thu, con gái nhà văn Doãn Quốc Sỹ, và một số vợ con nhà văn nhà thơ khác cùng bị lưu đày lên Pleiku. Phải chờ một tuần mới có xe. Một chiếc xe nhỏ ọp ẹp, khởi hành lúc 5 giờ sáng ở bến xe Petrus Ký. Đồ thăm nuôi chất đầy. Mọi người ngồi chen chúc, ngộp thở. Ai nấy đều mỗi mệ, ủ rũ, riêng chị Nhã là người

mạnh mẽ nhất. Chị đùa cợt cho vui dọc đường, sẵn sóc tất cả mọi người. Xe tới rừng lá Phan Thiết đã bế bánh. Phải ngừng lại một đêm. Mọi người xuống xe, nằm ngủ ngay bên vệ đường với đêm rừng lạnh buốt. Riêng Nhã Ca thức, bó gối ngồi tới sáng. Chiều hôm sau mới tới Nha Trang. Lại một màn gối đất nằm sương ở bến xe, khiến mọi người mệt lả cơ hồ không chịu đựng nổi nữa.

Lượt đi tưởng độ hai ngày kéo dài tới bốn ngày ở dọc đường. Ngày hôm sau ra Qui Nhơn, từ Qui Nhơn đi Pleiku, xe lại hư máy nữa ở chân đèo Cả. Tài xế dở chúng đòi quay về Sài Gòn, chị Nhã phải năn nỉ mãi. Chị hô mọi người cùng đẩy xe lên con đèo cao ngất. Đẩy năm bảy cây số tới ngang trại giam trên đường 19, đã xế chiều. Mọi người cùng phải khiêng vác nặng, đi lê lét qua ba cây số đường rừng mới tới trại. Thời gian cho gặp thân nhân chỉ có nửa giờ. Thấy chồng, chị Nhã xúc động ôm lấy và bị bọn cán bộ la lối chửi mắng là đã có cử chỉ sàm sỡ đồi trụy. Chị nín thinh, chịu đựng, ra khỏi trại mới chảy nước mắt.

Lượt về, phải lên Pleiku chờ xe đăng ký lại. Mọi người vào một ngôi chùa xin ngủ nhờ.

Khi về tới Sài Gòn, chuyển thăm nuôi diệu vợ cực khổ kéo dài đúng mười ngày. Chị Nhã không còn một đồng một cắc nào. Có bao nhiêu đã tiêu hết cho thăm nuôi. Lần đi thăm nuôi nào cũng vậy. Nhưng can đảm, không bao giờ chị kêu than một

lời nào và lại vay mượn, dành dụm cho lần thăm nuôi tới.

* * *

Từ chỗ ẩn lánh của mình, nghe chuyện về Nhã Ca, Nhã Ca trong đổi đời, trong giông bão, về những ngày tù đầy của Nhã Ca ở Phan Đăng Lưu, về những chuyến thăm nuôi Trần Dạ Từ, tấm lòng sắt son chung thủy, tôi không sao kìm giữ được xúc động. Trước 1975, đời sống Nhã Ca khác, đầu nắng mưa dầu dãi đến vậy.

Người nhà văn nữ phái sinh trưởng ở Huế này đã chia tay với Huế khi còn rất trẻ, mới quen biết với Trần Dạ Từ là chồng bà sau này, và vào sống ở Sài Gòn khi thơ bà được biết tới, người khám phá ra tài thơ Trần Thị Thu Vân, tên thực của Nhã Ca, là nhà thơ Nguyên Sa.

Lập gia đình, cùng Trần Dạ Từ đi hẩn vào làm báo viết văn, những năm tháng đầu của người thiếu phụ trẻ tuổi đi khỏi vùng trời ấu thơ của mình là những tháng năm khổ cực. Người viết chưa thành danh. Nghề chưa nuôi nổi người. Thêm thời gian Trần Dạ Từ bị bắt. Nhưng cũng là thời kỳ trưởng thành và đích thực vào đời của Nhã Ca, thời kỳ tài thơ của Nhã Ca vụt chói lòa, rực rỡ, từ một trí tuệ và một ngôn ngữ đã óng ánh trở thành nhờ được tôi luyện trong những thăng trầm của cuộc đời muôn mặt. Sự tôi luyện ấy đưa tới già dặn. Tới người đàn bà xã hội mạnh mẽ ở Nhã Ca, sau người con gái Huế mơ mộng

lãng mạn, và là nền tảng khởi đầu cho người viết tiểu thuyết tâm lý và tiểu thuyết thời thế lừng danh những thời gian sau đó.

Mấy năm cuối của thập niên 60, sau khi đoạt giải thưởng thi ca toàn quốc với tập *Nhã Ca Mới*, Nhã Ca đã là một kiện tướng phái nữ trên trường văn, traten bút không ai là không biết tới. Đời sống vật chất do đó cũng thay đổi. Mau chóng khả quan hơn. Những năm tháng thiếu thốn, mẹ con nhếch nhác, bữa đói bữa no ở căn phòng Bùi Viện tăm tối, uống nước lã dở bữa làm tờ *Ngàn Khơi* chết lên chết xuống không còn nữa. Thơ hay vẫn không nuôi nổi người. Nhưng tiểu thuyết dẫn đầu về số bán, hết cuốn này đến cuốn khác, đã đưa hẳn được con nhỏ thoát ly Huế ngày nào tới một đời sống rục rờ hơn. Được đà, Nhã Ca Trần Dạ Từ dựng nhà xuất bản riêng, nhà xuất bản Trăng Mười Sáu. Làm được tạp chí riêng, tạp chí *Nhà Văn*. Và mua được ngôi biệt thự rất đẹp ở đường Hoàng Hoa Thám, hai vợ chồng và bảy con cùng dọn về ở đó.

Mấy năm cuối của thập niên 60, cho tới đại nạn 1975, là thời gian Nhã Ca gần tôi nhiều nhất. Trong mọi việc viết sách, in sách, xuất bản, phát hành, gần như cùng song song một nhịp. Do đó cũng là thời kỳ có những kỷ niệm về sinh hoạt với Nhã Ca Trần Dạ Từ nhiều nhất.

Đời sống của cặp vợ chồng nhà văn nhà thơ này rất mực sống động, nếu không muốn nói là một

thao túng, một quấy đảo không ngừng. Họ sang viết bài ở *Văn* trên đường Phạm Ngũ Lão. Tôi sang viết truyện đã nhận viết cho *Trăng Mười Sáu* ở tòa soạn và nhà in Nhà Văn ở đường Bùi Chu. Gần như sáng nào cũng có sự đi đi về về giữa hai địa chỉ nói trên như vậy.

Viết truyện, tôi đã nhìn thấy những nhà văn viết thật nhanh, thật khỏe, như Doãn Quốc Sĩ, Duyên Anh. Ở một mức bình thường kém hơn, như Nguyễn Thụy Long, Lê Hằng, Nguyễn Đình Toàn. Nhưng nhanh khỏe, ngon lành, dễ dàng, gió táp mưa sa nhất không ai bằng được Nhã Ca. Bữa ăn sáng ở ngõ hẻm Casino. Ở Phở Tàu Bay. Rồi Nhã Ca tươi tắn, thoăn thoắt về ngay chỗ viết và ngồi ngay vào bàn viết. Trái với Nguyễn Thị Hoàng, Thụy Vũ, Lê Hằng chỉ một mặt nào, thể giới tiểu thuyết của Nhã Ca rất phức tạp rộng lớn. Bà không chỉ viết về tình yêu về tuổi trẻ, như nhiều người tưởng vậy. Mà còn về xã hội, về thời thế, về đất nước, về cuộc chiến. Riêng vụ Tết Mậu Thân ở Huế, với mấy tác phẩm Giải Khăn Sô Cho Huế, Đêm Nghe Tiếng Đại Bác về thăm kịch chiến tranh và bạo động tàn sát là một bằng chứng. Có điều là cảnh tượng nào, đề tài nào, tình sử nào, thảm họa nào từ ngòi bút Nhã Ca cũng được viết ra một cách cực kỳ dễ dàng và mau chóng.

Phải nói là hai ngòi bút. Và cái cảnh tượng viết ở Nhã Ca, mỗi buổi sáng ngồi viết là một cảnh tượng chóng mặt tôi chưa từng thấy ở một nhà văn nào.

Bà ngồi, thật thẳng, trước cái máy chữ, mỗi tay cầm một cây bút chì, hai cây bút cũng thẳng như dáng ngồi. Và cứ như thế, tưởng như chẳng cần phải suy nghĩ gì, hai cây bút vùn vụt gõ đều xuống mặt chữ bằng một nhịp nhanh mau không thể nào tả được. Tôi viết không chậm. Duyên Anh thì tuyệt nhanh. Nhưng ngồi viết chung với Nhã Ca là thua, thua đậm. Điều thần sầu nữa ở Nhã Ca là bà vẫn có thể vừa trò truyện vừa viết, miệng nói mà hai cây bút vẫn không ngừng nhịp đập thần tốc. Có những con người có một năng khiếu đặc biệt. Hơn hết hẳn mọi người về tốc lực. Nhã Ca là một trong những người đó, thượng thừa ở cái tốc lực viết không ai bì kịp.

Nhớ một ngày, tôi đến phòng viết Trăng Mười Sáu khi Nhã Ca đang mang thai đứa con gái út. Bụng chữa vượt mặt rồi, cái áo blouse rộng thùng thình, tác giả *Lăn Về Phía Mặt Trời* ngồi chễm chệ với hai cái bút chì gió tấp mưa sa trên máy. Tôi kinh ngạc:

- Vào Saint Paul đến nơi rồi mà vẫn đánh bài sao?

Nhã Ca cười:

- Bộ anh tính trả tiền phòng cho hả?

Chính vì sắp phải nằm một tuần nên gắng đánh cho xong cái truyện dài, lấy tiền nhuận bút trả cho Saint Paul.

Nhã Ca trả hết tiền nằm, tiền phòng bằng tác quyền một truyện dài viết tới phút cuối cùng trước “vỡ đê” thật. Và còn tùm tùm cười thú vị mãi về chuyện đó.

Vợ chồng Nhã Ca, Trần Dạ Từ có máu cái bang giang hồ từ ngày có xe hơi và ngôi biệt thự đường Hoàng Hoa Thám, thường xuyên tổ chức những họp mặt tiếp bạn. Thường vào những cuối tuần, mọi công việc nhà báo, nhà xuất bản ngưng hết sang ngày thứ hai. Họp mặt nhỏ, vài bạn thân, bàn ăn ngoài hiên, nhậu xong là Trần Dạ Từ hô đóng cổng sắt, giữ mọi người đánh bài tới sáng.

Những họp mặt trọng thể, đèn xanh đỏ giăng kín cây cảnh của cánh vườn rộng lớn, một con trầu nguyên con quay trên thảm cỏ, bằng hữu ngồi la liệt cùng khách, rồi vào hết phòng dương cầm, cùng đàn hát tới khuya.

Họp mặt nào tôi nhớ cũng có vợ chồng nhạc sĩ Cung Tiến, Từ và Nhã đều hết sức quý trọng. Nguyên Sa, Viên Linh, Nguyễn Khắc Nhân, Cha Thiên Hồ, chủ nhiệm báo *Hòa Bình* nữa. Những họp mặt thật vui, đánh dấu cho những ngày tháng êm đềm hạnh phúc nhất của Nhã Ca, trước khi thời thế thành linh lạt sắp, đẩy Nhã Ca trở lại những tháng ngày khổ cực. Tình huống này làm tôi nhớ đến hai câu thơ một bài thơ nổi tiếng của Nhã Ca. Bài thơ nói về tiếng chuông Thiên Mục. Về bỏ Huế ra đi. Về Vĩ Dạ, Đông Ba, về cây cầu Bạch Hổ:

Tôi ra đời bên giòng sông Hương

Con sông chẻ đời thành hai miền thương nhớ

Bài thơ nói về hai miền cuộc đời, một bên thanh, một bên đục. Về hai phương nhân thế, một

phương thần tiên là thiếu thời là tuổi nhỏ, một phương là giông bão là lớn khôn là vào đời. Nhưng “đời đã chẻ đôi hai nhánh” mà bao giờ cũng chỉ là không cùng là vắng vắng tiếng chuông xưa. Huế. Cuối cùng vẫn chỉ là Huế. Huế trong thơ, trong truyện. Huế khi bỏ đi, Nhã Ca tưởng tức khắc xóa nhòa được trong trí nhớ. Huế khi đã thành danh, nhà văn nữ trở về mang mấy trăm ngàn đồng là tiền lời tác phẩm *Giải Khăn Sô Cho Huế* tặng hết cho ngôi trường tuổi nhỏ của mình. Đó là tất cả Nhã Ca. Vừa quấy đảo phá phách, vừa lãng mạn tình cảm. Đã là mẹ, là vợ vẫn là người đàn bà của thời đại bây giờ, một tâm hồn độc lập và một thế giới riêng tư. Một Nhã Ca nhà văn, tiểu thuyết gia, khởi đầu đi vào văn chương bằng thơ, thơ như một vào đời, già từ tuổi nhỏ.

Qua những thư từ bạn bè viết sang từ quê nhà, tôi được biết thêm về Nhã Ca những năm tháng gần đây, như sau.

Ngôi biệt thự đường Hoàng Hoa Thám, ngay sau ngày Nhã Ca bị bắt, người em gái ký với một tổ hợp sản xuất một hợp đồng cho thuê ngắn hạn, khi Nhã Ca ở tù về tỏ ý muốn lấy lại, đã không lấy lại được nữa. Thâm tâm, bà cũng không muốn trở về sống ở đó. Ngôi biệt thự có quá nhiều kỷ niệm của những ngày vui xưa và bây giờ cũng chỉ còn là một vùng thềm dậu hoang tàn đổ nát. Đem đàn con xuống căn nhà đường Tự Do một người bạn gái tốt bụng

nhường lại, Nhã Ca xin được hộ khẩu, ở hẳn đó, mưu sinh qua ngày.

Thời gian một năm ở tù Phan Đăng Lưu, Nhã Ca chững chạc dàng hoàng không khiếp sợ, rất được mọi người cùng tù quý trọng. Căn phố đường Tự Do, trên lầu mấy mẹ con ở, tầng dưới mở thành cửa tiệm lúc bán đồ bách hóa, lúc biến thành quán cà phê. Lối sống tới đâu hay đó, qua tháng qua ngày.

Một thời kỳ tin đồn từ bên nhà đưa sang nói của tiệm thất bại vì thuế má quá nặng, bà phải ra dãi dầu mưa nắng ở những chợ trời Chợ Lớn Sài Gòn. Nhận món hàng này, giao món hàng kia ngược ngược xuôi xuôi buôn đi bán lại. Phải khuya sớm vất vả để nuôi nấng đàn con năm đứa, còn để có tiền đi thăm nuôi chồng ở Pleiku, hai tháng một lần. Mỗi lần thăm nuôi như vậy là nợ, là túng thiếu, là sạch nhẵn không còn một đồng một cắc. Nhưng tấm lòng đầy đặn thủy chung bà không bỏ một lần thăm nuôi nào dù gian nan khổ cực mà cho đó là ưu tư lớn nhất, việc làm quan trọng nhất.

Mỗi lần đi thăm nuôi một lần chảy nước mắt. Nhưng đi. Tinh sương ra khỏi nhà. Năm bảy ngày dọc đường. Trèo đèo lội suối để chỉ được gặp mặt chồng vài chục phút. Đứa con gái lớn bị bắt, mấy con nhỏ đau, không tiền không thuốc. Tin đồn nói tinh thần Nhã Ca đã xuống lắm. Rằng can đảm nào cũng chỉ có giới hạn, chịu đựng nào cũng ở một mức nào. Rằng cửa tiệm xoay sở đủ kiểu, cuối cùng đã phải

đóng cửa. Rằng bị kiểm soát không còn mưu sinh gì được, Nhã Ca buồn, tìm quên trong men rượu, trong những bữa nhậu với bằng hữu, bây giờ không thua một tửu đồ nam phái nào.

Thư xa. Tin đồn. Việt Nam nghìn trùng. Không còn biết hư thực thế nào. Nhã Ca bây giờ hiện hình trên một nền trời hồng thủy hắt hiu nhầu nát, đương đầu với cảnh ngộ, nổi trôi với vận nước, từ xa nhìn về, và bằng tất cả lòng quý mến, tôi chỉ muốn thấy là hiện hình hùng tráng của một định mệnh lắm liệt. Như con người ngoài đời của Nhã Ca tôi đã gần, thời kỳ vàng son nhất đến thời kỳ điêu đứng nhất. Như những nhân vật tiểu thuyết hoang đường nhưng lồng đọng bản ngã và tỏa chiếu cá tính con người Nhã Ca trong chúng.

Người đàn bà trở về Huế giữa cuộc tàn sát Mậu Thân, nằm cả một tuần lễ dưới hầm trong *Giải Khăn Sô Cho Huế*. Người đàn bà đi ngược đường cuộc chiến khổ đau lâu dài trong *Đêm Nghe Tiếng Đại Bác*. Người đàn bà quả cảm trong *Vi Ơi Bước Tối*. Đó là những người đàn bà Việt Nam hiền hậu nhưng gặp cảnh ngộ bỗng có một sức mạnh nội tâm không bờ không bến. Biết đội gai đi trên đường khổ hình, biết can trường và cảm tử sống. Dù thế nào. Dù thế nào mặc lòng. Đó là những nhân vật của Nhã. Đó là Nhã Ca giữa cơn hồng thủy.

Cuối cùng là một hình ảnh đẹp hơn mọi hình ảnh, tôi quý mến vô ngần. Đêm khuya, đêm giới

nghiêm. Đèn sáng trên tầng lầu của con đường tên mới là con đường Đồng Khởi. Người nhà văn nữ phái lấy lòng, ngồi một mình. Nàng đương đầu với đêm dài. Nàng chính là đêm dài của một niềm sắt son đợi chờ nhật nguyệt không mờ, sơn cùng thủy tận. Gói niềm đợi chờ vào một gói đồ này. Gói niềm thủy chung vào một gói đồ khác. Như thế suốt đêm. Đúng hai tháng một lần. Để buổi sáng lên đường đi thăm nuôi người thương yêu bị kẻ thù lưu đầy mười năm chưa thấy về.



Nhà văn
Dương
Nghiễm Mậu
(1936 – 2016)



Tranh: Đinh
Trường Chinh,
bác Đặng Tiến
cung cấp.

Con đường Dương Nghiễm Mậu

Khoảng cuối thập niên 50 và bắc cầu sang đầu thập niên 60 – cây cầu đến nay còn soi bóng tuyệt đẹp trên dòng sông đất nước – những tấm lòng đồng chí với những phá vỡ và những làm mới của văn học và cho văn học, đã được liên tiếp chúng kiến gần như trong cùng một thời điểm, hai cuộc lên đường đi về những chân trời phía trước của một thế hệ những người cầm bút ở miền Nam.

Lên đường thứ nhất khởi sự từ Lên Đường Lớn: từ hiệp định chia đôi đất nước, từ Bến Hải và vĩ tuyến 17, theo những bước chân trùng trùng của di cư một triệu. Đội ngũ tiền phong của nó là Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Cung Trầm Tưởng, Hoàng Anh Tuấn và Nguyên Sa, những người trước vào từ miền Bắc, bài thơ thứ nhất viết dưới những mái lều vải tạm trú của sinh viên, hai người sau “viễn phương” hơn, lên khỏi những hầm rượu tả mạn sông Seine, mới từ Pháp về.

Những vì sao đầu này của một vòm trời văn chương vừa dựng thoát đầu là những lấp lánh lẻ tẻ. Trên tờ Dân Chủ của Vũ Ngọc Các, tờ Đời Mới của Nguyễn Đức Quỳnh, Trần Văn Ân, tờ Lửa Việt, Người Việt của sinh viên Hà Nội di cư.

Rồi sau cùng đến với nhau thành một hộp mặt chung trên tờ Sáng Tạo.

Lên đường thứ hai, đã thấp thoáng trong dấu chân lên đường thứ nhất, nên có thể coi như một đồng hành, làm một gổm thành đầy khí thế của những người viết trẻ, tất cả đều ở tuổi hai mươi, và diễn đàn chính của họ là tờ Văn Nghệ, chủ nhiệm Lý Hoàng Phong, anh ruột nhà thơ Quách Thoại. Họ là Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Du Tử Lê, Đỗ Quý Toàn, Trần Đức Uyển, là Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Nghiệp Nhượng. Và một người viết mới, tuy cùng một lên đường với bằng hữu nhưng độc lập, tách biệt, như đi một mình trên con đường riêng. Đó là Dương Nghiễm Mậu.

Những người của hai lên đường làm mới văn học nói trên, đến nay tuy đã mấy chục năm, nhưng với phần lớn tôi đều giữ được những kỷ niệm về lần đầu gặp mặt. Kỷ niệm với mỗi người mỗi khác. Thanh Tâm Tuyền, căn gác xép ám khói ở tòa soạn Dân Chủ, hần hỏi xin một liều thuốc và tôi tưởng hần là thợ sắp chữ. Nguyên Sa cái mũ trắng thầy giáo, lần đầu tới Sáng Tạo, gọi tôi vào phòng trong dạy một điệu nhảy swing. Cái áo thun cũ, cái quần xà lỏn của

Doãn Quốc Sĩ, bữa ăn trưa đãi tôi ở Đại Học Xá. Cung Trầm Tưởng, cái cà-vạt đỏ chói, tóc đỏm dáng từng sợi. Viên Linh mặt mày cau có giận dữ vì đến đưa thơ tôi còn ngủ vùi, cửa tòa báo treo tấm biển đi vắng. Trần Thanh Hiệp không nhìn lên, vùi đầu vào cuốn tự điển to gấp hai người Hiệp. Quách Thoại, cái anh chàng khả ố ngất ngưỡng ở tiệm ăn Thanh Thế, lần gặp đầu đã tự nhận là vua thơ một thời. Nhưng kỷ niệm về lần thấy đầu, biết đầu với Dương Nghiễm Mậu là vô tình và lý thú nhất, sau này tôi kể chuyện lại, anh em còn cười lớn với nhau.

Nhớ đó là một buổi trưa rảnh rỗi, tôi ghé vào thăm một diễn đàn bạn. Người bạn đang cầm cúi làm việc. Tôi kéo ghế ngồi hút thuốc lá, thấy ở cạnh mình một cái sọt rác đựng đầy những bản thảo gởi đăng không đăng và liệng bỏ đi. Buồn tay tôi nhặt những tờ bản thảo bị xé bỏ ấy lên coi. Cuối cùng và ở tận đáy cái sọt rác ấy là một bản thảo truyện ngắn. Tôi đọc mấy dòng đầu, giật mình vì lối vào truyện mạnh dạn, mới lạ, khác biệt hẳn với lối vào truyện vòng vo ngập ngừng thường thấy ở những người viết mới. Đọc tiếp mấy trang nữa; tôi hỏi người bạn:

- Bỏ đi tất cả đây à?

Người bạn không ngừng đầu lên:

- Ủ, đã đọc rồi bỏ không đăng.

- Moi lấy đi được không?

Người bạn ngạc nhiên hỏi:

- Để làm gì vậy?

- Mặc moi.

Tôi nói, và cắt cấn thận cái truyện ngắn bị vất bỏ ở một diễn đàn bạn vào túi áo, trở về đăng ngay nó và nguyên văn không sửa một cái dấu phẩy trên tờ Sáng Tạo số đang làm. Người bạn tôi, chỉ biết thấy giá trị những tác giả đã thành danh, không thấy được những hạt ngọc lóng lánh lặn ra từ những cỏi viết còn vô danh chưa tên tuổi đã liệng đi cái hạt ngọc văn xuôi ấy là truyện ngắn Rượu Chưa Đủ, truyện đầu tay của một người trẻ tuổi mới viết văn bấy giờ là Dương Nghiễm Mậu. Hạt ngọc bị vất bỏ ấy và tôi đã tình cờ lượm được, đúng là một hạt ngọc.

Bao năm rồi không đọc lại tôi chẳng thể nhớ hết từng chi tiết của truyện chỉ nhớ cái chàng nào đó với bút hiệu Dương Nghiễm Mậu đã có ở Rượu Chưa Đủ một đoạn văn kết thúc tuyệt hay. Đoạn văn tả người anh đến đón em ở viện mồ côi. Hai anh em cùng mồ côi cha mẹ từ sớm. Hai anh em đi lang thang một ngày trong thành phố, không có một đồng xu nhỏ. Buổi chiều, trước khi đưa em trở về viện, người anh dẫn em vào một công viên, yên lặng lấy đất đắp thành những mô hình sông núi quê hương, thầm nghĩ hai anh em tro bụi giữa đời, thôi bấy trò chơi đắp hình, sông núi với em, để có được cùng em, dù một cách rất tội nghiệp buồn rầu, một ý niệm về điểm tựa, về nguồn gốc. Thật là chững chạc và cũng thật là cảm động. Đó là truyện ngắn thứ nhất của Dương Nghiễm Mậu.

Sau này, ngắm nhìn một Dương Nghiễm Mậu đã

nhanh chóng nổi tiếng, đã có hàng chục tác phẩm được in ra, có được thêm những nhận thức mới về cội văn sáng rõ một tâm thức thời đại vô chừng nghiêm chỉnh hiêm thấy ở một người viết trẻ, tôi vẫn mãi mãi nhớ đến hai đứa bé mồ côi đắp hình sông núi quê hương trong sáng tác *Rượu Chưa Đủ* tôi lượm được trong sọt rác một tòa báo của Mậu. Một công viên vắng lặng. Công viên đó chính là hình ảnh con đường văn chương Mậu đã mở ra và đi trên đó, một mình. Những mô hình sông núi quê hương. Đứa nhỏ mồ côi nghiêm chỉnh, sớm hiểu biết, ý thức trong truyện cũng chính là Dương Nghiễm Mậu, đã đắp xong và rất hoàn chỉnh, những mô hình sông núi cho cội văn, cội viết của mình.

Tuần lễ trước đây, ở một lá thư của một người bạn thân gởi sang từ Sài Gòn, có một đoạn bạn tôi vắn tắt cho hay về Dương Nghiễm Mậu sau 1975. Dương Nghiễm Mậu không đi năm 1976, phải trình diện học tập cải tạo, bị giam ở trại tập trung Phan Đăng Lưu Gia Định, hơn một năm sau được thả về cùng một đợt với Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hiệu, Nhã Ca. Thư kể Mậu bây giờ làm việc ở một xưởng sơn mài thành phố, vẫn sống cùng vợ con trong ngôi nhà cũ vùng ngoại ô Trương Minh Ký, một đời sống từ lâu đã biết làm cho đơn giản đến tận cùng khiến nghèo túng đến mức nào cũng không còn là thảm kịch, và dẫu ở cảnh ngộ nào cũng thư thái ung dung.

Thư kể Mậu đi bộ khoan thai trên hè phố, cái dù

đen nơi tay, cái nhìn hóm hỉnh, nụ cười tươi tắn. Đúng là Dương Nghiễm Mậu, vẫn là Dương Nghiễm Mậu ấy, sau Rượu Chưa Đủ đến tìm tôi và đưa thêm những truyện mới, những sáng tác mở đầu cho sự nghiệp văn chương tốt đẹp này của Mậu đều được trang trọng giới thiệu trên tờ Sáng Tạo Bộ Cũ và Bộ Mới. Nụ cười tươi tắn, cái nhìn hóm hỉnh. Đúng là Dương Nghiễm Mậu, độc lập một trời riêng, tách biệt một đường riêng, phản chiếu trong văn viết và trong một tấm hình nổi tiếng độc đáo của Trần Cao Linh, Mậu nhắm mắt mỉm cười dưới một mặt kim đồng hồ kim phút kim giờ cùng ngọ nghĩnh rớt xuống.

Sau biến cố 1975, trước khi bị truy nã và do đó đứt hết liên lạc bằng hữu, tôi còn gặp Dương Nghiễm Mậu nhiều lần. Một lần ở cổng xe lửa số 6. Trời râm mát mà tác giả Địa Ngục Có Thật vẫn chiếc dù đen trong tay, như một vật tùy thân. Mừng rỡ đứng lại trò chuyện giữa tan hoang cộng sản đã vào. Mậu cười nói với tôi:

- Nhiều chuyện lạ lắm sắp xảy ra, đây chỉ là bắt đầu và anh em mình sắp nhìn thấy.

Rồi kể là đã sắp đặt tức khắc xong xuôi đời sống. Đã đơn giản còn chỗ đơn giản hơn nữa. Đã thu hẹp còn cho thu hẹp hơn nữa. Để lúc nào phải đi thì đi.

Ít lâu sau, quả nhiên Dương Nghiễm Mậu đã “phải đi”, cùng với anh em văn nghệ sĩ miền Nam. Đi thẳng vào trại tập trung Phan Đăng Lưu. Một lần khác, gặp trên hè đường Tự Do, xế cửa nhà sách

Xuân Thu. Mậu, một cây dù Tú Xương, tay kia xách một túi giấy, nói ở trong là một cái chăn len, đồ dùng quý nhất còn lại trong nhà, và Mậu đang trên đường ra chợ trời Tôn Thất Đạm bán lấy ít tiền đem về cho vợ mua gạo. Kể chuyện khốn quẫn mà cười thật vui, nét mặt sinh hoạt, ánh mắt giễu cợt.

Sau 1975, tôi đã nhìn thấy ở nghệ sĩ ta một số bản lĩnh chói lòa. Những phong thái trầm tĩnh, những bản ngã dũng liệt, trong nghịch cảnh mới như một đường kiếm tuốt ra khỏi vỏ, mới lấp lánh hiện hình. Nhưng tươi tắn, vững vàng và trong sự trẻ trung đặc biệt, gần như không có tuổi, thì là Dương Nghiễm Mậu thôi. Chỗ này là chỗ nói đến võ công thâm hậu, đến tư duy đạt thành và kín thẳm nhưng đoán thấy, sự kiêu hãnh tuyệt của người nhà văn nơi Dương Nghiễm Mậu.

Lần sau cùng gặp, thời gian này Mậu vừa được trả tự do, là chiếc dù đen hiển triết tôi nhìn thấy ở trước rạp chiếu bóng Trương Minh Giảng. Lần đó, kẻ bên này đường, kẻ bên kia, tôi đang bị truy lùng ráo riết, nên chỉ nhìn nhau gật đầu, vẫy tay chào không ai đứng lại. Khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng tôi nhớ vừa đi vừa còn nhìn lại, nhìn cây dù đen văn chương xa dần, lòng đầy quý mến.

Bạn hữu còn kể ít nhiều chuyện về hơn một năm lao tù của Mậu ở Phan Đăng Lưu. Như về cái thái độ trầm tĩnh của Mậu đã có một ảnh hưởng rất tốt đẹp với anh em cùng tù, đặc biệt là với Nhã Ca, bao nhiêu

nằm vẫn trước sau kính trọng Dương Nghiễm Mậu như một người anh lớn. Biết Nhã Ca ngạo ngược nóng nảy, Mậu vẫn tắt khuyển:

- Cô còn phải trở về nuôi tụi nhỏ.

Và kèm sát Nhã Ca trong những buổi học tập kiểm thảo. Phải nên có thái độ nào cho đúng, kiểm thảo như thế nào mới là khôn ngoan, an toàn, nhất nhất Nhã Ca đều chịu nghe theo những chỉ dẫn của anh “Dương Nghiễm Mậu”.

Một chuyện ngộ nghĩnh về Phan Đăng Lưu: Buổi sáng hai anh em được trả tự do, Nhã Ca có người đến đón ở cửa trại, Mậu không có ai, Nhã Ca còn 5 đồng trong túi, Mậu không có một đồng nào. Nhã đưa cả 5 đồng cho bạn, để đi xe. Mậu cảm tiền cười lớn:

- Anh là ông vua đi bộ ở Sài Gòn, cần gì xe cộ nữa.

Và dùng 5 đồng của Nhã Ca ung dung vào quán uống cà phê. Chi tiết này đủ cho thấy bản lĩnh Dương Nghiễm Mậu trong nghịch cảnh.

Một chuyện ngộ nghĩnh khác, vẫn về Phan Đăng Lưu. Chẳng hiểu vì lý do nào cùng với Lê Xuyên tác giả Chú Tư Cầu, Mậu là một trong hai tù nhân văn nghệ bị quản huấn bỏ quên lâu nhất. Mãi gần nửa năm sau, mới được gọi tên. Cuộc thẩm vấn tức cười không thể tả được:

- Dương Nghiễm Mậu. Tên thật Phí Ích Nghiễm.
- Sao lại những hai tên?
- Một tên cha mẹ đặt. Một tên vì nghề nghiệp.

Quản huấn lắc đầu, Mậu không có một hồ sơ tội phạm. Đành hỏi:

- Anh bị bắt vì tội gì?
 - Tôi không biết.
 - Vô lý. Phải có tội mới bị bắt. Anh làm nghề gì?
- Mậu nửa đùa nửa thật:

- Nghề văn nghệ sĩ.

Tên quản huấn dốt nát chẳng hiểu nghề văn nghệ sĩ là cái nghề quý gì, nhưng nét mặt rạng rỡ:

- Có thể chứ. Vậy tôi ghi vào hồ sơ tội trạng anh, anh nhớ kỹ nhé, tội anh là tội văn nghệ sĩ.

Tội văn nghệ sĩ. Tếu thật. Nhưng cũng là sự thật. Tác phẩm Dương Nghiễm Mậu, sau 1975, cũng bị đem ra trưng bày tại phòng Triển Lãm Tội Ác Mỹ Ngụy như sách của chúng tôi. Nội dung những tác phẩm Dương Nghiễm Mậu cũng bị đem ra mổ xẻ và đả kích thậm tệ ở các lớp học, các buổi họp và trên đài phát thanh cộng sản. Cái “tội văn nghệ sĩ” do tên quản huấn dốt nát định cho Mậu ở buổi thẩm vấn Phan Đăng Lưu, tôi biết. Mậu công nhận và còn thừa công nhận mãi. Như một ở cùng cảnh ngộ với bằng hữu. Như một tin tưởng vĩnh viễn ở chính mình, và qua bản thân, ở văn chương. Văn chương với Dương Nghiễm Mậu, mang ý nghĩa tốt đẹp nhất và toàn vẹn nhất của một tự thành. Con đường đi vậy là trước sau thông suốt. Những bước chân đi trên con đường ấy vậy là đã tới. Tôi vẫn nghĩ trở lại cái truyện ngắn đầu tay Rượu Chưa Đủ của Dương Nghiễm Mậu tôi nhớ

được trong một cái sọt rác và đăng lên một số Sáng Tạo năm nào. Đứa trẻ mồ côi im lặng đào đất chơi trò đắp hình sông nước quê hương. Trò chơi tuyệt vời ấy đã hoàn tất. Nó cũng là cái trò chơi chúng ta cùng nhìn thấy là tuyệt vời và đã hoàn tất, bằng văn chương của người viết văn đi một mình trên con đường mình là Dương Nghiễm Mậu.

Tin nhà đưa sang cho biết hiện giờ nhà văn Dương Nghiễm Mậu đã trở thành công nhân một xưởng sơn mài thành phố. Bằng hữu văn nghệ ở Sài Gòn gần như trên hết thấy đã ngừng viết và đã phải đổi nghề. Để sống. Để có lao động, để được yên thân. Nghe nói Nguyễn Thụy Long đi đập xích lô. Nghe nói Trần Lê Nguyễn bán sách cũ. Nghe nói Nguyễn Đình Toàn nuôi thỏ nuôi gà ở làng Báo Chí cũ. Tất cả đều dãi dầu, tất cả đều sương nắng. Nghe những tin nhà về bạn bè, thấy lòng xót xa buồn rầu, nhìn thấy những khổ cực đang chồng chất lên những thân thể chữ nghĩa thất thế và đang phải sống giữa chế độ hiện giờ của chúng ta. Riêng nghe tin Dương Nghiễm Mậu bây giờ làm công nhân một xưởng sơn mài thành phố, không hiểu sao tôi lại thấy vui vui và muốn cười. Có lẽ vì Dương Nghiễm Mậu bao giờ cũng đến với tôi bằng khuôn mặt đó. Khuôn mặt một người nhắm cả hai mắt lại, cho cái nhìn trở thành cái nhìn bên trong, cái nhìn tâm hồn, và nụ cười tím tím hóm hỉnh là chân dung Mậu ở tấm hình chân dung ngộ nghĩnh của Trần Cao Linh. Cũng có lẽ vì

tôi thấy Mậu vững chãi nhất, chẳng phải buồn phiền và xót xa cho hẳn.

Công nhân một xưởng sơn mài thành phố. Cây dù đen Tú Xương. Đứng là cảnh “Sáng vác ô đi tối vác về” rồi nhé. Dương Nghiễm Mậu! Những tấm sơn mài. Cây dù bên cạnh. Tôi đang hình dung ra Dương Nghiễm Mậu ngồi một mình một góc trong một xưởng thợ cộng sản, trước những tấm sơn mài ấy. Muốn hỏi Mậu ở Việt Nam nghìn dặm: “Những tấm sơn mài ấy có vẽ hình sông núi quê hương?” Chắc là có. Chắc là có. Không trên tranh thì trong tim, trong hồn, trong thức, trong ý. Và cái nền của sơn thì vẫn là một con đường. Con đường đi qua đời sống. Con đường đi qua văn chương. Con đường đẹp nhất, vì con đường thẳng tắp. Con đường đẹp nhất, vì là con đường một mình. Cuối cùng là đứa trẻ mồ côi trong truyện ngắn đầu tay Rượu Chưa Đủ của Dương Nghiễm Mậu sự thực không bao giờ mồ côi. Mồ côi là những kẻ khác kia.



Nguyễn Đình Toàn. Ảnh của Trần Cao Lĩnh

Nguyễn Đình Toàn nơi thành phố mất tên

Chiếc Honda xập xệ, khói bốc khét lẹt, rời khỏi cái quán cà phê vỉa hè đối diện với tòa Lãnh sự Pháp, chạy ngược con đường Phan Đình Phùng. Hai người đàn ông ngồi trên xe. Người ngồi trước, quần áo nhàu nát, mái tóc rối bời trên vầng trán rộng, cặp kính trắng dày cộm trước hai vũng mắt sâu trũng vì nhiều đêm không ngủ, phóng chiếc xe lao đi với tất cả vẻ nóng nảy vội vàng. Chiếc xe tới ngã tư Đoàn Thị Điểm, mặc dầu có bảng cấm rẽ trái, vì là đường một chiều, vẫn cứ bướng bỉnh rẽ trái giai và băng băng chạy vào con đường này. Bỗng một tiếng còi rú lạnh lạnh tiếp theo là một tiếng quát lớn đầy giận dữ: “Ngừng lại!” Cùng với tiếng quát, một tên an ninh áo vàng cộng sản, loắt choắt, từ một gốc cây chạy ra và chĩa thẳng cây súng vào chiếc xe bắt buộc phải ngừng khựng lại. Người đàn ông lái xe buông một tiếng chửi thề và tắt máy.

Tên an ninh đi tới. Nhìn hai ng đàn ông từ đầu đến chân, hất hàm:

- Đường cấm. Biết không?
 - Chúng tôi biết.
 - Đã biết sao còn chạy vào?
 - Chúng tôi đang có việc gấp phải sang ngay đường Hồng Thập Tự Anh bỏ qua cho chúng tôi đi.
- Tiếng quát lớn hơn:
- Không được. Xuống xe.

Trước họng súng vẫn chĩa thẳng vào ngực, hai người đàn ông đành tuân theo. Hai bên đường, một đám người tò mò từ từ đứng lại trước cái cảnh tượng ngăn chặn hần học, thù nghịch và quê mùa đầy rẫy trên phố xá Sài Gòn từ lúc thành phố đâu đâu cũng có những cái áo vàng và những đôi dép Bình Trị Thiên của công an miền Bắc. Hai tờ giấy cư trú tạm thời, một ở làng Báo Chí Thủ Đức một ở đường Phan Đình Phùng được đưa ra. Tên an ninh chỉ liếc qua không thèm đọc. Lại lớn tiếng quát tháo:

- Có mang khí giới không?

Hai người đàn ông chạy ngược con đường Đoàn Thị Điểm buổi sáng Sài Gòn hôm ấy, bị an ninh áo vàng chặn lại, lúc ấy miền Nam đã mất vào tay kẻ thù mấy tháng rồi, người lái xe là nhà văn Nguyễn Đình Toàn và người ngồi ở yên sau là tôi. Sáng đó, chúng tôi vội thật. Có một cái hẹn khá quan trọng tận trong Chợ Lớn. Tôi chỉ buồn cười về chuyện gặp an ninh. Nhưng Nguyễn Đình Toàn thì mất vui thật sự. Hủy bỏ cái hẹn, ông lái xe đưa tôi trở về, rồi về ngay nhà ông ở làng Báo Chí Thủ Đức.

Như phần lớn những nhà văn Việt Nam của ba thập niên 1950, 1960 và 1970, thành danh ở nơi tài viết đã tỏ hiện ở ngay tác phẩm đầu, tác phẩm đầu tay ấy thường là một tập truyện ngắn (như Võ Phiến với tập *Chữ Tình*. Túy Hồng với tập *Thở Dài*, Trùng Dương với tập *Mưa Không Ướt đất*), tài văn Nguyễn Đình Toàn cũng được nhìn thấy ngay từ cuốn sách thứ nhất. Đó là tập truyện ngắn *Chị Em Hải*, cơ sở Tự Do xuất bản. Tập truyện vừa ra mắt đã được nhiều nhà phê bình không tiếc lời khen ngợi và được in lại lần thứ hai. Mọi người tưởng rằng với thành công thứ nhất Nguyễn Đình Toàn được đà sẽ có ngay nhiều tác phẩm khác. Sự thật lại không phải như vậy sau *Chị em Hải*, là một thời gian im lặng khá lâu dài. Nguyên nhân có thể là tình trạng sức khỏe bất bät của Nguyễn Đình Toàn.

* * *

Giống nòi những người làm văn học nghệ thuật Việt Nam từ quá khứ tới giờ, và như chúng ta đã biết, phần lớn đều không có được cho mình một thể lực cường tráng, một sức khỏe sung mãn. Thanh bạch, nghèo túng mở rộng nhưng ngã đường khốc liệt đưa tới bệnh tật. Và bệnh tật hiểm nghèo đốn ngã, rút ngắn những đời sống đã lấy mất đi của chúng ta biết bao nhiêu tài năng trác tuyệt, khi những tài năng này đang giữa tuổi đời, mới chỉ đi một khúc ngắn của con đường lẽ ra phải được kéo dài nhiều hơn nữa. Dòng văn chương tiền chiến, Thạch Lam, Vũ Trọng

Phụng 27 tuổi đã mất. Leiba, Hoàng Đạo, Đinh Hùng, Nguyễn Nhược Pháp, Hàn Mặc Tử, Nam Cao, Nguyễn Bính, đều từ trần rất sớm, nắm mồ đã xanh cỏ khi tuổi đời mới ở giữa trung niên. Thế hệ những nhà thơ, nhà văn sau và tới bây giờ cũng vậy. Vẫn cái vòng tối xám ấy. Vẫn đời sống cơ cực đưa tới bệnh tật, tới bệnh viện, tới bờ huyết, Quách Thoại cũng 27 tuổi đã từ trần. Gần với chúng ta bây giờ là Xuân Hiên, Thành Nam, cây bút đã sớm rời khỏi người, đánh dấu cho hai sự nghiệp văn chương mới nửa chừng, còn bỏ dở.

Tuy chưa mất nhưng Nguyễn Đình Toàn từ lâu đã nằm trong trường hợp những nhà văn lúc nào cũng như đã có một cái vé cho chuyến tàu suốt đi vào tịch mịch, lúc nào cũng như đã sẵn sàng để thần chết tới đưa đi, đau tim, đau phổi trầm trọng, hàng chục chứng bệnh nữa trong cái thân thể còm cõi gầy yếu, tưởng chừng gió thổi cũng ngã, đó là Nguyễn Đình Toàn trong trí nhớ tôi. Đó là Nguyễn Đình Toàn đau, và cái thời gian ngừng viết nhiều năm, chỉ còn là người công chức mà đau yếu đã làm già cằn trước tuổi, người ta nhìn thấy như một hình bóng lắt lay, lủi thủi ở một góc bàn biên tập của Đài Phát Thanh Sài Gòn.

Toàn làm tôi nhớ lắm đến Quách Thoại, những ngày cuối cùng của Quách Thoại, và mấy câu thơ đi thăm bạn đợi chết ở bệnh viện của Thanh Tâm Tuyền

*Mây đục đậu trên thành cửa sổ
Người nằm ôm chân mảng nhớ đời
Bệnh viện thành công viên khuất nẻo
Người ngủ một mình đợi chúng tôi*

Quách Thoại. Người ngủ một mình đợi chúng tôi, sự rũ liệt bải hoải. Hổ mắt sâu trũng, hơi thở nhọc nhằn. Quách Thoại. Những bước lết đi trên hè phố và bộ ngực mỏng như một tờ giấy.

Thế chất Nguyễn Đình Toàn cũng yếu nhược và sức khỏe Nguyễn Đình Toàn cũng mong manh như thế. Nhớ một buổi chiều, chúng tôi cùng quây quần chung quanh một bàn ăn của nhà hàng Hải Biên trước chợ Bến Thành, nhà hàng này nổi tiếng nhờ ba phương trượng của nhóm Quan Điểm là Vũ Khắc Khoan. Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ thường xuyên có mặt. Nguyễn Đình Toàn tới. Vẫn một Nguyễn Đình Toàn còm cõi trong chiếc áo sơ-mi quá rộng, cánh tay khẳng khiu và cặp mắt cận thị sâu trũng. Ngồi một lát rồi ông kêu khó chịu trong người và nói phải lập tức về nhà uống thuốc. Nhưng chưa ra tới cửa ông đã đưa tay lên ôm lấy ngực, lão đảo và quỵ xuống, gần như ngất đi. Tối đó, chúng tôi phải vực ông ra xe, đưa về tận nhà và gọi ngay một bác sĩ tới. Căn nhà nữa, căn nhà phía sau Đài Phát Thanh Sài Gòn nơi Nguyễn Đình Toàn ở cho đến khi dọn về làng Báo Chí Thủ Đức, cũng thường xuyên một không khí xanh yếu và bệnh tật như người. Mấy đứa nhỏ quặt quẹo, quấy khóc. Những lọ thuốc la liệt,

cùng khắp. Những cửa sổ sợ gió đóng kín. Và giữa vùng u uất thiếu ánh sáng này là một Nguyễn Đình Toàn không thể hàng ngày tới trước bàn viết, bởi đang đau hết bệnh này tới bệnh kia. Thành ra ngay ở thời kỳ khởi đầu và trẻ trung nhất của ông với tập truyện ngắn đầu tay *Chị Em Hải*, nghĩ tới Nguyễn Đình Toàn là chúng tôi nghĩ ngay tới Thạch Lam, tới Quách Thoại. Tới một đoạn đường ngắn cụt. Tới một sự nghiệp đứt đoạn. Tới một cáo phó thấp thoáng một chia buồn không xa.

Điều gì giúp cho Nguyễn Đình Toàn sống được tới bây giờ, viết thêm được ngót hai chục tác phẩm khác sau *Chị Em Hải*, không thuốc thang đầy đủ mà đánh thắng được đau tim đau phổi hiểm nghèo, tôi không biết được. Đích thực đây là một trường hợp thật đặc biệt. Và nếu nhất định phải có một giải thích thì là đời sống văn mạnh hơn hết thảy, đời sống mạnh hơn nghìn lần bệnh tật, cái chết, và trong một Nguyễn Đình Toàn nhợt nhạt lại ẩn dấu một sức sống tinh thần mãnh liệt, và cái tinh thần cường tráng đã cứu sống được cái thể chất mong manh. Cuối cùng là Nguyễn Đình Toàn lại có thêm những đất trời văn chương mới, sau *Chị Em Hải*. Sự có thêm này rất đáng ghi nhận. Mặc dầu nó vừa là một thành tựu vừa là một thất bại trong vận động và đi tới của văn chương Nguyễn Đình Toàn.

Thập niên 60 đánh dấu sự hình thành từ Pháp một trào lưu mới của văn chương tiểu thuyết, tiếng Pháp

gọi là Nouveau Roman, tức Tiểu Thuyết Mới, còn được gọi là Anti Roman qua cái nghĩa Tiểu Thuyết Mới chống nghịch lại hết thảy mọi khái niệm về văn chương tiểu thuyết cổ điển trước nó, đưa ra những khái niệm tiểu thuyết mới lạ hoàn toàn. Trình bày về trường phái Tân Tiểu Thuyết này, còn được gọi là Trường Phái Của Cái Nhìn (Ecole Du Regard) phải cả ngàn trang sách, vì cuộc vận động rất bác học, rất trí tuệ, rất cách mạng văn học.

Nhưng mấy đặc thù chính yêu tiểu thuyết của nhóm Tân Tiểu Thuyết thì là: nhà văn cắt bỏ hoàn toàn những nhận thức chủ quan, những nhận thức ấy theo lý giải của Trường Phái Cái Nhìn chỉ làm biến tướng biến hình sự vật, chứ không thể hiện được chân tướng uyên nguyên của sự việc. Như danh từ cái nhìn đã trở thành danh từ trường phái, nhà văn chỉ có nhiệm vụ của một đôi mắt, một ống kính nhiếp ảnh. Đôi mắt ấy nhìn thấy thôi, không phê phán, không tư duy. Ống kính nhiếp ảnh ấy chụp hình thôi, chụp từ thật nhiều phía càn hay, từ viễn ảnh tới cận ảnh, tơ tóc, tinh vi, nhưng chụp thôi, tuyệt đối chỉ chụp, một cách lạnh lùng gần như vô tri, nghĩa là sự vật và đời sống nhìn thấy thế nào thì miêu tả khách quan, chứ không gửi gắm vào miêu tả nhận thức hoặc tâm trạng chủ quan của người viết.

Với những người đại diện có tài năng văn chương đích thực như Alan Robble Grellet, Claude Simon, Nathalie Sarrante (người thứ ba, một nhà văn nữ,

là tác giả cuốn tiểu luận *Kỷ Nguyên Của Ngờ Vực* về trường phái Tân Tiểu Thuyết rất nổi tiếng) nhóm trường phái Cái Nhìn đã đem lại một cuộc cách mạng đích thực cho văn chương tiểu thuyết thế kỷ. Từ lập luận cách mạng, bút pháp, câu văn, lối viết của nhóm Tân Tiểu Thuyết cũng là những phá vỡ, những làm mới hết sức táo bạo. Chẳng hạn như một truyện ngắn của Simon, của Grillet dài ba, bốn chục trang chỉ để tả đi tả lại, tả tới tả lui một cục tẩy. Như tả đi tả lại, tả tới tả lui, từ trước tới sau, từ phải sang trái, một người đi đường, lúc đi, lúc ngừng, lúc hút thuốc lá, lúc bật cơn ho, không thiếu một chi tiết nào kể cả những chi tiết tưởng chừng dư thừa và vô nghĩa. Câu văn mang hình ảnh của nghệ thuật miêu tả triển miển năm bảy chục trang không có một xuống dòng, cả truyện từ đầu đến cuối có khi chỉ là một câu văn, không một dấu phẩy, một dấu chấm.

Hình thành ở Âu Châu, được tiếp nhận như một khám phá tân kỳ vào văn chương Việt Nam thập niên 60, trường phái Tân Tiểu Thuyết đã có ở Nguyễn Đình Toàn người tín đồ nhiệt liệt nhất. Ông bỏ hẳn lối viết cũ. Để viết truyện và dựng truyện trên khái niệm về văn chương tiểu thuyết của trường phái Cái Nhìn. Ông kéo theo một số bạn đường khác là Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Quốc Trụ, Đặng Phùng Quán nữa (nhưng không hoàn toàn) và tạo thành, nếu không đủ để gọi là một trường phái thì cũng là một khuynh hướng Tân Tiểu Thuyết ở miền Nam.

Ở trên, tôi có nói vận động văn chương này của Nguyễn Đình Toàn và các bạn ông vừa là một thành tựu vừa là một thất bại. Như trào lưu Tân Tiểu Thuyết cũng vậy cũng vừa là một thành tựu vừa là một thất bại. Thành tựu nơi Tân Tiểu Thuyết đã đem lại cho văn chương tiểu thuyết một chân trời, một khả hữu mới. Về ngôn ngữ, về kỹ thuật. Thất bại là Tân Tiểu Thuyết đã không thuyết phục được người đọc tiểu thuyết, trước sau vẫn chỉ muốn nhìn tiểu thuyết một hình thái văn chương phổ biến, tiểu thuyết giản dị xã hội và đời sống thuật lại thành truyện kể, qua tâm hồn, ý thức và rung động của nhà văn. Tác phẩm của Nathalie Sarrante, Alan Robble Grillet, Claude Simon do đó, trên chiều hướng phá vỡ nền tảng tiểu thuyết cổ điển thì tuyệt hay, lý luận cảm rất khoa học tân kỳ, nhưng trên mặt thực hiện lại thất bại, vì công trình không còn là tiểu thuyết nữa. Trường Phái Cái Nhìn cuối cùng chỉ gây chấn động được một thời kỳ rồi mờ nhạt dần trên một đường lể, chỉ được kiếm tìm bởi một số người đọc càng ngày càng giảm thiểu.

Có điều là Nguyễn Đình Toàn không hề quan tâm tới thành công hay thất bại trước người đọc về cõi văn Tân Tiểu Thuyết sau này của tiểu thuyết ông. Ông viết hoàn toàn theo ý thích và niềm tin của chính mình. Tôi cho đó là một thái độ rất nhà văn, rất trí thức của Nguyễn Đình Toàn. Thái độ văn chương này, Nguyễn Đình Toàn giữ vững cho ông tới quốc nạn 1975. Thái độ này đã tạo được cho Nguyễn Đình

Đình Toàn trong văn chương tiểu thuyết ta, một địa vị riêng mà những đồng hành với ông như Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Quốc Trụ không có được.

* * *

Ban Mê Thuật thất thủ. Giữa một Saigon nhốn nháo xôn xao vì chiến tranh đã đe dọa từ rừng núi xuống gần, gia đình Nguyễn Đình Toàn được một người chú bên vợ giao cho một biệt thự nhỏ khu Tân Định trước khi người chú rời Việt Nam sang Pháp. Buổi sáng tôi và Nguyễn Đình Toàn chạy xe Honda ngược đường bị an ninh áo vàng chặn lại đã kể ở trên là tuần lễ ông từ làng Báo Chí Thủ Đức về Saigon để thông báo về đổi chỗ ở với phường quận và tiếp thu biệt thự bỏ lại ấy. Ông bàn với tôi sẽ đặt biệt thự thành nơi lui tới hàng ngày của bạn thân. Và để mưu sinh, mặt tiền biệt thự sẽ thu dọn thành một quán hàng bán thuốc lá cà phê và điểm tâm, tất cả trong phạm vi thân mật gia đình và vợ con coi sóc, Biệt thự ấy, Nguyễn Đình Toàn chỉ tới ở được đúng 48 tiếng đồng hồ. Mặc dầu đầy đủ giấy tờ thị thực san nhượng của người chú vợ để lại, ông đã bị phường khóm tới làm khó dễ và buộc ông phải trở về chỗ ở cũ, điều mà Nguyễn Đình Toàn đã phải làm theo.

Và tôi, mỗi lần muốn gặp tác giả *Chị Em Hải* lại phải lóc cóc đạp xe đạp lên làng báo chí Thủ Đức.

* * *

Tin tức từ quê nhà đưa sang cho hay Nguyễn Đình Toàn may mắn không có tên trong danh sách

những nhà văn, nhà báo miền Nam bị bắt giữ trong đợt đàn áp khủng bố năm 1976 và trong những đợt đàn áp kế tiếp. Văn chương Tân Tiểu Thuyết được chế độ mới đánh giá là tuy thoái trào, là sản phẩm của văn chương tư sản, nhưng sạch sẽ, không chống cộng, không đối trụy nên Nguyễn Đình Toàn được yên thân. Chỉ bị cấm viết lại như mọi người. Tin nhà cho biết thêm Nguyễn Đình Toàn sống cơ cực, âm thầm ở làng Báo Chí, hàng ngày vác cần đi câu, làm ông Lã Vọng của thời đại mới, mảnh đất phía sau nhà dọn thành chuồng nuôi thỏ nuôi gà. Rồi lại có tin Nguyễn Đình Toàn bị bắt. Vì vượt biên bại lộ. Bị giam ở khám Chí Hòa ba năm, từ 1977 tới 1980. Không biết thế nào. Đời sống lắt lay của Nguyễn Đình Toàn bây giờ đã xa vời, nghìn dặm, tôi không kiểm chứng được.

Chỉ nhớ mãi cái lần cuối cùng gặp Nguyễn Đình Toàn, trước khi tôi dứt rời hoàn toàn với ông trong hai năm ẩn lánh. Hôm đó, tôi đạp xe lên làng Báo Chí một mình. Ngôi làng, ngày trước có những công dân của văn chương, nghệ thuật là Du Tử Lê, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trần Cao Lĩnh và hàng chục gia đình nhà văn, ký giả khác, là một vùng sinh hoạt rất sinh động, rất tươi vui. Chúng tôi thường mỗi cuối tuần từ Saigon kéo nhau lên, bày cuộc ăn nhậu vui chơi rồi ngủ lại tới hôm sau mới trở về.

Lần cuối cùng tới làng Báo Chí, như tới một nghĩa trang, một đất chết. Du Tử Lê, Trần Cao Lĩnh

đã bỏ đi. Những người còn lại hoặc bị bắt hoặc bị dồn về những vùng kinh tế mới. Ngôi làng, cỏ mọc um tùm, không khí thê lương, những dãy nhà bỏ trống, tịch mịch như những năm mồ, và không gặp ai khác, tưởng như chỉ còn độc Nguyễn Đình Toàn ở đó. Như một có mặt mồ côi. Như một hiện hữu trợ trợ. Vợ con ông đi vắng hết, ngôi nhà trống không, buồn thảm. Lãnh tụ Tân Tiểu Thuyết đón tôi vào. Vẫn gầy guộc, vẫn nhợt nhạt, vẫn rất Nguyễn Đình Toàn. Lẳng lẳng dọn một xị đế và hai cái ly trên mặt sàn. Cười, nửa vui, nửa buồn:

- Tao không biết như ngày trước nữa đâu. Giờ nhậu một cây. Như chúng mày rồi.

Đoạn vào bếp. Tôi theo sau. Món Nguyễn Đình Toàn chính tay làm và đãi tôi hôm đó là món mì xào thịt bò. Tự khoe, trước cái chảo gang nóng rẫy:

- Ăn rồi coi. Tao xào còn ngon hơn La-Cai, Chợ Lớn.

Chiều Thủ Đức lần ấy, tôi đã đối ẩm với Nguyễn Đình Toàn lúc Làng Báo Chí chung quanh tối thăm. Đạp xe trong đêm trở về Saigon, tôi nghĩ chắc còn lâu mới lại lên làng Báo Chí, gặp lại bạn. Lâu thật. Không ngờ lâu đến thế. Đã mười năm rồi. Và chắc cũng chẳng bao giờ nữa.



Nhà văn Vũ Khắc Khoan
(1917 – 1986)

Thế giới Vũ Khắc Khoan

Những người du khách Mỹ hồng hào no ấm, y phục xù lạnh dày nặng sỡ đi về thường từ mười năm nay ở phi trường Minneapolis, tiểu bang Minnesota, lâu lâu một lần, lại nhìn thấy đơn độc khác lạ giữa họ một cặp vợ chồng Á Châu, như họ, cũng tới phi trường đợi chờ một giờ máy bay cất cánh.

Cặp vợ chồng đó, sau mỗi mùa đông Minnesota, càng đi thêm vào cái phong thái lão hạc tách thoát trong suốt là khởi sự của tuổi già. Tuy người chồng vạm vỡ lùn thấp và người vợ mảnh mai cao gầy, đi đứng vẫn nhanh nhẹn vững thẳng giữa cái suối người Tây Phương ào ạt ở chung quanh.

Họ cùng tiến vào một phòng đợi tường gương sáng láng nhìn xuống một phi đạo Đông Bắc dài vút giữa cái địa hình thủy mặc kỳ ảo diễm lệ của Vạn Hồ. Nhìn cặp vợ chồng gốc gác từ xa thăm Đông Phương huyền bí này giữa một phi trường Mỹ sánh vai nhau cùng ngồi xuống ghế ở một góc đời riêng, như họ chỉ có thể ở cạnh nhau suốt một đời như vậy,

mọi người có thể đặt ra nhiều giả thuyết. Từ những giả thuyết bình thường nhất đến những giả thuyết khác thường nhất. Về thân thể họ. Về nguồn gốc họ. Cả chuyến bay họ đang đợi chờ một cách vừa hết sức ung dung vừa vô cùng nhẫn nại, để bay lên. Về lắm liệt rất thái cực đạo của người chồng nước da đồng hun và mái tóc trắng tuyết (hồi còn trẻ: tao chỉ đánh một cái thằng ấy chết) hợp đồng với vẻ âm u nhợt nhạt của người bạn đời, suy nghĩ – chỉ cần thêm một giọt tưởng tượng của võ hiệp Kim Dung – đến một cặp lão trượng hiền lành ngồi kia nhưng dấu kín võ công cao cường vô tả, đến tuổi gác kiếm quy ẩn rồi mà vẫn phải dùng phản lực Mỹ, bởi một mối đại thù ở xa giải quyết chưa xong. Rồi thấy họ trao quẹt trao thuốc cho nhau cùng đốt cùng phì phèo hút, lại có thể nghĩ họ là cặp vợ chồng đông y Phúc Kiến, tới địa phương để kiếm tìm một thần dược mọc giữa đám kỳ hoa dị thảo trùng điệp của Vạn Hồ.

Và chuyến đi. Họ đi đâu? Xuống sa mạc phương Nam tầm thù? Lưu lạc đã một đời, nay trên đường quy hồi cố hương, ở một điểm nào đó của Á Châu xa thẳm, mặc áo vải, đi giấy cỏ, gập lại dòng sông xưa, thêm nhà cũ, xóm giếng và con cháu sau bao năm xa cách, sống an nhàn phần đời còn lại dưới vòm trời từ tuổi trẻ ra đi?

* * *

Giả thuyết cả mà thôi. Giả thuyết như cuộc đời. Giả thuyết như văn chương. Giả thuyết như ở kịch.

Cũng vậy, hình hài và tướng mạo người. Cặp vợ chồng ấy không song thủ cùng phát, không đứng trước một tấm thù nào. Quê quán họ ở Á Châu, đúng vậy, nhưng đường về đất nước đứt đoạn và nghìn trùng cách biệt, dấu chân thất quốc trôi dạt chưa biết ngày nào trở lại được với bến bờ quê cũ.

Đó là một cặp vợ chồng nhà văn. Một cặp vợ chồng nhà văn Việt Nam tỵ nạn, từ bảy mùa tuyết, đã định cư yên ổn ở Vạn Hồ. Cặp vợ chồng đó phải lưu vong, vì văn chương tự do và có thái độ nơi xứ sở họ, cũng như trên toàn thế giới, toàn nhân loại, tự cổ chí kim bao giờ cũng là văn chương có kẻ thù. Và người chồng thân thể ở giữa một bàn viết như một ánh lửa tiền trường và một tấm bảng đen, còn là người thầy dạy học danh tiếng của cả một thế hệ tuổi trẻ yêu thích văn chương như thầy, cũng đã sống với cách mạng, chiến tranh và đổi đời trên một đất nước hoa gấm nhàu nát tan vỡ cuối cùng đều phải ra đi, mà một trò cũ bây giờ là một nhà văn nữ có bài viết cảm động về những giờ học cũ của thầy là nhà văn Lê Thị Huệ.

Nói thêm cho những người Mỹ ở phi trường kia đang nhìn ngó ông già Á Châu phục sức đơn giản dỏm dáng đó là một Jouvet của Việt Nam có truyền thống hát bội và tuồng chèo tuyệt vời độc đáo. Đó là Vũ, người xưng “Khoan tôi” trong truyện kể cho đời, sáng chế ra thể tùy bút lộng ngôn, người chủ tịch Hội Phật Giáo và Hội Văn Hóa ở tiểu bang các người vừa

từ nhiệm. Và đừng “vấn đề” nếu thường gặp “Khoan tôi” cùng các người đợi giờ cất cánh. Á Châu đó đã đi, đi cũng khùng khiếp lắm. Triệu triệu người đi. Cả đất nước đi. Cái trái đất chẳng đang chấn động tiếng chân Việt Nam trên mọi nẻo đường?

Vũ được đi đã nhất. Người trưởng nữ là nhân viên một hãng hàng không lớn. Ông bố nhà văn tuổi cô trông hồng nhàn rồi được hưởng giá vé người nhà đặc biệt, nên từ bấy năm đã là một trong những người bay nhiều nhất ở Hoa Kỳ.

Mỗi lần Vũ Khắc Khoan từ 9441 Blaisdell Ave, South Bloomington, Minnesota điện thoại cho bọn chúng tôi, trước nhất thường cho Hoài Bắc:

– Ngày ấy, tao xuống đó.

Bọn chúng tôi đều nhìn nhau cười:

– Chắc tuyệt nó phủ cho gần chết rồi. Xuống thì xuống làm như đi kinh lý.

Nói vậy, chúng tôi vẫn sửa soạn đón Vũ. Bởi có Vũ là thức đêm, có sinh hoạt, có Jack Daniels khai vị mạnh mẽ buổi chiều, có Hennessy đậm đà buổi tối, có Hồ Trường thăm thiết phần uất rớt về Đông Phương, rớt về Tây Phương, và từ giọt lệ lặn ra nơi câu thơ bôn tẩu thất quốc, đến cái tấm rượu hợp bạn sủi lên một nền trời lữ thú, chúng tôi có Vũ, đã cùng nhau sống lại được rất nhiều điều. Những điều đã xa. Những điều đã mất. Anatole France: “Au milieu du chemin de la vie...” Những điều ở một cuối đường cùng nhau nhìn lại, vừa như một ngậm ngùi vừa như

một băng khuâng vô tả, những điều còn như hơi thở, còn như da thịt mà lung linh hình bóng, sương phủ mênh mông, mưa đổ nhạt nhòa, ở đó mỗi chúng tôi là hình ảnh một người đi qua, cổ áo kéo, lẫn vào bóng tối.

Gặp Vũ, chúng tôi cũng thấy lại được cho bạn con người ngày trước, trên cái nền vẫn vũ chuyển động của những biến động thời thế là lịch sử dồn dập kéo chạy như những đôi cánh nhậm lệ của của một điều lạ lùng là Vũ tuy chẳng tham dự vào hết thảy lại như gắn liền thân thể vào những biến động ấy... Chẳng tham dự hết. Nhưng đã sống bằng một tâm thức nhà văn thấm thiết gắn chặt. Và đã viết ra từng khúc, từng đoạn có như dĩ vãng chỉ có ở Vũ những điều muốn nhớ, muốn thấy và trước hết là những con người. Con người trên đơn vị cá nhân, đơn vị thân thiết khác thường đặc biệt, con người của một định mệnh khốc liệt trong đơn độc tận cùng, bởi vì trong nhận thức Vũ, những con người làm nên lịch sử thời thế đều là những con người nghệ sĩ. Thành Cát Tư Hãn cũng là một nghệ sỹ. Cỗ văn, cỗ kịch Vũ Khắc Khoan là gì nếu không là một hành lang chân dung nghệ sỹ nhiều thời trên từng địa hạt của tâm hồn và hành động. Đó là Lý Đông A, Trần Tử Anh, Đê Thám trong huyền thoại. Nhất Linh trong thân thể, người bạn chí thân Lê Quang Luật. Đó là anh Trương Chi trên dòng sông của giai tầng ở giữa gã Tú Uyên trong tác phẩm biến tướng, Lưu Nguyễn

sau trở về, anh Trời trong Ngộ Nhận. Thấy là những thể sống, những thể sống không tưởng tượng được. Thấy là những thành tựu, vì cái thể sống không thể tưởng tượng được, dầu chung cuộc chỉ là “đốt tranh” là cát bụi, là hư không.

Gặp lại Vũ, trước lò sưởi những tối khuya Minnesota trắng tuyết, mười ngàn phiến Động Đình Hồ đoán thấy đông lạnh dưới không độ tối đặc, hoặc ngoài một hàng hiên chiều của California tươi nắng, một lũ chúng tôi mà Vũ gọi một cách sắp chết là “đám cụ bạn vàng lác đác” mà Vũ hiểu là “giới nghiêm cũng mặc, hẻm nào cũng vô”, đã thật sự tạo lại được một không khí tếu nghịch, đơn giản người nào cũng yêu thích lắm lắm. Vui nhất là thiền sư Nghiêm Xuân Hồng. Và người xưng Khoan tôi trong truyện kể cho đời lại rủ chúng tôi về với hần. Như một bầy Lưu Nguyễn nghịch ngợm.

Trở về Hà Nội trở về Sài Gòn. Trở về những mảnh tôi xưa. Trở về những phiến ta trước. Hồ Tây dưới trăng vàng. Thiếu thời ấy là một Tây Hồ lỏng lộng. Thu Thủy cổng trường thiên nhất sắc. Cổ Ngư đêm mùa hè. Trúc Bạch màu cốm đậm. Cái tên học trò ngỗ ngược, tối ngày đập lộn của trường tiểu học Sinh Từ (Ngay từ đó đã: tao đánh thằng đó một cái chết). Đêm kịch Nhà Hát Lớn, nửa đêm truyền hịch đợi ngày viễn chinh. Đoàn kịch đầu tay Trường Ca Mông Cổ, bản viết làm nền cho sau này Thành Cát Tư Hãn. Chiếc xe đạp ị ạch trên dốc Hàng Than,

trên đó Vũ trẻ măng ngót 40 năm xưa tôi chạm mặt lần đầu. Và những nơi chốn: cái ngõ Hàng Bạc, đêm đêm Vũ Trọng Phụng, Trương Tửu đi ra, cái tiệm phở Trường Ca, tảng sáng nào cũng Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Tuân mò tới. Và những ảnh hình muôn thuở của Hà Nội chưa tiêu tụy đó: Ánh lửa khuya dưới vòm Ô Quan Chưởng, con đường Quan Thánh và những chuyến xe điện thời sinh viên Vũ Khắc Khoan ở đó, những tà áo thiếu nữ Hàng Ngang, Hàng Đào, cái núi rác sau chợ Đồng Xuân, màu đỏ ké cây cầu Thê Húc. Và những tiếng động: gió Hồng Hà mùa nước lũ, tiếng còi tàu Long Biên, bom Nhật trên Gia Lâm, đạn lạc ở Phố Huế, chiến xa Pháp kéo về Hải Phòng, lựu đạn nổ trước trụ sở Quốc Dân Đảng, tiếng tỳ bà Ngã Tư Sở đìu hiu lau lách, tiếng phách Khâm Thiên.

Rồi Saigon. Tây Hồ bỏ lại, Trúc Bạch chia tay, trường Đại Học “cửa đóng thêm rêu, lớp nhớ nhung”, Điện Biên Phủ bàng hoàng, những chiếc tàu há mồm của di cư một triệu.

Chúng tôi cùng vào Nam và với Vũ làm tờ *Tự Do*, diễn đàn đầu tiên của Bắc Hà mới tới, Như Phong, Mặc Thu, bây giờ mới bị cầm tù ở quê nhà, Đinh Hùng đã mất. Nhóm Quan Điểm thành hình trên đất đứng của trí thức giai tầng ở giữa, bích chương dính đầy các thân cây quận Nhất: tờ báo dám nói sự thật, số ra mắt quá khích đòi mỗi tuần chặt một đầu người. Chúng tôi chia thành hai nhóm. Sáng Tạo

điều Quan Điểm đám con quan đòi làm cách mạng đổi thay thế giới. Quan Điểm cợt Sáng Tạo, lũ trẻ nông cuồng, mỗi thằng một đôi giày da đen. Thời kỳ đó là “những ngày vui” như một tựa đề truyện ngắn Khái Hưng, hai tòa soạn này chạy qua chạy lại trên cùng một khúc đường Phạm Ngũ Lão, tuyển tập thơ văn *Đất Đứng* đầu tiên do Mặc Thu thực hiện và người đạo diễn Vũ Khắc Khoan, áo vắt vai, những đêm tập dượt *Thành Cát Tư Hãn* trên sân khấu trường Quốc Gia Âm Nhạc. Trời Sài Gòn đầy sao, dưới đó văn nghệ sống, đêm Sài Gòn dịu dàng với nó văn nghệ thức, một ông sáng sao hai ông sao sáng, những bữa ăn trưa ở nhà Thanh Nam, chúng tôi bắt chước Thâm Tâm đập hết ly tách trên tường, những bữa ăn đêm trước rạp hát Kim Chung gây sự với cảnh sát, những khuya say kéo về Gác Mây Vũ Hoàng Chương, quây quần ở Gác Khói Đình Hùng, ký bông thàng ở nhà hàng Hải Biên, chờ “bắt” tiền trước bàn giấy Khai Trí.

Vũ với chúng tôi có thật nhiều thời kỳ. Một thời kỳ, một hình thái sinh hoạt chủ nghĩa, bằng ấy thời kỳ nối liền bằng những hợp mặt say. Tờ *Văn Đẻ*, hẳn “cho” Thanh Tâm Tuyền, Thái Tuấn rồi tôi thay phiên chủ bút, những buổi trưa trong Đại Học Vạn Hạnh, nơi tá túc của hai đảng thiên tài kinh chống Phạm Công Thiện và Bùi Giáng, bấy giờ Phạm Thiên Thư mới là một chú tiểu quê mùa rụt rè tới xin đăng bài tùy bút đầu tay. Thời kỳ Vũ mỗi tuần đi máy bay lên

dạy học ở Đại Học Đà Lạt, cứ khăn quàng cổ đỏ phơ phất ở phi trường Liên Khương, ngôi nhà nhỏ trên đồi nhìn xuống mặt nước hồ Xuân Hương, đêm hẩn dưng trên một sân khấu lộ thiên rét công vở *Quan Âm Thị Kính*, Thanh Tâm Tuyển bầm tôi kéo nhau lĩnh ra phố chợ uống rượu, sáng hôm sau nhà soạn kịch cho mỗi thằng chúng tôi một trận nên thân.

Sang tới Hoa Kỳ, mỗi kẻ một phương trời, một ông sao sáng hai ông sáng sao lẻ loi từng phiến trời lưu đầy, chẳng còn có được với nhau ngày ngày những đêm vui như ở Sài Gòn ngày trước

Chẳng còn giới nghiêm cũng mặc, hẻm nào cũng vô. Say rượu gây sự với cảnh sát Mỹ cùng phiến lăm, đại hãn cũng không dám nữa. Vũ cũng đã 70 tuổi. Những sợi tóc bạc. Tẩu lượng phải giới hạn. Cái chân chớm tê thấp làm đau mỗi đổi mùa. Thơ, ngày trước là lên yên, lên đường ta say giữa trận tiền, người chớ cười. Thơ bây giờ: Dăm cụ bạn lác đác Mỗi năm tuổi hạc một cao.

Tâm thức cũng đã thay đổi. Nhìn thấy rừng phong thay lá mùa thu một mình, hư không đã là, hơi gió nửa khuya, cuộc đời hình bóng. Bây giờ là một Vũ hiền, giai tầng ở giữa đã trả lại cách mạng và thời thế cho những giai tầng khác, thôi mỗi tuần đòi chặt một đầu người, thôi tao đánh một cái nó chết. Thôi. Lâu rồi. Thôi. Đã mười năm thôi.

Từ đứa cháu ngoại đầu, sáng sáng ra gọi ông ngoại bằng Khoan ơi. Từ cộng sản đốt sách *Quan Điểm* ở

quê nhà. Từ bỏ nước ra đi, từ Lê Quang Luật mất. Những ồn động của thời thế bỏ lại cho cái bên kia một triển núi ồn động. Ánh mặt trời đã ngã về Tây là ở cái hướng khác những mặt trời lên. Vũ, 70, bạn hữu nhìn thấy ở Minnesota mùa tuyết 81, ở Cali mùa nắng 82, đúng là một mặt trời hiền, một ông chủ tịch văn hóa hiền, một ông chủ tịch Phật Giáo hiền, một tiểu đồ hiền, một ông ngoại hiền. Chuyển dáng của Vũ đi vào tuổi già đã là một chuyển dáng đẹp. Của một chuyển cảnh đẹp. Tiền trường bây giờ thôi là cát bay gió chạy, người ngựa ngập trời, thế sống chất nổ. Cánh cửa sổ sầm chớp của Lôi Vũ đã khép lại. Phồn Y đã ngủ yên. Tiền Trường bây giờ là một buổi chiều buồn rộng lớn, grande pour les êtres est la tristesse du soir, Michelet, một con đường quê, một cánh đồng cỏ trong tranh Cézanne, những hoa tuyết dịu dàng, những cảnh du hiền triết. Buổi sáng. Jean Gabin lặng lẽ thức giấc, mùa đông dài, ly cà phê sớm, mặt bàn viết chụp đèn còn sáng xuống một trang lộng ngôn viết dở đêm qua. Lộng ngôn tôi, lộng ngôn bạn, lộng ngôn đời, tất cả êm đềm thỏa thuận. Những thế sống không thể tưởng tượng được, thôi hãy xếp vào lũ tượng gỗ ở với *Những Người Không Chịu Chết*, cho người thiếu nữ tên Thu cũng được biết đến hạnh phúc ở đời. Buổi chiều, ngôi nhà Bloomington tối xuống. Đêm nay tuyết đổ nhiều, hàn thử biểu không độ. Hâm nóng một chút rượu, Jean Gabin nhìn lửa. Kịch ở trong tâm, cái tâm đã yên. Tuyết rơi cứ rơi cảnh du ấm áp.

A mà bọn chúng đang làm gì ở bên Cali kìa. Chúng đang uống rượu, thiếu ta sao được. Tuyết Đông Bắc mùa này vẫn chưa chôn vùi được đại hãn. Và những người Mỹ hồng hào no ấm buổi sáng hôm sau lại nhìn thấy cặp vợ chồng Á Châu lạnh hiên giữa họ, trong một phòng đợi, tường gương sáng láng, chờ giờ bay lên.



Nhà văn Võ Phiến
(1925 – 2015)

Những buổi trưa ở Chinatown của Võ Phiến

Mỗi lần có một người bạn từ xa tới vùng Vạn Hồ Minnesota, những mùa đông dài trời biếc lộng lẫy nắng mùa rực rỡ mà nhà cửa, cỏ cây, hồ bãi thì chôn vùi cóng buốt dưới hàng thước tuyết, nhà văn Vũ Khắc Khoan thường đốt một lò sưởi lớn. Đãi bạn món vịt hầm tiêu kiểu Pháp nhà làm đã được cho vào sổ vàng ẩm thực bang chúng văn nghệ. Và trước lửa, đêm mùa đông thét gió gào mưa ở bên ngoài, trong những sự và người kỳ thú của Vạn Hồ, kể cho bạn nghe một giai thoại vui về Võ Phiến.

Võ Phiến, bạn bè đọc lái lại là Phó Viễn. Võ Phiến, người viết văn lỗi lạc của Bình Định dữ dội. Võ Phiến, cùng quê với Nguyễn Huệ, ông kiểm cung hiến hách một thời, tôi bút giấy một thời vang động. Võ Phiến, tên phản bội bị cộng sản khu 5 kết án tử hình khi bỏ khu về thành, bản án tử hình còn nguyên vẹn hiệu lực không xóa bỏ sau quốc nạn 1975.

Võ Phiến, thức trắng đêm với cái máy chữ nhà thờ thổ tả cho những sổ Văn Học Nghệ Thuật, tới

sáng cùng Lâm Triết xuống bãi biển Santa Monica danh tiếng, câu cá quên đời với những người da đen thất nghiệp, cái cần ném đi vướng lung tung vào tóc tai người đứng cạnh, khiến câu cá bình minh của Mỹ thấy Bình Định tới là ôm thùng đồ câu lảng tránh thật xa. Võ Phiến, tác giả *Nguyên Vẹn*, Jim Banerian đã dịch sang Anh ngữ, Võ Phiến từ một đêm Phú Quốc đen đặc, Buôn Mê Thuật mất rồi, Bình Định cũng sắp, cùng với Thanh Nam, Viên Linh, Lê Tất Điều theo đoàn nghệ sĩ và chuyên viên vô tuyến ra Hạm Đội Thứ Bảy. Võ Phiến, mỗi trưa hè Los Angeles, trong con đường Baltimore cổ cũ, nằm đông đưa trên chiếc vông cói mắc giữa hai đầu cành sinh tử, như lời một câu thơ Thanh Tâm Tuyền. Võ Phiến, công chúc vào ngạch cửa sở Thuế Los Angeles. Võ Phiến đã thôi làm báo, đã nghỉ viết văn và cười hể hể:

- Năm năm nữa tôi về hưu, tôi vĩnh biệt với những con số thuế, tôi viết lại mấy hồi ông ơi!

Giai thoại kể lại theo bút pháp lộng ngôn của Vũ Khắc Khoan kể rằng cái hồi đầu vào Mỹ, sở dĩ Võ Phiến viết nhiều, viết ác về những lễ thói ăn ở kỳ cục tức cười của xã hội Mỹ, do nơi bản tính tinh nghịch của người Bình Định một phần, một phần vì mới chân ướt chân ráo nhập nội, cái xã hội của những cơ quan thiện nguyện làm trùm đã chơi nhà văn tỵ nạn chính trị một cú nhớ đời. Như thế này. Tới Guam, rồi vào trại Pendleton, Võ Phiến được bảo lãnh dụ khị sao đó, đã hăm hờ rời trại tới Minnesota

sớm nhất. Lúc hai bờ thượng lưu man rợ của giòng trường giang Mississippi chưa soi bóng một Việt Nam tỵ nạn nào. Tối vào cái lúc sơ khởi của định cư, Việt Nam từng người dẫn thân đi vào các tiểu bang Mỹ lạ hoắc không một ý niệm về địa dư và lãnh thổ, cũng phiêu lưu, mù lòa và hãi hùng như thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh thuở trước. Đó là cái lúc ở trại vui hơn, từ chối định cư, những áo dài và những bà ba của cái xứ sở thất quốc vượt biển có Bình Định gió cát chỉ mới biết có một mẻ biển Thái Bình ấm áp, và California đất tiền đất bạc gần nhất mà thôi.

Võ Phiến tách ra, ngược đường, mang cái thân thể văn chương lưu đầy về một hướng khác. Sao vậy? Có phải vì cái tư tưởng xa đời, xa người thâm kín nơi một nhà văn một đời như núi đứng riêng tây, một cỏi một mình, một mình một cỏi, ta bắt xuất ta, người bắt nhập người? Hoặc vất bỏ hết thảy, từ một giác ngộ thành linh, làm anh chàng Henry Việt Nam của *Le Fil Du Rasoir* (hạnh phúc khó ghê gồm như đi trên một lưỡi dao cạo) tự xóa bỏ trước nhân quần xã hội, làm một công dân vô danh trong cái thế giới ẩn tích? Hoặc tưởng rằng trên mười ngàn mặt hồ tịch lặng, bàn viết được đặt hơn là đặt giữa phồn hoa? Hoặc là. Chẳng rõ nữa. Giai thoại không đào sâu vào phân tích. Chị Võ Phiến còn nói với tôi một lần, nói rồi chảy nước mắt, anh Phiến hồi đầu một hai chỉ đời tự tử, bây giờ khá lắm rồi đấy anh.

Điều mọi người biết là cấu thành trong gió nắng

Bình Định ngụt lửa tử thuở nhỏ, người thổ dân nhiệt đới toàn phần ở Võ Phiến đã rơi thẳng vào đất lạ Minnesota trúng giữa trọng điểm hàn băng của một mùa đông dài thắm. Đêm, trong Đỉnh Gió Hú. Ngày, trong *bác sĩ Jivago*. 30, 40 dưới không độ. Tuyết phủ kín đất trời. Tuyết mãn thiên hoa vũ. Mặc đến năm cái áo len nhà thờ, tác giả *Thư Nhà* cũng cứ lạnh từ xương tủy lạnh ra.

Trong cái sự thể lập cập đó, nhà văn xú nóng ngời tiếp chuyện bảo lãnh ngập ngừng mãi rồi đành nói sự thật về nghề viết chữ ở mình ngày trước. Ủa, vậy thì Minnesota hiểu khách và trân trọng văn học đã có ngay một việc làm thích hợp cho bút giấy và trí tuệ nhà văn. Nói rồi bảo lãnh đứng lên, chở liền xe đi, dưới tuyết đổ trùng trùng.

Giai thoại kể tiếp: Võ Phiến mừng rỡ, mặt mũi tươi rói. Sắp được trở lại bàn viết rồi đây. Như ở Trí Đăng. Như ở *Bách Khoa*. Sắp được gặp lại văn chương rồi đây. Như ở *Văn Học*, như ở *Sáng Tạo*.

Chưa có một ngộ nhận Việt Mỹ nào lớn lao hơn thế. Bảo lãnh đưa Võ Phiến tới một xưởng giấy. Thứ xưởng kích thước Mỹ, liên hành tinh, liên lục địa, sâu tối, bát ngát, với những núi giấy cao ngất người đứng cạnh nhỏ như con kiến, những xe đẩy giấy lớn như những tòa nhà. Và công việc của Võ Phiến là đánh vật với những núi giấy. Trèo lên. Leo xuống. Khuân ra. Vác vào. Một ngày tám tiếng.

Vạn Hồ thật độc. Nó bôi xóa đi cái biên thù của

lao động trí thức với lao động chân tay. Nó đại thắng mùa đông. Nó Việt cộng nằm vùng. Và Võ Phiến lại vượt tuyến một lần nữa. Giả tử hồ vịnh, tuyết ơi, chào mi, mũ lông hoàn lại Nhà Thờ, áo lạnh gửi trả bảo lãnh, hết như đêm nào trên bãi biển Phú Quốc, Võ Phiến chết công hối hả tháo chạy khỏi Minnesota. Tôi cười mãi về cái giai thoại Vạn Hồ, lần đầu từ trại đảo sang tới thăm Võ Phiến, cùng Nghiêm Xuân Hồng ở lại một đêm trong căn phòng Santa Monica còn là cái tòa soạn tại gia, cái trụ sự garage của một tạp chí văn học lưu vong tôi kinh ngạc nhìn thấy lần đầu ở Mỹ. Lúc đó tờ *Văn Học Nghệ Thuật* đã mệt mỏi. Võ Phiến cũng vậy. Nỗ lực chưa từng thấy của một nhà văn Việt Nam lưu đầy trong tạo dựng đơn độc một diễn đàn ngoài nước, tôi nhìn thấy lần đầu và trọn vẹn sự thật ở đó.

Một mặt thăm trần trụi, không sao cho phép nhìn thành một diện tích màu mỡ cho mùa màng văn chương và tươi xanh văn học. Một góc phòng, một máy chữ tiền sử, loại quà tặng điển hình của bác ái nhà thờ, đáng lẽ đã phải mờ yên mả đẹp từ lâu trong phế thải. Góc đối diện, một máy điện thoại phục vụ cho văn chương phổ biến xa rộng mà lại có một mẫu giáo lệnh dán cạnh, chủ nhiệm đích thân viết tay: “Hạn chế tối đa long distance”. Kia, lẫn lóc một tiểu luận Đào Đăng Vỹ. Nọ, tả những tờ rời Nguyễn Thị Ngọc Liên. Tất cả, thiêm thiếp trong buổi trưa Santa Monica đứng gió. Đó là chỉ có thể, cái thế giới

làm báo tước lược, chạy tịnh đến cùng cực của Võ Phiến. Cái thế giới hý hoáy, cặm cụi, nhũn nhặn, một mình, của chữ nghĩa khổ hạnh không tiếng, của ngồi xồm đọc bản thảo, của cời trần ngồi gõ máy, của “mẫu bánh mì, ly nước lạnh”, tôi mượn thêm một ý thơ Thanh Tâm Tuyền, của ưu tư văn chương lẫn lẫn với lo nghĩ tiền phòng, của trưa đem báo đi trong nắng lửa dữ dội, của chiều chở báo về xe chết giữa xa lộ, phản ánh tận cùng cho những năm tháng khởi đầu nơi quê người, văn chương ra đi là một đọa đầy với ngoại giới xa lạ, còn là một đọa đầy với chính nó, bởi văn chương, nhà văn, văn chương y và diễn đàn y dựng nên chính là hiện thân của đọa đầy bi thảm phơi bày dưới hết thảy mọi khía cạnh, không thể là gì hơn, không thể là gì khác.

* * *

Dựng lên tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, gọi đó là một chặng đường mới nơi người lữ hành Võ Phiến thời gian còn thiết tha chân cứng đá mềm với đại thế, cũng được. Gọi đó là những lá thư vẫn phải viết mỗi ngày của *Thư Nhà Toàn Tập*, cũng được. Gọi đó là phản diện của định mệnh văn học điều đứng ngọ nạn mà một nhà văn kích thích như Võ Phiến phải sống sau cái chính diện thanh thoi, thuận dòng, không sắp ngửa, không gió bão mà Võ Phiến là một trong ít người may mắn có được suốt bao năm ngày trước ở quê nhà, cũng được nữa. Nhưng đúng hơn cả, đó là chấp nhận quả cảm đi vào thực tế văn học,

ngoài nước, một thực tế còn nghìn lần điêu linh hơn cho người nhà văn ở Võ Phiến là cái thực tế thời tiết, cái thực tế bão tuyết mùa đông đầu của người tị nạn Võ Phiến ở Vạn Hồ.

Vấn đề là phải đi vào. Đồng hóa bản thân vào thực tế. Với tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, – không ai quên được lời từ tạ xin lỗi của Võ Phiến trong lá thư cáo biệt bạn đọc, đóng cửa diễn đàn – Võ Phiến đã thực hiện được cái công việc văn chương rất đáng ghi nhận ấy. Cho chính ông và cho văn chương ta. Bên cạnh những tác phẩm đã xây cất cho tác giả một sự nghiệp bề thế, tờ *Văn Học Nghệ Thuật* có thể chỉ là một phụ lục thôi.

Nhưng theo ý tôi, không có tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, sự nghiệp văn chương Võ Phiến nửa chừng. Inachevé. Tờ báo chính là một chặng đường phải có, một hoàn tất tốt đẹp cho cuộc đời, và thân thể của Võ Phiến nhà văn. Sự vật lộn ấy, tính chất lao động đích thực ấy, thời gian ấy của một báo quán trong phòng ngủ, một tòa soạn trên mặt thảm chính là một trang vàng của văn học Việt Nam lưu vong, mà hình thành tốt đẹp nào, vẫn theo ý tôi, nhất thiết phải là một hình thành trong đơn độc khổ cực. Từ một hầm tối, một địa đạo văn học. Từ một ly nước lạnh. Vũ Trọng Phụng còn không có giấy để viết. Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Đình Lạp chum đầu trên căn gác xếp Hàn Thuyên mờ khói. Đinh Hùng chỉ có một mảnh chăn đơn. Tản Đà cũng vậy. Những

tài năng lớn ấy đã là những đọa đầy lớn, những khổ cực lớn trên chính đất nước của mình. Thì văn học lưu đầy cũng phải vậy. Còn phải hơn thế. Võ Phiến đã vậy, đã như thế.

Hóa nên, thời gian *Văn Học Nghệ Thuật* nếu là chật vật, khổ cực, có lẽ cũng là thời gian ảm áp nhất của Võ Phiến tị nạn. Một Võ Phiến không ảo tưởng. Trước những cánh cửa đóng kín.

Tôi nhớ mãi lần gặp lại ấy. Trọn một buổi sáng nhàn nhã tản bộ trên con đường Đại Dương chạy dọc theo bãi biển Santa Monica, tác giả *Thư Nhà*, để cập tới một triển vọng văn học xa nước, bằng những dẫn chứng cụ thể, đã gần như làm xong với kẻ mới đến là tôi, một thuyết trình đầy đủ về những cánh cửa bần bật đóng kín. Cửa xứ sở này. Trên phương diện nghệ thuật. Trên phương diện văn chương. Đối với lưu vong Đông Phương. Đối với Á Châu tị nạn. Ta với ta thôi, với họ, vô phương, mọi con đường đều chặn lấp, mọi cánh cửa đóng chặt. Võ Phiến nói. Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Hoa tới đây đã mấy đời, còn đứng bên ngoài lề, làm gì có tiếp nhận và chỗ đứng nào cho Việt Nam mới tới. Chúng, Bình Định kêu Mỹ bằng chúng, giữ đất thật kỹ. Họa hoằn chỉ một vài thiên tài lưu vong lỗi lạc của Âu Châu lọt được vào và tạo được danh vọng được tên tuổi. Đa vàng tuyệt đối không, dù bậc thầy, dù thiên tài. Như vậy cho hết thầy mọi ngành, từ văn chương tới hội họa, từ sân khấu tới âm nhạc.

Nhận thức sáng suốt mà ở ngoài mọi ảo tưởng này, Võ Phiến đã có được và thật sớm. Trước chúng ta. Bởi cái hiệu năng quan sát sắc nhọn ta đã thấy như những chùm lân tinh lập lánh cùng khắp trong những tác phẩm ông. Còn bởi một tri thức tự thành, mà đột linh hội mới, thật chính xác (đã một phần được viết ra trong những *Thư Nhà*) là những yếu tính, những đặc thù và những quy luật làm nên đời sống, xã hội, và văn minh văn hóa Hoa Kỳ. Thấy đều xác quyết và cực kỳ tàn bạo.

Hoa Kỳ rộng rãi tiếp nhận tị nạn thế giới vào xứ sở mình. Đồng ý. Nhưng “nó” có tiếp nhận, mở đường, trải chiếu hoa, dâng đất đứng cho văn học nghệ thuật tị nạn hay không, đó lại là chuyện khác. Võ Phiến hiểu được rất rõ điều đó. Câu trả lời của ông là không. Cho những người làm văn học nghệ thuật ta tới đây, chưa tạo dựng nổi một tầm vóc với thiếu số mình đã vọng động vọng tưởng cho mình một tầm vóc quốc tế hư ngụy lỗ bịch, những người đang hoài công xô đẩy gào gọi những cánh cửa hội nhập đóng kín, nhận thức Võ Phiến là một chiếu sáng vàng ngọc. Về sự ông đã biết, rất nhiều chưa. Là yếu tính của văn minh văn hóa Hoa Kỳ đã đặt định, bành trướng, tất cả được thi hành như một quốc sách Mỹ trước toàn cầu và trước mọi dòng văn hóa khác, in tuồng một sách lược chính trị, một kế hoạch kinh tế, văn tất một thế lực chinh phục. Chính sách ấy đã được tỏ hiện và khẳng định không che giấu,

ngay từ lập quốc Mỹ. Bằng tinh thần nội dung bản Hiến Pháp Mỹ. Bằng tuyên cáo Jefferson. Bằng lập thuyết Roosevelt, bằng chủ thuyết Monroe. Bằng “lối sống” Mỹ, giá trị Mỹ trước sau được rao giảng truyền bá như mẫu mực như cứu cánh của loài người đang tiến chiếm thế giới như một ngọn triều ào ạt.

Tờ *Văn Học Nghệ Thuật* cho tới ngày đình bản cũng đã được Võ Phiến thực hiện từ nhận thức vừa nói.

* * *

Những ai bây giờ tới thăm Võ Phiến ở ngôi nhà êm đềm nằm giữa con đường Baltimore là một vùng ngoại vi yên tĩnh của Los Angeles thấy ngay rằng Võ Phiến, công chức vào ngạch của sở thuế Los, đã dứt khoát đình chỉ cho mình, ít nhất cũng một thời kỳ, mọi hoạt động văn chương. Trên cái máy chữ nhà thờ, trên mẫu bánh mì và ly nước lạnh, một tấm rèm đã dịu dàng thả xuống. Căn phòng khách không còn một dấu vết nào của tài liệu, sách vở bề bộn như trên cái mặt thảm Santa Monica mấy năm về trước. Chỉ còn, trên một kệ gỗ nhỏ, mấy cuốn Tam Quốc, một tập Đông Chu, đôi khi Võ Phiến đem ra vườn sau, nằm dài trên võng, đọc lại một khúc Chiến Quốc, một đoạn Xuân Thu dưới trời chiều thăm thẳm.

Vայ thời. Thật yên. Rồi sáng mai đi làm. Như người đàn ông của cảnh ngộ và thời thế trong Tú Xương.

Bây giờ bút đối lông ra sắt

Cách kiếm ăn đời có nhon không?

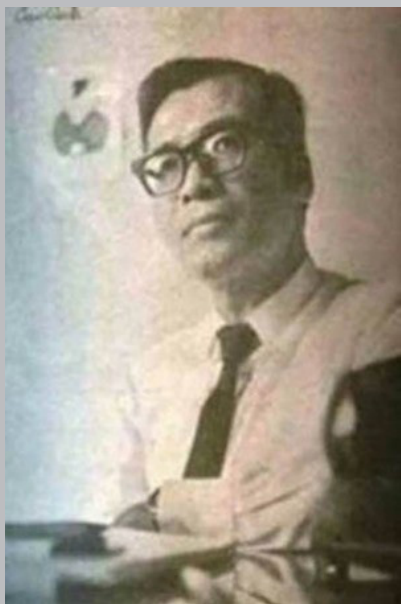
Hỏi Võ Phiến cách kiếm ăn đời có nhon không.

Kẻ bị cộng sản liên khu 5 kết án tử hình, cười gật đầu. Nhộn. Và mệt lả. Nhưng cười. Nụ cười ấy, tiếng cười ấy, làm cho trẻ trung vĩnh viễn một khuôn mặt ở đó là những sợi tóc thi sỹ trên vầng trán rộng, là một cặp mắt vẫn lấp lánh ánh lửa Bình Định tinh nghịch. Nụ cười ấy, tiếng cười ấy vẫn trưa trưa thông dong đi cùng với Võ Phiến trên những vỉa hè chói nắng và sắc sỡ của Chinatown Los Angeles.

Ông Phú và bà Phú cùng làm một sở. Giờ nghỉ đi ăn trưa, chàng và nàng sánh vai vượt qua cây cầu ngăn cách thị trấn Los với khu thương mại người Tàu, lộ trình ngắn hơn là từ Sài Gòn đi vào Chợ Lớn. Cuộc đi dạo lè phè, ung dung. Ngưng lại ở một tiệm trà. Mua một lạng Thiết Quan Âm. Nghi chân trên một ghế đá công viên. Cho cái bụng nặng được nghỉ. Nhiều trưa chàng phải về trước, nàng về sau một mình. Chàng chỉ cho người bạn cùng đi cây cầu biên giới, nói đùa:

- Trưa trưa nơi quê người nàng vẫn thân gái dặm trường, một thân một mình qua cầu như thế.

Nói đùa, rồi cười. Và vẫn tiếng cười đó, tiếng cười Võ Phiến, tiếng cười phải biết có để thấy, phải biết còn để sống, tiếng cười ta đã nghe, thân thuộc và yêu mến, từ bao nhiêu năm cất lên trong cõi văn xuôi lạc quan yêu đời của Võ Phiến. Tiếng cười ấy, những buổi trưa Chinatown bây giờ, tưởng như là đã ở ngoài văn chương, mà vẫn là ở mãi với văn chương.



Nhà văn Mặc Đỗ
(1917 – 2015).
Ảnh của Trần Cao Lĩnh
Mặc Đỗ qua Tạ Tỵ (dưới)



Mặc Đỗ quy ẩn

Một buổi sáng Texas, khi sương mù còn là một biển hơi trắng xóa chưa tan biến trên khắp vùng Missouri City, khi sân chơi mênh mông của ngôi trường tiểu học địa phương đối diện với cái địa chỉ văn chương Blue Ridge 15802 còn hoàn toàn vắng lặng, khi đó cách năm dặm đường đồng, nhà thơ Hoàng Ngọc Ẩn, người hàng xóm Việt Nam gần nhất còn ngủ vùi sau một ngày làm việc ở cái tiệm sách nhạc Tú Quỳnh mới mở dưới phố, nhà văn Mặc Đỗ đã một mình thức dậy.

Thức giấc sớm giữa mỗi tinh sương thôn dã Texas còn trong vắt, đầu cảnh còn chưa chim hót, gờ mái chưa nắng dấy, lúc mà chuyển động của Texas duy nhất ở những nơi cổ máy khoan dầu to nặng không tiếng in hình lên một nền trời cực Nam còn thoi thóp những vì sao cuối cùng chưa rụng, ở người nhà văn chủ lực của nhóm Quan Điểm là một thức giấc đã cố định, đã một đời. Từ xa thăm thanh niên. Từ thiếu thời đại học. Nơi người sinh viên Hà nội

tiền chiến và tiền khởi nghĩa trước mỗi giấc ngủ đều hẹn giờ với cây kim báo thức, tắm nước lạnh những buổi sáng mùa đông và tập thể dục trước khung cửa phòng ngủ ngó xuống 36 phố phường chứa một tiếng xe lăn. Thức giấc cùng Hồ Tây màu cốm đậm chưa ngời ngời một triệu con trăng ánh sáng, cùng quan chương đèn khuya còn thấp, chuyển xe điện Yên Phụ đầu ngày lát nữa mới Kim Liên.

Thức giấc sớm ấy ở mãi với người sinh viên sau đó giã từ những mộng vàng niên thiếu, theo cửa lớn vào đại dương đời và trở thành một nhà văn, một nhà văn như người ta thấy ở một giai tầng trí thức tây phương, mà văn chương là một tra vấn không ngừng, đời sống là một ám ảnh siêu hình, và ngôn ngữ một lên đường dẫn vào hành động. Thức sớm. Bối tâm thể thao thức. Bối thời thể sống đập. Bối nhân gian không ngủ, đứng ngồi không yên. Chùng như trong tâm thức đã trưởng thành, mỗi khởi đầu ngày vẫn trước sau là một hé cánh rất ban mai của tiếng chuông đồng hồ tuổi nhỏ. Đứa trẻ nghe chuông cho khỏi trễ giờ vào lớp. Người viết chữ ký thác những hoài bão trí thức của mình lên mặt giấy sáng sáng thức cùng chuông để gặp sớm, để khỏi lỡ hẹn với hiện tại và thế kỷ của mình.

Ngồi lên và ra khỏi chiếc giường mỗi tinh sương còn nhờ nhờ bóng đất bóng trời, vẫn ở với Mặc Đỗ đêm 26 tháng 4 từ căn phố lâu Trần Hưng Đạo

cùng gia đình âm thầm rời khỏi Sài Gòn sắp mất... Những ngày ở đảo, ở trại, buổi sớm ra bãi, tới ngồi trên một mòm đá, chống tay dưới cằm, nghe tiếng sóng vỗ hồi không nghỉ, nhìn ngắm lại những biến thiên những thay đổi một đời. Thức giấc sớm ấy vẫn cứ như một kỷ luật sắt son không phá vỡ với Mặc Đỗ lũ thú, từ bảy năm Texas, trong cùng đáy tách thoát mất tích cánh đồng Missouri City họa hoàn mới có một Nghiêm Xuân Hồng, một Võ Phiến, một Mai Thảo từ nghìn dặm tới thăm. Thức giấc sớm ấy bây giờ chừng như còn chặt chẽ còn trọn vẹn hơn nữa. Với một Mặc Đỗ đã sáu mươi hai tuổi. Với một Mặc Đỗ đã nhìn thấy rất gần số tháng năm còn lại của mình. Với một Mặc Đỗ từ giải phẫu mắt khiến cái nhìn yếu kém, từ giải phẫu óc, đã lành nhưng mỗi đổi mùa còn làm cho đau. Với người nhà văn đã lựa chọn từ bảy năm một thể sống tịch mịch, cách khuất lưu hết mọi đời sống, nhà văn Việt Nam lưu vong, từ chối mọi tiếp xúc tạp nhạp với đời, đi hẳn vào một thế giới bên trong, tự vây hãm trong một lưu đầy im lặng.

Hình ảnh đời sống của Mặc Đỗ bây giờ là thế. Một mặt phẳng không tiếng. Một đáy giếng thăm thăm. Một cánh cửa đóng kín. Một quy ẩn sớm chiều. Một tịnh thất hoàn toàn. Ở cái địa chỉ văn chương Blue Ridge, người chủ nhân khoanh tay nhìn ra thế giới mù sương, đã rút lên cây cầu treo, từ lâu không xuống nữa. Những chuyến xe đồ, những

hãng máy bay từ bấy năm nay chưa lấy được một đồng nào của Mặc Đỗ quyết liệt chối từ mọi chuyển dịch. Mỹ sống đã vô chừng riêng tây hang động, nhà văn Việt Nam còn trăm lần ốc đảo, nghìn lần hang động hơn. Bóng dáng Mặc Đỗ ở quê nhà, mỗi buổi chiều Sài Gòn tắm nắng, nhanh nhẹn băng qua con đường Trần Hưng Đạo, đứng đợi xe trước cửa chợ Bến Thành, chiều nào cũng ngồi với bạn hữu ở nhà hàng Hải Biên, đêm nào cũng là một đêm huy hoàng Chợ Lớn, cái bóng dáng cùng khắp ấy, không ai còn nhìn thấy nữa. Bàng hữu khắp nơi như lảng giềng kế cận. Tầm rèm đã buông. Một im lặng đầy. Và lớn. Lũy hoa đã rụng. Bên ngoài lũy hoa, trong này lũy hoa. Ngôi nhà sáng lảng, ngưng đọng với những bức thủy mặc Trung Hoa trên những vì tường, cổ máy điện thoại không reo, những mặt ghế phòng khách bỏ trống, những tờ lịch rớt xuống, rớt xuống theo nhịp đi lặng lặng của tháng ngày, hoàng hôn Texas đỏ thắm thế nào không hay, những ngã tư đời ổn định thế nào chẳng biết, đó là Mặc Đỗ, Mặc Đỗ cực Nam, Mặc Đỗ Texas, Mặc Đỗ đi dép mỏng mặc quần áo cũ, mỗi buổi sáng ra căn vườn sau ngồi thật lâu với một đài hoa, và trở vào nhà thức một mình với những cuốn sách.

Căn vườn sau, ba phía tường cao vây bọc. Mảnh đất riêng ở dưới. Mảnh trời riêng trên đầu. Những cuốn sách, thức giấc đã thấy, im lìm trên giá. Những

cuốn sách mà Victor Hugo gọi là những bạn đời chung thủy nhưng buồn bã. Những cuốn sách của bạn, đánh dấu một thời kỳ văn học ở đó có chí lớn, có hoài bão, có nhập cuộc, có lên đường. Những cuốn sách của chính mình, đem bay lên khỏi vùng trời đất nước đã mang theo, cuốn *Bốn mươi* của tuổi không ngờ vực, cuốn *Siu cô nương* của vị trí giai tầng. Khu vườn sau. Những cuốn sách người, những cuốn sách ta. Vườn im lặng nắng. Sách không tiếng động. Đó là cái thế giới thu nhỏ và niêm phong hiện giờ của Mặc Đỗ.

Khoảng hai năm trước đây, thời gian đánh dấu cho sự im lặng kéo dài, đầy và lớn nhất của Mặc Đỗ, cũng là thời gian sau này những tri kỷ và thâm giao được biết là tuyệt vọng và bi thảm nhất của Mặc Đỗ trong nhận thức riêng tây về thân thể cuối chiều, cũng như trong nhận thức tổng thể về xã hội về thời đại của người trí thức lưu đầy ở nơi ông, và buồn bức vô chừng trước bệnh trạng, trước cái điều ông gọi là sự “vô dụng của bản thân” đã tới, Mặc Đỗ có như rớt xuống một đáy thăm. Đi giữa một mùa đông. Ở trong một hầm đá tối. Đời sống hết mọi lý do của nó. Tận tuyệt. Những nguyên tắc để làm gì. Những kỷ luật vô ích. Tâm trạng gần như một thù nghịch, một ngờ vực với hết thảy. Thời gian này là của một Mặc Đỗ khắc khổ đến độ khô cứng, thành kiến tới cổ chấp, lúc giễu cợt mỉa mai, hồi lạnh lùng cay đắng,

cặp mắt khắc nghiệt phán xét tàn nhẫn đời sống, mọi thỏa hiệp khoan dung với đời, với người không còn nữa, khởi đi từ một nhìn ngăm u uất hờn giận với chính bản thân mình. Đó là thời kỳ Mặc Đỗ cự tuyệt với hết thảy, không còn viết được một dòng chữ nào và nghĩ là đã thôi hẳn với văn chương. Trả lời thư một bạn thân hỏi tại sao không còn viết nữa, ông trả lời khô khan vắn tắt: “Tại vì tôi không còn nhìn thấy một giá trị nào.” Những bằng hữu ở xa tới thăm, ông ra đầu thêm tiền chân nói đây có thể là lần gặp cuối. Bạn tới thăm không muốn ở lâu trong căn nhà buồn bã. Người tiếp bạn tới thăm chừng như cũng không thiết tha giữ bạn ở lại với mình. Thời gian này, ở trong cánh đồng Missouri City là những buổi chiều đi “gọi chim vườn bay hết”, là trời một phương, trái đất cùng đường, những con ngựa gầy Texas đứng hình phạt trên những đồng cỏ khô cháy, những cỗ máy khoan dầu Texas nhả nhục quay những vòng quay chịu tội, không một bông hoa nở trong căn vườn sau, những cuốn sách trên giá và những tranh thủy mặc Trung Hoa trên tường vô nghĩa.

Vượt qua sa mạc Arizona từ phía Tây, rời khỏi Oklahoma City và Dallas gió cát chói chang từ phía Bắc, những bạn hữu từ nghìn dặm và đường bộ tới thăm Mặc Đỗ đi vào Texas và một Houston như cũ. Những trang trại tí tắp. Những đồng cỏ mênh mông. Những cái máng khô, những con ngựa gầy,

những hàng đậu đỗ. Những ngôi nhà chóc trời của những thị trấn nắng lửa in hình lên một nền trời cực Nam lòn nắng. Những xóm nghèo. Những người da đen. Những ghe thuyền đánh cá trong những vùng biển. Bầy thủy thủ say rượu hò hét. Khói nhà máy và mùi dầu lửa mùi biển mặn trộn lẫn trong không khí hùng hực choáng váng dồn dập hơi thở.

Và tiến vào Missouri, một cương thổ mới, khuất cách của văn chương Việt Nam lưu vong, vẫn những con đường cũ, một Blue Ridge 15602 gặp lại. Những con đường cỏ hoang lan tràn vắng vẻ, gợi nhớ những con đường đồng Miền Trung. Một địa chỉ yên tĩnh. Một ngôi nhà đóng kín. Tất cả hầu như vẫn thế, vẫn vậy, không một đổi thay nhỏ so với lần tới trước. Tất cả vẫn như riêng một trời ta một biển ta, rất cách biệt rất riêng tây với mọi biển trời người. Rồi tiếng chân người từ bên trong đi ra, rồi Mặc Đỗ mở cửa đón bạn xa vào, thì cũng vẫn là Mặc Đỗ ấy. Tĩnh thất quy ẩn. Bên ngoài đời sống, trong này lũy hoa. Cả tháng không ra khỏi nhà, hàng xóm láng giềng sáng chiều không thấy mặt.

Nhưng Mặc Đỗ gần đây, Mặc Đỗ của lần gặp mới, trong cái phong thái đi ra, trong ánh mắt và nụ cười đón bạn, đã có một vẻ gì đổi khác. Gần như sự trở về với một Mặc Đỗ xưa. Gần như sự trở lại với đời. Gần như một Mặc Đỗ mới. Người, chừng như tuổi trẻ hơn, mặc dầu mái tóc vẫn thêm nhiều sợi bạc. Người, chừng như an nhiên hơn, nhẹ nhõm hơn, vì

đã bắt gặp một thỏa thuận nào đó, một thỏa thuận tâm hồn và trí thức với bản thân, với cuộc đời trước đây không tìm thấy. Ngôi nhà cũng từ người, tạo ra một cảm giác mới. Như có nhiều trời xanh hơn lần gặp trước chảy vào xanh trong những cửa sổ căn phòng. Như những bức thủy mặc Trung Hoa trên những vì tường là những cánh cửa phơi phới sinh động khác nữa của thiên nhiên. Như những cuốn sách trên giá lại đàm thoại hào hứng với người, ngoài căn vườn sau nhiều bông hồng xôn xao sắp nở. Bởi vì người đã ra vườn, làm cho hoa nở. Nở lại những cuốn sách. Làm cho sách nói. Ra khỏi một hầm đá tối tăm, khiến mặt đất lại sáng lòa rực rỡ ở chung quanh.

Một buổi trưa thư thái trôi qua. Một buổi chiều tàn nắng trong vườn. Những bước dạo chạy trên cỏ. Uống rượu trước lò sưởi. Bình trà ngoài góc hiên. Ánh đèn sáng dịu dàng. Khăn trải bàn tinh khiết. Câu chuyện về bằng hữu, về quê nhà kéo dài tới thật khuya. Thôi ông đi ngủ, mai phải lên đường sớm. Tới Missouri City lần này sao ít thời giờ vậy. Bao giờ trở lại. Món chả cá uống với đế Nam Mỹ không kịp thôi để lần sau. Bảo với X. sắp dựng diễn đàn chung tôi sẽ có bài. Nhất định. Tươi tắn, ấm áp, rộng rãi. Đó, Mặc Đỗ gặp lại. Trên con đường trở lại bàn viết, đó Mặc Đỗ mùa hè năm nay.

Và người bạn xa vừa đến thăm Mặc Đỗ vẫn không

trả lời được cho câu hỏi hẩn từ biệt bạn mang theo lên đường, ra khỏi Texas. Điều gì, động lực nào đem lại cho người nhà văn của nhóm Quan Điểm xưa cái phong thái tươi tắn, điềm tĩnh của lần gặp này không thấy ở lần gặp trước. Sự thỏa thuận mới sự bình yên mới? Một giác ngộ tâm linh, một phóng thoát tinh thần. Cái bóng mát đầm đầm của đạo Phật lúc cuối đời thanh thản? Một kết quả trong suốt của quy ẩn. Một hiệu quả bất ngờ của tịnh thất? Một của ngộ nhập thiền? Cái hiệu năng cuối cùng của văn chương. Có thể. Không rõ. Không biết.

Cái hình ảnh sau cùng còn giữ lại của người bạn xa sau lần gặp mới là một bông hồng. Một bông hồng đỏ cắm trong một lọ thủy tinh nhỏ. Trước ngày đón bạn tới, Mặc Đỗ đã ra vườn hái một bông hồng, đem bông hoa đặt vào trong phòng ngủ bạn. Bông hoa còn tươi thắm lúc người bạn ra đi. Mọi câu hỏi cũng có thể đã được trả lời xong xuôi. Chỉ bằng bông hồng đó.



Nhà thơ Nguyên Sa
(1932 – 1998)

Màu lụa Hà Đông trong thơ Nguyễn Sa

Một buổi tối đi cùng vợ chồng Du Tử Lê tới một nhà hàng nổi tiếng về đồ biển mới khai trương trên đường Westminster, tôi gặp ở đây toàn gia Nguyễn Sa, chung quanh một bàn lớn, đang nửa chừng nghêu xào dầu hào và dê hầm bát bửu, một bữa ăn gia đình tiễn chân. Chị Nguyễn Sa, khỏe mạnh gấp bội ở nhà ngày trước, tươi cười chỉ đứa con trai ngồi cùng hai chị gái nó:

- Thằng út. Ngày trước cứ đòi sống theo đời sống phiêu bồng của bác, anh còn nhớ cháu không?

Tôi gật. Nhớ. Xa tấp. Thoang thoáng. Nguyễn Sa, cái bụng tròn hoay, phong cách bang trưởng Triều Châu Phúc Kiến, cười theo:

- Bọn nhỏ đã lớn hết. Chúng mình già hết rồi. Nói tiếp: Hàng quán quanh năm gặp những gia đình quanh năm cơm nhà như gia đình Nguyễn Sa là sập tiệm. Tối nay phá lệ, anh đừng đi quán và đồ biển California. Tiễn cháu sớm mai ra phi trường về sở ở một tiểu bang xa.

Áo lụa Hà Đông hủy bỏ cơm nhà, đi ăn cơm tiệm quả là một điều đặc biệt thật. Điều đặc biệt này không chỉ thấy ở ngoài nước, với Nguyên sa bây giờ, trong ngôi nhà khang trang mới tậu ở Irvine, trọn ngày tại gia và viết, dịch gần hết cả ba phần bài vở ba tờ *Đời*, *Phụ Nữ Mới* và *Dân Chúng*. Điều đặc biệt đã thấy ngay từ xa Sài Gòn, thập niên 50, khi Nguyên Sa bắt đầu đi vào sinh hoạt chữ nghĩa với bọn tôi.

Bấy giờ là 1955-1956. Nguyên Sa mới chia tay với tả ngạn sông Seine và Đại học Sorbonne từ Pháp trở về. Người đưa Nguyên Sa đến gặp Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ, Trần Thanh Hiệp và tôi khi đó là Trịnh Viết Thành cùng sống trọn một thời niên thiếu với Nguyên Sa ở Paris, và hồi hương trước Nguyên Sa vài tháng. Lý do nào Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Văn Trung, Hoàng Anh Tuấn rồi Trịnh Viết Thành, Nguyên Sa từ nhiều thủ đô Âu Châu lũ lượt kéo nhau về nước trong một thời gian, tôi không được rõ lắm. Có thể vì tất cả đều không có tâm trạng những lũ hành một đời để thấy thế giới phương xa không bến bờ là tuyệt vời hơn một bến bờ của đất mẹ. Có thể họ đã trưởng thành và cùng có một lựa chọn. Là chấm dứt cuộc đời sinh viên trên chiếu giường hải ngoại để vào đời bằng trở lại vòm trời sinh trưởng. Và với riêng Nguyên Sa, bởi vì áo lụa không thể là soie Pháp mà tơ lụa Hà Đông kia. Hoặc như Nguyên Sa đã khẳng định bằng thơ ngay từ hồi đó: *nhưng giòng máu không chảy ngoài huyết quản*. Không rõ.

Loạt hồi hương có khi chỉ là một trùng hợp tình cờ.

Chỉ biết rằng Nguyên Sa cũng đã trở về. Ngay sau khi hiệp định Genève. Ngay sau khi chia cắt đất nước. Ngay từ khởi đầu của giọng văn chương ý thức cách mạng vừa hình thành nơi một lớp người viết mới từ Bắc vào Nam trong ngọn triều di cư một triệu. Và dùng danh từ thường dùng của chủ nhiệm *Đời bây giờ*, Nguyên Sa lập tức đi giày mặc áo ra ngay sân chơi văn chương.

Về phút vào sân đầy hào hứng này của Nguyên Sa, tôi còn nhớ được hai điều. Một rất ngoạn mục và một không ngoạn mục một chút nào hết. Không ngoạn mục là hình thức, là con người cầu thủ mới ra sân. Chúng tôi chờ đợi cái khăn choàng đỏ rất Germain Des Prés của Eluard, cái mái tóc rất gió sương của Verlaine. Hoặc ít nhất cũng cái vẻ tay chơi mang về từ khu Montmartre của Hoàng Anh Tuấn. Thất vọng lớn. Dòng thơ hồi hương từ Paris văn học chỉ là một anh chàng trẻ măng, nụ cười hiền lành, cái nhìn khờ khạo, với cái xe đạp lọc cọc, và cái mũ casque trắng lớp năm, rất học trò trường làng, rất giáo viên cấp xã. Vắn tắt, một anh chàng “nhà mùa” lần đầu từ một miền quê lên tỉnh như một nhân vật truyện ngắn Khái Hưng, đánh chết không thể nghĩ đã xuất dương du học, đã đại học Sorbonne, vừa trở về từ Paris. Bao nhiêu năm sau, tới bây giờ, cái bụng bự, cái mũ cát-kết ba Tàu và cái dáng vẻ bang trưởng Triều Châu Phúc Kiến là đã đổi thay nhiều lắm rồi vậy.

Tóm lại một “chân dung” chẳng thi sĩ chẳng áo lụa Hà Đông anh đi mà chột mắt chút nào. Thế nhưng đường kiếm ra mắt từ trong áo lụa Hà Đông phóng ra thì lại hết sức ngoạn mục, lấp lánh. Đó là bài thơ Nga với tiêu đề “Thay cho thiệp báo hỷ”, cũng là bài thơ đầu tiên Nguyên Sa làm từ Paris mang về và trao cho chúng tôi. Báo hỷ thiệt. Báo hỷ không chỉ về sắp sống chung hòa bình với một vị hôn thê mà thơ ngộ nghĩnh tả lúc như “một con chó ốm” lúc như “một con mèo ngủ”. Mà còn báo hỷ cho thơ. Rằng thơ vừa có tin vui. Rằng trời thơ Việt vừa có một vì sao mới.

Bài thơ Nga, tôi nhớ Thanh Tâm Tuyền thích nhất. Đăng ngay trên tờ *Người Việt*, tiền thân của tờ *Sáng Tạo* và là diễn đàn của bọn chúng tôi lúc bấy giờ, với mấy lời giới thiệu trang trọng chào mừng tài thơ Nguyên Sa từ Pháp mới về, bởi vì “một dòng máu không chảy ngoài huyết quản”.

Tờ *Người Việt* đình bản. Tờ *Sáng Tạo* thay thế. Vào nghề gõ đầu trẻ, vẫn cái mũ casque trắng, vẫn giáo viên trường làng, vẫn nhân vật Khải Hưng, Nguyên Sa, khác với Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Khắc Hoạch không thường xuyên, đã cùng với giao tình thân thiết mau chóng, trở thành người viết chủ lực của *Sáng Tạo* suốt hai năm đầu của diễn đàn này. Đó là thời kỳ của những tiểu luận văn học, triết học đầy không khí Sorbonne và những bài thơ tự do loạt đầu làm từ trở về Việt Nam của Nguyên Sa gần như không số nào là không có đăng trên tờ *Sáng Tạo*.

Ở trên tôi đã nói con người chẳng có vẻ gì du học và Paris hết. Nhưng trong văn thơ Nguyên Sa mới về thì có. Nhiều và đây. Nhiều và đây, từ cách thể lựa chọn những chủ đề viết, rất hiện đại, rất Tây phương, đến phương thức lập luận tổng hợp chỉ có được từ nhiều dòng văn học tư tưởng thời đại, mà sự hội nhập vào kiến thức không thể chỉ đơn thuần bằng đèn sách mà còn nhờ được sống ngay giữa vùng hình thành và phát xuất mọi dòng văn học, tư tưởng thời đại với Nguyên Sa là đời sống đại học nhiều năm ở Paris.

Về sau, du học về nước tấp nập hơn. Sự mới lạ không rõ rệt nữa. Bây giờ lưu vong, ta lại đang ở giữa trọng tâm văn học và văn chương thế giới. Nhưng trở lại với thập niên 50 và Nguyên Sa thời kỳ mới về nước trên tờ *Sáng Tạo*, mới nhận thức được rõ rệt cái làn gió mới, cái cảnh mới ấy nơi Nguyên Sa hồi hương đã đi ngay vào thơ trên lối vào rực rỡ sinh động nhất của thơ lúc bấy giờ. Điểm này tôi viết như nhận định một sự thật về thơ Nguyên Sa thời kỳ khởi đầu, cái vị trí tiền phong của tiếng thơ Nguyên Sa mới về nước và trong thập niên 50, tuyệt đối không vì cảm tình hoặc xô đẩy của ngòi bút. Đó là thời kỳ Nguyên Sa không trường văn trận bút như về sau, hoặc sắc nhọn lợi hại qua người chủ báo, viết báo đả kích, trào lộng, bút chiến đả đả đủ kiểu như Nguyên Sa bây giờ. Tôi yêu nhất Nguyên Sa thời kỳ đó. Cái xe đạp lộc cộc, cái mũ học trò lớp năm. Người nhà giáo

chưa danh tiếng và người thi sĩ thuần túy. Nghĩ rộng vẫn là cái chủ đề “Les plus belles années de notre vie”. Những năm tháng đẹp nhất đời ta. Khi ta còn trẻ. Khi trăng dịu dàng là trăng. Khi tuổi xôn xao là tuổi. Khi thơ ta, đời ta như những hòn sỏi tinh khiết vớt lên từ một lòng suối tinh khiết. Đó là thời kỳ Nguyên Sa ở trên một căn lầu khu Tôn Thất Đạm, buổi sáng đến Ký Con đưa bài về Kant, Sartre, một lần dạy tôi ở Sáng Tạo một điệu nhảy swing của tả ngạn Pháp, nhiều đêm bị đánh thức bởi những tiếng la lớn của tôi và Hoài Bắc thời đó đã ban đêm khuya khoắt và réo gọi áo lụa Hà Đông cùng xuống đường khuya khoắt theo.

Trong một bài viết vui mới đây trên tờ *Đời*, thuật lại buổi anh em Văn Bút ở Hoa Kỳ ghé thăm và phỏng vấn tôi, Nguyên Sa kể chuyện tôi lái xe đưa thi sĩ vào đời sống Sài Gòn, dẫn tới những khám phá thú nhất đầy ngỡ ngàng về cái khuôn mặt Sài Gòn ban đêm, ở đó ông gặp những hàng quán Chợ Lớn về khuya, món vịt quay Tú Xuyên và những người vũ nữ trẻ đẹp phá phách. Có sự thực này. Nhưng còn một sự thật lớn hơn Nguyên Sa không nói tới. Đó là tôi và tờ *Sáng Tạo* chỉ đánh dấu ở Nguyên Sa cái thời kỳ khởi đầu. Lúc mới về, mới ra sân. Rồi mau chóng, anh chàng nhà giáo khù khờ đã một mình một đi vào đời sống, chẳng cần một hướng dẫn nào nữa.

Đó là thời kỳ của côi viết Nguyên Sa không chỉ trên một *Sáng Tạo*. Mà áo lụa Hà Đông còn bay múa

trên nhiều diễn đàn khác. Của anh chàng nhà giáo mờ nhạt trong giáo giới đã trở thành người giáo sư triết học danh tiếng đang chuẩn bị mở trường tư thực riêng. Của tập thơ đầu tay đã in, dọn đường cho những phiên họp tòa soạn ở nhà in Nam Sơn với Mặc Đỗ, Thanh Nam, Hoàng Hải Thủy và Trịnh Viết Thành. Đó còn là thời kỳ của người phó chủ tịch Trung Tâm Văn Bút đi dự hội nghị Văn Bút Thế Giới ở Đài Loan, của hai năm động viên, rồi nhập ngũ được kể lại trong cuốn *Một Mình Một Ngựa* rồi ngon lành trở lại với đời sống dân sự, và tư thực Văn Hóa mà Nguyên Sa là Giám đốc. Cho đến ngày cùng gia đình bỏ nước ra đi.

Tôi chỉ thuật lại được bằng trí nhớ, một phần những hoạt động của Nguyên Sa từ Pháp về trong thập niên 50, và sau đó ngót hai mươi năm trường văn trận bút của Nguyên Sa ở Sài Gòn. Một phần. Một phần thôi. Lý do: sau hai năm đầu kể từ hồi hương và với tờ *Sáng Tạo*, Nguyên Sa không còn gần với tôi nữa. Con chim đã vùn vụt cất cánh bay tới những phần đất khác. Đời sống trăm dòng và nhà thơ kiêm giáo sư triết, người giám đốc trường, người chủ nhiệm mới đã ở trên cái trăm dòng nhiều mặt ấy. Khiến chẳng những tôi đã thấy xa còn như thấy mất hẳn Nguyên Sa trước tầm mắt nhiều khoảng thời gian. Ở những khuất mặt này, tấm lòng đôi lúc cũng xa và đã gây nên một vài ngộ nhận đáng tiếc không do nơi tôi và cũng chẳng nên thuật lại làm gì (chúng

ta đã già hết rồi, Nguyên Sa nói), trước sau tôi chỉ muốn giữ mãi cho mình cái hình ảnh tươi mát của một tà áo lụa Hà Đông bay nghiêng trong nắng, nói khác là người nhà thơ thuần túy Nguyên Sa, thời kỳ ở Pháp mới về, buổi sáng từ Tôn Thất Đạm tới Ký Con đưa cho *Sáng Tạo*, món vịt Tứ Xuyên và những đêm khuya trở về từ Chợ Lớn.

Không thuật lại được đầy đủ 20 năm làm thơ, làm báo, dạy học, mặt nào cũng ngoạn mục chấn động của Nguyên Sa ở Sài Gòn còn vì vài lý do khác: Nguyên Sa rất ít gia nhập vào lối sống hàng ngày của bọn tôi. Đám cái bang văn nghệ Vũ Khắc Khoan, Hoài Bắc, Thanh Nam cứ Sài Gòn tàn nắng là đã ngồi với nhau ở một nhà hàng này, một quán rượu nọ. Hàng quán, cái thú lớn nhất, cái địa chỉ thường xuyên nhất của bọn tôi suốt 20 năm miền Nam, không trên đường đi lối về của Nguyên Sa. Rủ, cười cười:

- Ông thức khuya được. Tôi không thức khuya được. Phải ngủ sớm mai đi dạy học sớm.

Rủ nữa, lắc:

- Ông uống rượu được, tôi không uống rượu được. Ở nhà thôi.

Cứ sớm cứ tối. Cứ cái này ông được tôi không được. Rất minh bạch, gọi đó là điệp khúc của Nguyên Sa ở nhà thôi.

Thành tích áo ngủ, quần ngủ và “ở nhà thôi” của bang trưởng Phúc Kiến kể cũng có hạng thật. Mấy lần Đỗ Ngọc Yến rủ tôi tới Nguyên Sa tôi đòi kêu

điện thoại hỏi có nhà không đã. Yếu đều quả quyết: “Có nhà”. Đúng thật. Gõ cửa là đã thấy bang trưởng thân hình bệ bộn đứng kín khung cửa. Vào đây, vào đây. Ngôi nhà Irvine bây giờ, ba địa chỉ xưa, cái đầu ở khu Tôn Thất Đạm, cái thứ nhì ở Bùi Viện, sau bán lại cho Thanh Nam, Túy Hồng, cái sau cùng ở đường Pasteur cũng hết vậy. Ở nhà. Thường xuyên. Có nhà. Thường trực.

Xa cách quán xá và họp mặt ồn ào chiếu sáng một khía cạnh tính con người Nguyễn Sa, một con người trầm lặng, của gia đình hoàn toàn, thích sống trong một bóng mờ nào đó hơn là giữa vùng ánh sáng chói lọi, chỉ ra đường khi còn có lý do cụ thể, xong việc là về ngay nhà riêng. Cá tính ấy còn vẽ lên hình ảnh con đường văn chương 20 năm quê nhà của Nguyễn Sa. Một con đường tách rời, biệt lập, đôi khi nhà thơ phải đóng vai đầu đàn nhưng vẫn từ một tần số riêng, cùng trên một dòng trường giang một thời, nhưng cái phong cách trước sau vẫn là một mình một cõi.

Cá tính ấy cũng giải thích cho những phản ứng của Nguyễn Sa trong đời sống, trước kẻ khác. Điểm này, áo lụa Hà Đông là hình một con mèo nằm lim dim, bất động. Hiên từ, như ngủ. Nhưng coi chừng, bị va chạm là móng vuốt tức khắc.

Còn nhớ một lần, đã thật lâu, Nguyễn Sa còn trẻ măng, còn mũ trắng lớp năm, trên một hè phố Sài Gòn, kể cho tôi nghe vừa bị ai đó chơi xấu. Tôi bảo

ăn thua gì, bỏ đi. Nhưng Nguyễn Sa không chịu vậy. Lạnh tanh, ghê gớm:

- Đâu được. Đứa nào phá tôi, tôi phá lại. Nó chơi coup bas tôi cũng biết chơi lại coup bas.

Kể lại vậy thôi, không có ý kiến. Mỗi người cho những điều mình nghĩ là đúng. Mỗi người một phong cách với đời. Kể lại, để thấy Nguyễn Sa một phía này chậm chạp lừ đừ, một phía khác ba đầu sáu tay, trong cái nếp mềm mại của tơ lụa Hà Đông vậy mà có ẩn mũi nhọn và song chưởng. Khiến có ân oán giang hồ. Khiến có ăn đũa trả đũa. Khiến chiến trận không ngớt, hết Bình Long đến An Lộc. Khiến bên cạnh lục bát dịu dàng còn có bút chiến dữ dội, trong con người làm thơ trữ tình còn có người làm báo cây viết thành thanh kiếm trên tay.

Cái mũ trắng thầy giáo. Cái xe đạp lộc cộc. Căn lầu Tôn Thất Đạm. Những buổi sáng Sáng Tạo. Món vịt Tứ Xuyên những đêm Chợ Lớn. Tập thơ in lần đầu, bài vào tập Mai Thảo. Nguyễn Sa mới về nước, thơ trẻ trung như hồn. Khi xa, khi gần, cũng như tôi đã có với Nguyễn Sa không biết bao nhiêu kỷ niệm của một thời kỳ văn chương không quên. Cũng là tôi đã cùng với Nguyễn Sa hai mươi năm văn chương miền Nam, từ ngọn suối đầu tiên, từ bước chân thứ nhất. Từ khởi nguồn xa thẳm ấy, nhiều đồng hành đã bỏ cuộc. Đi vào diện bích, vào im lặng. Riêng Nguyễn Sa chưa. Chúng mình già hết rồi, bang trưởng nói với tôi. Nói vậy mà hiển lộ lại hiển lộ hơn bao giờ hết.

Riêng báo đã ba tờ, kiêm chủ nhiệm chủ bút, Kiêm Thêm làm vì thôi. Cái hình con cá voi tám cột tổ gỗ chết ở Long Beach, ông Nguyễn Sa đẩy, bài viết nhiều làm gì. Hình. Tối ngày mở sân chơi, sân bóng chuyển chơi ngày, sân bóng chân đá đèn. Cái trung tâm băng nhạc, năm nàng Công Chúa Ngũ Long, bảy nàng Ngũ Long Công Chúa. Khánh Ly, Ngọc Minh than:

- Ông Nguyễn Sa ngồi chặt cả phòng vi âm, hết cả chỗ đứng hát.

Còn Văn Bút Hoa Kỳ, đi thăm Tô Văn đau. Kế hoạch video, chương trình dạ vũ, phái đoàn văn nghệ thăm dân cho biết sự tình, bảo sẽ thêm mười tờ cho tràn ngập chết hết. Còn nhiều như sau này. Tất cả từ một góc phòng Irvine. Thành ra mấy chục năm rồi, cái anh chàng lệu bệu tròn hoay về từ Paris và ra sân với chúng tôi ngày nào đã là một tay đua đường trường ngoại hạng. Đã là một Nguyễn Sa marathon.

Đường trường thật. Nhóm bạn bè trở về từ Âu Châu cùng một thời kỳ với Nguyễn Sa, tôi không còn gặp lại ai nữa. Từ Nguyễn Văn Trung đến Nguyễn Khắc Hoạch, đến Trịnh Viết Thành. Mỗi người đã một xa thăm, một biệt tích. Hoàng Anh Tuấn tới Mỹ, cũng lúc nổi lúc lặn. Riêng Nguyễn Sa vẫn Seven Eleven 24 giờ trên 24 giờ, vẫn giữa trực giao thông, vẫn thấy lại, lừng lững. Không cái mũ trắng nhà giáo nữa thì giờ cái cát kết bang trưởng. Không căn gác Tôn Thất Đạm cũ thì giờ ngôi nhà Irvine. Không

đêm Chợ Lớn thì giờ tối cà phê LUP. Đối thủ nào muốn đẩy dạt Nguyên Sa ra một đường lề, thiệt khó, thiệt khó. Triều Châu Phúc Kiến đã đóng trụ trên đường Westminster, đường Bolsa, còn có hàng chục siêu thị trên đường Brookhurst, muốn tranh thương có tranh thương, muốn hạ giá có hạ giá. Đánh du kích hay đánh trận địa, muốn tiêu thổ hay muốn trường kỳ đều sẵn sàng cả. Thành ra, 42 cây số đường trường cuộc đua marathon, trên mọi ngã đường của 20 năm quê nhà tiếp nối với 10 năm ngoài nước, Hà Đông vẫn một mình đều bước. Thành ra, tối ngày nằm nhà vẫn là tối ngày có mặt, cứ đúng 4 giờ chiều chỉ vài cú điện thoại là mọi chuyện võ lâm giang hồ đã nắm vững trong tay. Thành ra nếu nhà thơ có ngôi chật phòng vi âm không còn chỗ đứng hát, Khánh Ly Ngọc Minh cũng đừng than. Nguyên Sa vẫn còn đó, chật hết mọi sinh hoạt.

Một đêm tháng trước, nhà hàng Doanh Doanh của vợ chồng Thái Tú Hạp trên Đại lộ Hoàng Hôn đãi cơm tối ra mắt thân hữu tập thơ văn mười năm hải ngoại. Tối phần thơ nhạc tạp lục, sau tiếng hát Khánh Ngọc và tiếng đàn Nguyễn Đức Quang, tôi có đi cùng Nguyên Sa lên trước máy vi âm. Đứng cạnh. Chia nhau mỗi thằng đọc một khúc thơ tình của bang trưởng Phúc Kiến. Đọc thơ. Đùa nghịch với thơ. Thơ anh nằm xem tuồng cải lương, em không quần không áo. Thơ năm tháng cùng tám giờ đứng

tắm một mình. Đọc thơ. Đùa nghịch với thơ. Tôi vẫn thích lắm những phút đùa nghịch như vậy.

Cho thoải mái không khí, thân mật bạn bè. Cho đêm xuống đã xuống với nhân thế ở ngoài kia, đêm tối bớt buồn, và bớt lạnh với người. Đùa nghịch, giấu bạn, giấu luôn cả chính mình. Để câu nói Nguyên Sa “Chúng mình già hết rồi”. Phải có lúc không đúng. Hoặc một cách nào thôi, tâm hồn ta vẫn trẻ. Mấy phút trước máy vi âm tối đó mà Nguyên Sa gọi hai đứa tôi là Laurel và Hardy, tôi thấy tôi trẻ thật. Nguyên Sa cũng vậy. Mấy phút trước máy vi âm tối đó, tôi thấy lại cái tôi đầu, những ngày Sáng Tạo trẻ trung phơi phới. Và thấy lại cái phần trước sau tôi thích thấy nhất và yêu mến nhất ở Nguyên Sa. Đó là mấy chục năm về trước. Nguyên Sa mới ở Pháp về, Trịnh Viết Thành đem tới. Đưa bài thơ đầu tiên. Và sau đó đã cùng chúng tôi đi vào cuộc phiêu lưu đầy hào hứng tới những chân trời văn chương tuổi trẻ mênh mông.



Nhà văn Phạm Công Thiện
(1941 – 2011)

Đi thăm người nhập thất

Căn phòng nhỏ, trên lầu, nằm ở phía ngoài cùng, sát cổng vào và nhìn xuống một ngã tư tấp nập người đi kẻ lại, như còn muốn chân trong chân ngoài chưa chịu hòa nhập hẳn với vùng khói hương tít mịt của nơi thờ Phật tận đáy cùng khu nhà nhiều phòng ốc kiến trúc theo hình chữ U trên con đường Berendo nhờ ngôi chùa đã trở thành một con đường Việt Nam danh tiếng. Nhìn sang, cửa sổ và cửa vào của căn phòng đều im lặng đóng kín. Chúng tôi đứng ngoài hàng hiên ở giữa. Đang giữa mùa hè. Buổi chiều Los. còn chói nắng, nhưng cuối ngày đang thả dần vào khu vực thờ Phật những luồng gió mát hây hây đầu tiên qua những tàng cây lao xao.

Thượng Tọa Thích Mãn Giác, hồng hào tươi tắn, cười cười một cách vui thú ngộ nghĩnh, chỉ cho tôi và Du Tử Lê căn phòng nghiêm lặng đóng kín:

- Phòng Phạm Công Thiện đó.
- Triết gia có ở chùa lúc này?

Hội Chủ Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ngửa cổ cười lớn:

- Nhập thất kiểu Tây Tạng mà không ở chùa sao?

Du Tử Lê gật gù, thán phục:

- Giỏi. Thật giỏi. Ở Phạm Công Thiện.

Tôi đùa:

- Được bao nhiêu ngày?

Câu nói đùa chứa đầy ngờ vực về một thời gian nhập thất của bạn thật ra chỉ là đùa cợt có nửa phần. Đùa, khi tôi nhớ lại những buổi chiều, những buổi tối tan hoang của Phạm Công Thiện, còn là đại đức Thích Ngươn Tánh, ở Sài Gòn ngày trước. Những chiều Phạm Công Thiện đi cùng Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan tới nhậu nhẹt ở tư gia nhà văn nữ Nguyễn Thị Hoàng. Những đêm Phạm Công Thiện ngồi với tôi, Hoài Bắc và Thanh Tâm Tuyền trong khói thuốc mù mịt đầy đặc ở vũ trường Đêm Màu Hồng. Cái đầu không tóc, tấm áo nâu sồng, đích thực đại đức và khoa trưởng Vạn Hạnh, nhưng bồng bồng, say ngất và bất chấp hết thảy, rủ đi là đi suốt đêm tới sáng, ngất ngưỡng gấp trăm lần Cung Tiến, bừa bãi gấp nghìn lần Hoàng Anh Tuấn là hai sự ngất ngưỡng đã đi vào huyền Thoại văn nghệ một thời.

Nửa phần đùa, vậy thôi, (mỗi lần gặp là tôi muốn trêu nghịch Phạm Công Thiện) trong nhớ lại số tháng năm phóng túng cũ của tác giả *Ý Thức Bùng Vỡ* và *Ngày Sinh Của Rắn*. Giờ đâu dám đùa quá nữa. Triết gia đã đoạn tuyệt với hết thảy mọi sinh hoạt, chặt đứt

với hết thảy mọi ồn động. Đã nhập thất. Đúng kiểu Tây Tạng, ba năm ba tháng ba ngày. Bây giờ là chót vót Hy Mã Lạp Sơn một chỗ ngồi cho quán tưởng và thiền định tịch tịch. Từ một cực đoan sống này sang hẳn một cực đoan sống khác, không có chuyển tiếp từ từ, đó là tất cả con người Phạm Công Thiện.

Theo dọc hàng hiên chúng tôi đi sang đến trước cửa phòng. Nghe ngóng. Đoạn thận trọng gõ ba tiếng vào vách Hy Mã bần bật đóng kín. Một lát. Rồi tiếng chân người, tiếng cửa mở. Tiếng cười, ngạc nhiên vui mừng. Tôi và Du Tử Lê đưa mắt nhìn nhau. Nhập thất thật rồi. Tây Tạng thật rồi. Tây Tạng và nhập thất ngon lành giữa thành phố của những thiên thần, giữa những buổi chiều Los Angeles vàng nắng.

- Vào đây, hai cụ.

Đạo sĩ né sang một bên cho chúng tôi bước vào. Căn phòng nhập thất rất nhỏ nhưng ăn thông với một căn khác, lớn rộng hơn, cửa thông mở rộng. Phòng nhỏ, giường cá nhân, chủ nhân nói mấy ngày trước thiền sư Nghiêm Xuân Hồng ghé thăm nằm dài cả một buổi trưa ở đó. Góc đối diện, kê sách, bàn viết, một đĩa cam trái, những khoảng trống còn lại là từng chồng sách dày nặng đủ cỡ và báo, giấy chồng chất ngổn ngang trên mặt sàn.

Phòng ngoài, đáng chừng là phòng đọc sách chung của nhà chùa, một khay cơm chay trên một mặt bàn trần trụi. Khay cơm chay ăn dở. Một đĩa rau, một đĩa đậu nguội lạnh. Tôi hỏi:

- Vừa ăn?

- Ủ, để đó. Lát nữa đói, ăn nữa. Bây giờ thường tôi chỉ ăn ngày một bữa. Thấy khỏe trong người hơn là ăn nhiều lần.

Tôi trở lại căn phòng nhỏ. Xin phép người nhập thất được lấy một trái cam ăn. Nhìn căn phòng với cái không khí vừa bừa bãi của một sinh viên vừa ngăn nắp của một giáo sư thiền viện, với những cuốn sách triết học, văn chương, kinh Phật nhiều thứ tiếng, và chen lẫn, một tập thơ Rimbaud, một tiểu luận của Sartre, tôi và Du Tử Lê đã ở lại trong căn phòng nhập thất kiểu Tây tạng với Phạm Công Thiện hơn nửa tiếng đồng hồ. Nói chuyện. Ăn cam. Trong một buổi chiều Los thư thái, yên tĩnh.

Trước một Phạm Công Thiện nhẹ nhàng, từ tốn, mà nhập thất gần như đã xóa bỏ được hẳn những hình tích của một Phạm Công Thiện khác, một Phạm Công Thiện trước nhập thất, say ngất chân nam đá chân chiêu, phát ngôn bừa bãi và luôn luôn gây sự với mọi người.

Một lúc nào đó tôi lại đùa:

- Vùng này có quán rượu?

- Chắc có.

- Vậy tới giờ rồi. Mặc quần áo vào ra đường, còn chờ gì nữa!

Phạm Công Thiện cười cười, không trả lời. Rồi chúng tôi cáo từ. Suốt dọc đường từ chùa Việt Nam về Santa Ana, tôi và Du Tử Lê còn kể cho nhau nghe

rất nhiều chuyện vui về Phạm Công Thiện, mà cái tin nhập thất ba năm đã làm cho hết thầy bạn bè sửng sốt, như con người, đời sống đáng giáo sư triết học này vẫn là vậy, đối với bạn bè, từ hai chục năm nay.

Tiến trình tư tưởng, văn chương, tâm linh Phạm Công Thiện bấy nhiêu năm dưới vòm trời quê nhà và bây giờ giữa mệnh mông hải ngoại, tôi đã cố gắng xếp đặt lại bằng một xâu chuỗi thời điểm tuần tự mà rốt cuộc vẫn không sao có được cho mình một cái nhìn liên tục. Trước hết, nói đến một liên tục nào đó của đời sống, liên tục ấy không bao giờ có ở Phạm Công Thiện, với Phạm Công Thiện. Người tín đồ của chủ thuyết hư vô này, hơn một lần, đã khẳng định cho ông điều đó. Tôi chỉ ở trong đời một lát thôi. Một lát nữa tôi không còn nữa. Đó là Lão Tử Phạm Công Thiện nói. Mình chỉ thấy nào mình được hất đẩy ra khỏi chính mình. Đó là Trang Tử Phạm Công Thiện viết. Đó là mẫu người của tôi, hẩn thay dung nhan từng phút từng giờ, hẩn biến hiện hình hài từng giây từng phút, hẩn nhận hẩn ngăn như một sát na, một khoảng khắc, hẩn bảo hẩn dài như nghìn thu đằng đặc, hẩn nhận hẩn là sự im lặng đời đời, hẩn bảo hẩn là địa chấn và cuồng nộ, vẽ riết Phạm Công Thiện cuối cùng chỉ thành một họa phẩm không kích thước hình thể nào của trường phái siêu thực và lập thể mà thôi.

Có lẽ phải đi hỏi, có lẽ thật, phải đi hỏi từng người. Hỏi nhà văn Tuấn Huy, nhà thơ Ninh Chữ, hai người

bạn rất thân của tác giả *Ngày Sinh Của Rắn*, từ thiếu thời, khi rắn còn cuộn tròn nằm ẩn ở một hang động Nha Trang. Hối Thượng tọa Thích Minh Châu, thời kỳ ở Đại học Vạn Hạnh, Phạm Công Thiện đóng kín cửa ba tháng liền, ngoài cửa có ghi một hàng chữ: “Người nào đập cửa phòng là đâm vào trái tim tôi”. Hối nhà thơ Thi Vũ ở Paris, về mấy năm Phạm Công Thiện dạy học ở Toulouse, cái khăn quàng đỏ đi uống rượu suốt đêm tới sáng. Hối Thượng tọa Thích Mãn Giác về những ngày thất hiện giờ của Phạm Công Thiện ở chùa Việt Nam trên Los. mà mấy nhà sư trẻ ở gần kể cho tôi nghe là “thầy Thiện” đêm nào cũng đọc sách tới khuya. Còn nếu muốn biết về thời kỳ ấu thơ và tuổi ngọc tuổi vàng của người chỉ chịu khai nơi chốn sinh trưởng là mặt đất này, thì chắc phải tìm hỏi dòng sông Cửu Long, dòng sông mà Phạm Công Thiện luôn luôn nhắc tới trong thơ văn ông, dòng sông nơi ông đã vẫy vùng bơi lội như “một con rồng” những tháng ngày tuổi nhỏ. Cuối cùng là một nhận xét của Thanh Tâm Tuyền. Tôi nhớ bấy giờ là cuối năm 1970. Phạm Công Thiện, trong tư cách khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh, lên đường đi Âu châu dự một hội nghị đại học quốc tế rồi đi luôn không bao giờ còn trở về Việt Nam nữa. Hết thảy chúng tôi đều sống sờ, khó hiểu. Riêng Thanh Tâm Tuyền không. Bảo tôi:

- Anh phải nhìn thấy sớm muộn rồi Phạm Công Thiện cũng phải một lần bỏ đi như thế, đi hẳn thật

xa, mất tích. Có như vậy mới đúng là Phạm Công Thiện. Chúng ta ít nhiều là những định tinh. Hẳn hơn là một hành tinh. Hẳn là một ngôi sao băng.

Gặp lại Phạm Công Thiện ở California, sau đúng 15 năm không gặp, ai thấy tác giả *Ý Thức Bùng Vỡ* và *Triết Lý Hồ Thắm* thăng trầm thế nào không rõ, tôi không nhìn thấy ở vị đại đức phá giới này một đổi thay nào hết. Không nhìn thấy đêm ở nhà cháu Gấm, con anh Vũ Khắc Khoan, hẳn uống đến trong nhà không còn một giọt rượu nào, khuya về ngôi sao băng Phạm Công Thiện đi lăng ba vi bộ dưới trời San Jose đầy sao. Không nhìn thấy, mấy buổi chiều ở San Francisco, trời lạnh hẳn khoe tìm thấy mấy chỗ bán rượu chát Hưng, Lỗ, Bảo gì đó ngon tuyệt trần và đã say khướt còn nằng nặc rủ tôi tới đó. Không nhìn thấy, trên chuyến bay chiều về Los Angeles, hẳn nói trong người có 50 mỹ kim một trò cũ tặng thấy, và xuống phi trường là kéo thốc tôi lên xe về “làm một chầu nữa” ở Chinatown.

Với Phạm Công Thiện, toàn những hình bóng rượu, toàn những nơi chốn rượu, toàn những kỷ niệm say. Mùa hè, đại đức liệng bay đi cái áo cà sa, một chiều kia trên căn lầu thấy Thanh Tuệ đường Lý Thái Tổ, một chiều nọ ngôi nhà gần Lăng Ông của nữ sĩ Nguyễn Thị Hoàng. Lúc cả cười nói chuyện văn chương, lúc lớn tiếng gây gổ với Bùi Giáng, chiều nào cũng trước mặt một ly rượu, lúc nào cũng một cái ly đầy sóng sánh trên tay. Rồi là nằm lý. Rồi

là đòi đi mua rượu nữa. Rồi là đòi đi chén tạc chén thù đến sáng. Nghĩ cũng vui thật. Những ngày vui cũ, rất tiếc chẳng còn bao giờ trở lại, mỗi hợp mặt có Phạm Công Thiện là một ổn động không bút nào tả xiết. Và, say là thiên tài hùng dũng do cao cánh tay, dành những lời châu ngọc nhất về tài năng xuất chúng về tâm thức cự phách khơi khơi riêng tặng cho mình. Phạm Công Thiện tôn vinh Phạm Công Thiện. Tao là nhà thơ lớn nhất thế giới. Phạm Công Thiện dựng Cửu Trùng Đài cho Phạm Công Thiện. Tao là tác giả lấy lòng hoàn vũ. Sartre, Camus cho đi quét đường hết. Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm là những tên nào vậy? Tao liệng vào sọt rác hết thảy, cả *Chinh Phụ Ngâm*, cả *Đoạn Trường Tân Thanh* và từ lâu rồi. Những ai chưa giao du nhiều với Phạm Công Thiện chắc điên hết cái đầu lên. Chúng tôi biết hẳn, từ bài giảng thứ nhất về triết lý hiện sinh ở đại học Vạn Hạnh chúng tôi chỉ cười. Đôi khi còn trêu chọc cho triết gia trên trời dưới đất nhiều hơn nữa. Cuối cùng là cái khía cạnh tếu nghịch ngông cuồng và bất cần đời của Phạm Công Thiện trong sinh hoạt là cái khía cạnh nghệ sĩ, hơn là giáo sư, hơn là triết gia, hơn là nhà văn, ở Phạm Công Thiện mà tôi muốn giữ lại. Và cũng gặp lại, tức thì, ở hải ngoại sau 15 năm.

Đó là gần hai năm trước đây, nước Đại Pháp chắc là chịu đựng hết nổi đã gào muối tổng tiến thiên tài, sao bằng Phạm Công Thiện bằng qua Đại Tây

Dương, như một E.T, dị kỳ, vùn vụt đáp xuống phi trường Los Angeles. Khoái chí, hẩn viết văn ca Los. như thành phố tuyệt vời, điểm ảo nhất của trái đất này. Thân yêu gọi Los. là thành phố của những thiên thần trên đó thiên thần họ Phạm đã bỏ đi bao năm âu yếm trở về, và thấy lại Los như thấy một chân trời tư tưởng mới. Rồi mấy tháng liền là những cơn say, không, phải nói là những trận say nghiêng ngửa tan tành. Cho tới một ngày, hẩn lại sửa soạn trở về Paris. Tôi hỏi:

- Về hẩn?

- Không.

- Thu xếp chút việc nhà. Vài tuần “moa» lại sang.

Tôi nhả mặt:

- Đi về hoài làm chi vậy? Thôi có sang xin vui lòng lúi lại cho vài năm nữa, kéo mọi người cùng chết mất.

Cũng là trêu đùa vậy thôi. Mặt khác hư vô chủ nghĩa đã nói sang thì ngăn cản chủ nghĩa đàn ông chịu thua, chẳng cách gì ngăn cản được. Và thiên thần Phạm Công Thiện đã trở lại thành phố thiên thần lần thứ hai, vẫn với những cơn say không thể nào nhớ hết được.

Rồi thỉnh linh là một căn phòng thiền viện đóng kín. Rồi thỉnh linh là bóng tối, một mình, những trái cam, những ly nước lạnh, những cuốn sách, những bữa cơm chay, bốn vách tường như một vũ trụ câm, ngọn đèn cô độc đêm đêm và im lặng hoàn

toàn thăm thẳm. Gây bất ngờ, trước sau Phạm Công Thiệnvẫn về đích trước nhất. Cũng hay. Mặc dù tôi chẳng biết hay thật sự là như thế nào. Đi từ cực đoan nọ đến cực đoan kia, đó vẫn là bản thể bất biến nơi con người và đời sống Phạm Công Thiệ.

Chỉ nhớ buổi chiều hôm ấy cùng Du Tử Lê lên chùa Việt Nam vẫn an Phạm Công Thiệ đã hai tháng nhập thất Tây Tạng, chúng tôi về tới Santa Ana, đêm đã về khuya. Đi Hy Mã Lạp Sơn về, thấy đói bụng quá chừng. Chúng tôi vào một tiệm ăn trên đường Bolsa, cái tiệm ăn đã có rất nhiều kỷ niệm ồn ào với Phạm Công Thiệ. Khác với ngày thường, tôi thấy tiệm ăn đêm đó yên tĩnh lạ thường. Những mặt bàn, những hàng ghế thấy đều yên tĩnh, một yên tĩnh rất mới mẻ. Con đường Bolsa bên ngoài cũng vậy. Từ mặt lộ, cột đèn, đến những vỉa hè, những hàng cây, thấy đều đột ngột yên tĩnh vắng lặng. Một yên tĩnh vắng lặng chưa từng thấy. Tôi hỏi Du Tử Lê:

- Có thấy đêm nay yên tĩnh quá chừng không?

Lê gật:

- Đúng vậy anh, lạ quá!

Mãi rồi chúng tôi mới khám phá được nguyên nhân và bật cười thành tiếng. Những tiếng nổ, những tiếng động, những náo nhiệt, những ồn ào của năm phương trời, mười phương đất đều đã ngừng hết. Bởi vì chàng thiên lôi tạo ra chúng đã bỏ đi. Bởi vì Phạm Công Thiệ đã nhập thất.



Nhà văn Nhật Tiến
(1936 – 2020)

Nhật Tiến vẫn đứng ở ngoài nắng

Một buổi chiều Sài Gòn, ít ngày sau khi 30 tháng tư 1975, ngồi sau chiếc xe gắn máy của Duyên Anh, cùng tác giả *Ngựa Chứng Trong Sân Trường* dạo quanh một vòng trên những phố phường tan hoang của thành phố vừa đổi chủ, tôi bỗng nhìn thấy Nguyễn Thụy Long trên một khúc vỉa hè ở khu đại học Duy Tân. Long ngồi sau một cái quán lộ thiên mới mở, như hàng ngàn cái quán lộ thiên mọc lên như nấm ở Sài Gòn lúc bấy giờ. Tác giả *Loan Mất Nhung* đang nhậu, mặt mày đỏ sạm, kính trắng dây cộm. Và cạnh đó, là một quán hàng khác, với Nhật Tiến, Nhật Tiến không nhậu, không nhậu bao giờ, đang lúi húi với một chậu nước và một chồng bát đĩa nhóp trước một gốc cây.

Cái cảnh tượng đập vào mắt tôi lúc đó, về hai cái quán liền sát, cùng trước một vì tường thấp chạy dài, là cái cảnh tượng của một đối nghịch hoàn toàn. Mang chung sự thất thế của văn nghệ gác bút ra đường bán quán trước hoàn cảnh mới, cái quán của

Nguyễn Thụy Long với những xị đế ngổn ngang trên mặt bàn và mấy người khách hàng trẻ tuổi cùng ngất ngưỡng như Long, hiện rõ vẻ bụi đời anh chị. Cái quán của Nhật Tiến khác hẳn. Nó lành mạnh hơn và cũng gia đình hơn gấp bội, với những đĩa rau muống chẻ nhỏ đặt ngay ngắn, bên cạnh là một chảo mỡ sôi bốc khói bốc xanh um, chị Nhật Tiến má hồng củi lửa chiên những cái bánh tôm vàng ngậy và đĩa cháu lớn, nơ cài mái tóc, váy xếp chững chạc, đang phụ một tay với ông bố nhà văn.

Nhìn Long một bên, Tiến một bên, cùng đã lẫn xả ra với sương nắng thời thế, với gió bụi hè đường, cũng đã trở thành hai ông chủ quán tài tử bất đắc dĩ, mà quán bạn là quán bạn, quán tôi là quán tôi, bạn anh chị bụi đời, tôi gia đình nghiêm chính, tôi đã nhìn thấy một lần nữa, và lần đó là lần cuối cùng điều tôi yêu thích và tự hào nhất cho văn nghệ miền Nam 20 năm, là cái trạng thái đa diện và đa dạng không bao giờ đồng dáng và đồng tính.

Đó là cái thế giới văn nghệ của mỗi người một trời mình, mỗi kẻ một biển mình. Đó là vùng đất đai văn nghệ của mỗi người một cõi bờ, mỗi người một sông núi. Cái không đồng dáng không đồng phục nơi mỗi người trước bàn viết cũng như trong đời sống ấy, lại là điều văn nghệ miền Bắc đổ khuôn và con số thù ghét nhất. Và bởi vì thù ghét nhất nên muốn triệt hủy nhất. Đó cũng chính là nguyên nhân của đại nạn đã tới với mọi ngành văn học nghệ thuật

muôn hình nghìn vẻ của ta. Và đương nhiên đại nạn ấy cũng đã đến với Nguyễn Thụy Long và Nhật Tiến.

Nhớ hôm đó, tôi và Duyên Anh đã ngừng xe lại. Đã vào ngôi xuống mấy cái ghế đầu thấp. Đã lên tiếng ca ngợi cái tinh thần quả cảm của gia đình Nhật Tiến, hàng ngày từ thật xa cổng xe lửa Số Sáu xuống, vui vẻ hội nhập được tức khắc vào nếp sinh hoạt mới ở quanh mình. Nhớ hôm đó, chúng tôi đã ăn ủng hộ Thềm Hoang Quán mỗi người một đĩa bánh tôm, rất ngon, và tôi đã hỏi đùa Nhật Tiến:

- Rửa bát thạo ngay. Giỏi nhỉ?

Và Nhật Tiến đã cười, nụ cười bình thường chừng mực, nụ cười hơi già trước tuổi một chút của một nhà giáo, Nhật Tiến bao giờ cũng trước hết xác nhận mình là một nhà giáo:

- Giỏi quý gì. Việc phải làm thì phải làm. Để cho ai đây.

Suốt thời gian những năm sau, buổi chiều hè đường Duy Tân hôm đó thường hằng trở lại trong trí nhớ tôi. Mỗi lần nghỉ đến Nhật Tiến ở xa. Mỗi lần nghe nói về Nhật Tiến. Trở lại, thời kỳ tôi nằm ẩn ở một xóm nhỏ bên quận Bình Thạnh, nghe nói Nhật Tiến cùng dự một khóa học tập chính trị với Hoài Bắc, Thái Thanh, Lê Hằng và Nguyễn Thị Hoàng. Khi ở Tây Bắc, được tin Nhật Tiến đã cùng gia đình vượt biển. Khi nghe Ko Kra đảo quý. Khi đọc Songkhla trại tù. Khi thấy bản văn đầu của Nhật Tiến gửi sang tù đất Thái. Lúc nhận được bạch thư cứu nguy người

vượt biển, cáo trạng gửi đi cùng khắp thế giới về cướp biển Thái Lan. Và mới đây chuyển đi Âu Châu của Nhật Tiến. Và vừa đây, một buổi trưa chủ nhật, đến gặp tác giả *Thềm Hoang* trong ngôi nhà mới dọn đến của gia đình ông ở đường King, một khu vực yên tĩnh của thành phố Santa Ana.

Ba giờ chiều. Nắng cuối năm có hơi lạnh lùa vào từ một triền núi xanh thẫm ở xa xa gợi nhớ tới đỏ au rạo rực những gò má thiếu nữ Đà Lạt những mùa thu về trên cao nguyên và thông rừng đất nước. Ngôi nhà thấp. Thảm cỏ trên lối vào. Cửa ga-ra mở rộng. Căn phòng khách, hai họa phẩm lập thể lớn treo tới sát trần ngó xuống tấm hình trẻ măng tươi cười của người đoạt Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1961, tấm hình đánh dấu thời kỳ chủ bút *Thiếu Nhi*, thời kỳ giám đốc Huyền Trân.

Mặt bàn, chân ghế bừa bộn sách báo, tài liệu và những xấp photocopie bản thảo là phương cách cất giữ từng dòng chữ viết ra cực kỳ cẩn thận ở Nhật Tiến. Chuông điện thoại reo. Thấp thoáng một bóng con gái. Đứa cháu chiều nào nơ cài mái tóc, váy xếp chững chạc ngồi phụ bố một tay dưới gốc cây Duy Tân, đã thiếu nữ và đang quay lưng điện đàm với bạn. Rồi Nhật Tiến, tóc ngắn, kính trắng, rần rỏi từ một phòng trong nhanh nhẹn đi ra.

Một tách trà nóng. Ông tới muộn vậy. Và trong khi Nhật Tiến chọn vài tấm hình cho in trong phần chân dung, tôi nhìn ngắm người bạn đã có những

hoạt động tích cực mạnh mẽ nhất trong bọn chúng tôi từ ngày tới Mỹ. Bảy năm đã trôi qua. Bảy năm thân thể tử sinh, sắp ngửa hình hài, kín trùm giông bão. Bảy năm của ở lại, của lên đường, của gặp nạn, của tới bến. Mỗi chặng, mỗi đoạn của hành trình một đời là một tầng đầu, một tầng hai địa ngục. Nhưng bản năng tồn tại và khả năng phục hồi ở Nhật Tiến thật mạnh, khiến so với ở nhà thấy ông cũng chẳng đổi thay gì mấy. Như những người có một tấm vóc nhỏ nhắn, rần rỏi, lại sống một đời sống hàng ngày rất lành mạnh chừng mực - điều này thấy thật rõ ở người bạn thân của ông là Lê Tất Điều - Nhật Tiến chưa hề bị khối đá tảng ngày đè nặng, vẫn ở giữa vùng trời sáng láng nhất của tuổi trung niên. Hèn nào đời sống vẫn băng băng, thể sống vẫn lấp lánh, dáng sống vẫn mũi kiếm, những hoạt động nhiều mặt vẫn thật đều thật khỏe. Ông nói lát nữa đi họp. Sẽ có bài thuyết trình ở hội nghị giáo giới. Ông thuật vừa ở Sacramento về, kêu nguy người vượt biển, tố cáo tệ nạn hải tặc. Nhật Tiến vừa khỏi Songkhla rồi lại hoành hành dữ dội ở vịnh biển Thái Lan. Những việc làm khác, không nói, chiếm hết thời giờ, lấp đầy được cái khoảng trống vĩ đại mọi người đều ít nhiều cảm thấy về ngày tháng trên xứ sở này. Sống và viết. Đi và thuyết trình. Đến và hội nghị. Trở lại và lên tiếng. Hai trăm trang bạch thư. Một trăm trang cáo trạng. Thơ nói sẽ trở về dòng sông xưa. Truyện kể những khốn cùng xã hội. Tiếp tay cho con tàu

Akuna. Đặt lại vấn đề in lại sách. Một con người toàn phần của cộng đồng. Một tham dự thường trực với tập thể. *Tiếng Kèn* đã in ra. Sắp in tiếp *Mồ Hôi Cửa Đá*. Hôm qua, theo anh em Khai Phóng đi cắt cỏ mướn trong những khu vườn Beverly Hills, vắng trán cháy nắng. Chủ Nhật chặn đoàn sói con đi cắm trại, cái khăn vàng ở cổ, hướng đạo từ ngày xưa, vẫn huynh trưởng bây giờ.

Đó Nhật Tiến hiện giờ, Nhật Tiến lưu vong, Nhật Tiến ở Mỹ. Nhật Tiến mà Võ Phiến: hắn còn viết được khá lắm ông ơi, mà Đỗ Quy Toàn: hắn tới rồi thúc đẩy mọi người cùng phải viết, Nhật Tiến của lát nữa ra khỏi nhà đi họp, chiều tối mới về, sáng ngày mai lại cắt cỏ dưới nắng, ngọn đèn bàn viết sáng mãi, tới khuya cho bài tham luận phải hoàn tất đêm nay. Tôi ra về, cho Nhật Tiến đi họp. Tác giả *Thêm Hoang* đưa ra xe:

- Hôm nào ông tới đây ngủ lại một đêm, mình trò chuyện.

- Ủ, hôm nào sẽ tới.

Bốn giờ chiều. Cái nắng cuối năm của Santa Ana vẫn trải lụa trên những lòng đường yên tĩnh. Cái nắng càng về chiều càng tuyệt đẹp, cái nắng rất mùa thu lá lá, ngậy ngậy, châm kim vào da thịt, như từ một tú thơ Đinh Hùng thả xuống, như từ một trang tiểu thuyết Nhất Linh đi ra. Cái nắng còn đuổi theo bước chân của Dũng vượt biên giới sang Tàu, tà áo của Loan vẫn thấp thoáng ở trong vườn, tình yêu lớn

lao một đời thả không tiếng những nụ hoa vàng lên mái tóc. Cái nắng Chủ Nhật, cái nắng cực kỳ thanh bình, cực kỳ an toàn còn ở quanh tôi từ ngôi nhà Nhật Tiến đi ra, xui nghĩ tới những cỗi nắng, những trời nắng, những cái nắng khác.

Cuối cùng là con đường phải cuộc bộ thăm thăm mịt mùng qua những cánh đồng cháy nắng, những đồi trọc hoang vu đầy những hố bom. Nắng ấy, cháy rực, thiêu đốt là nắng trong *Mẹ Tôi Giữa Mùa Xuân*, một truyện ngắn mới của Nhật Tiến. Từ một nhà giáo mẫu mực, hiền hòa, nhỏ nhẹ, *Ba Sinh* đã biến thành một con người dầm mưa dãi nắng suốt ngày ngoài đường phố. Cái nắng cơ cực ấy được tả trong *Trận Đánh Cuối Cùng Của Một Kẻ Sỵ*, một truyện ngắn mới nữa, vẫn của Nhật Tiến. Nhà giáo. Ba Sinh. Nhật Tiến đó không, một phần nào trong nhân vật?

Còn bao nhiêu những cỗi nắng khác chói chang, dữ dằn đổ lửa như vậy. Những cái nắng thế kỷ, bỏng cháy vai trần hàng triệu con người lấm than trên trái đất, những con người mất quyền làm người, theo Nhật Tiến “nạn nhân của thế lực tiền bạc và thế lực bạo lực”. Những cái nắng Việt Nam. Ôi, cuối cùng là những cái nắng Việt Nam. Nhể nhại trên bãi mìn Long Giao, nơi đôi chân tù đầy của Phan Nhật Nam trên những mảnh thủy tinh vỡ. Ngùn ngụt ở K1, K2, Pleiku, nơi Nguyễn Sỹ Tế, Mặc Thu vác nặng lội qua suối khô trong mẹt lả những trưa rừng. Rồi những cỗi nắng lên đường, những giải nắng vượt

tuyến, những thác lửa trại đảo. Hai ngày ở bãi đáp. Bốn phía chung quanh sinh lấy mặn chát. Một tháng lên đèn ngoài biển Đông, nắng quỷ múa cười trên nghìn con sóng dữ, những da dẻ cháy xém, boong tàu lửa bỏng, hải tặc tràn sang, cái nắng kềm gai trên Ko Kra làm điên loạn thần phách, cái nắng ở Songkhla dưới những tấm tôn hực lửa trên đầu. Những trong nắng và những ngoài nắng ấy, Nhật Tiến đã thấy đã trải qua, đã viết ra, đã thuật lại. Gọi đó là nắng cáo trượng, nắng bạch thư, gọi đó là nắng Ko Kra, nắng Nhật Tiến.

Trước cái khuynh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống, văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những vận động, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Dưới nắng. Thái độ đó có thể bị nhìn thấy là khô cứng quá khích. Hoặc với những tâm hồn đã bóng rợp, một đọa đày vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy tự nhiên và bình thường nơi người nhà văn lưu đày ở Nhật Tiến một ý muốn. Cái ý muốn được đứng cùng, đứng mãi với vượt biển thê thảm như đứng với quê nhà, với Việt Nam.



Nhà văn Túy Hồng (1937 – 2020). Ảnh: Trần Cao Linh, circ. 1972

Túy Hồng giữa chúng tôi

Nhà văn nữ Túy Hồng ngoài đời là người trăm năm của nhà văn Thanh Nam, tôi gặp mặt lần đầu, bấy giờ là khoảng cuối năm 1960. Chị vừa chia tay ngọn núi Ngự, từ biệt dòng sông Hương vào sống với gia đình trong một căn nhà nhỏ giữa khu Nguyễn Cư Trinh náo nhiệt. Người Huế đi tới chân trời góc biển nào cũng mang Huế, tận cùng theo mình tới đó. Nhất người Huế lại là một phụ nữ Huế, biểu tượng rực rỡ của Huế bên cạnh nam phái Huế thường có khuynh hướng che dấu phần nào gốc gác mình, không có những tỏ hiện rõ ràng và ngổ ngược về Huế bằng mái tóc thể và nón bài thơ Đông Ba, Thành Nội.

Túy Hồng cũng vậy. Một biểu tượng rực rỡ của người đàn bà Huế, Huế từ vóc dáng đến phục sức, từ cái lối đưa tay lên che miệng cười, từ cái lối cầm dù đi trên hè phố Sài Gòn một chiều mưa lớn, đến cái lối đứng tránh đón bạn vào nhà, đến cái lối xôn xao tiễn bạn ra đầu ngõ. Biểu tượng. Trộn vào muôn vàn

cũng không sao lẫn được. Biểu tượng, hiểu tới tột đỉnh của biểu tượng, trong muôn nghìn kết thành ở một, với đầy đủ những đặc thù riêng tây và đậm đà nhất, với Túy Hồng sẵn đã Huế nói theo cách nói của kép hát Hùng Cường: “một chăm phần chăm”. Túy Hồng còn là một nhà văn. Và nhà văn nữ lỗi lạc sinh trưởng ở quê hương của mè xừng và của bún bò cay nhức óc này lại viết về Huế rất nhiều, chỉ viết về Huế, cái thế giới văn chương của bà ném đi xa rộng tới đâu, cũng từ một tâm thức Huế, cũng ở trong những chân trời Huế.

Lần gặp đầu ấy, cái cảm tưởng thú nhất của tôi về đám chị em Túy Hồng rất đông, là giữa khu Nguyễn Cư Trinh vẫn cầu Tràng Tiền, cái dốc Nam Giao đầu đó, Phú Bài ngoài đầu ngõ, Vọng Cảnh ngay hông nhà, tôi vừa lọt vào xanh biếc Tĩnh Tâm, tôi vừa rơi vào sương chiều Linh Mục, giữa một bầy thiếu nữ Huế ríu rít tiếng chim, mà chim Huế một bầy ríu rít thì Nam Bắc chờ người ra, chim nói làm sao người hiểu được. Cảm tưởng thứ hai, và riêng về Túy Hồng thôi, là vì nhà văn nữ miền Trung, nổi danh từ tập truyện đầu, thật lạc lõng với Sài Gòn. Có như Sài Gòn làm Túy Hồng bối rối và kinh hoàng, trong những điều Sài Gòn thật sự làm bối rối, cả trong những điều Sài Gòn chẳng làm kinh hoàng gì người. Biển nào động kia làm xao xuyến hồ này trầm lặng, phải vậy chăng? Cái khối người bốn triệu vây bọc, tràn lấn là một đội đập bâng hoàng với người chỉ

quen soi bóng mình trên yên tĩnh Hương Giang? Hay Sài Gòn của ban đêm, của tới sáng, của quán xá hội chợ, nhịp sống cơ cực, đã sống thủy triều làm chấn động người nữ sinh Đại Nội, trong đây thì chỉ biết cái ánh nắng dịu dàng của thôn Vĩ Dạ trong thơ Hàn Mặc Tử, sự lắng đọng nghìn đời của tịch mịch những lăng tẩm vua xưa?

Sự thể không rõ rệt lắm. Rõ rệt chỉ chính Túy Hồng viết được ra. Tạm giải thích là Túy Hồng có một tâm hồn và một bản thể địa phương rất mực. Cái sự địa phương tính đã tới mức linh hồn và tủy não, như trái quýt trong *Cổ Học Tinh Hoa* mới là nó khi được trồng trên đất nó Giang Nam và lạc thể ở bất cứ một đất vườn nào khác. Sự rõ ràng nếu thấy nằm ở phản ứng. Thân thể và cung cách sống ngoài Huế và xa Huế ở Túy Hồng vĩnh viễn là một phản chống tiên thiên không hòa nhập không đồng hóa. Không thể. Không thể. Đã bao nhiêu năm bà vẫn ở Huế, như là Huế từ đầu. Bản thân lưu lạc, nhưng bản thể vẫn ở bên kia ngọn đèo Hải Vân, thời còn con gái. Gia đình đã yên ấm, người thiếu nữ Huế đã êm đềm sang sông, mà chiều chiều vẫn cặp mắt trong thơ Nguyễn Bính hướng về mịt mù quê ngoại. Văn chương và tiểu thuyết Túy Hồng, từ ngữ trong tạp văn, hình ảnh trong truyện ngắn đều đậm đà cách nói, cách viết Huế, những trang xưa như những trang mới bây giờ.

Thành ra câu trả lời sau cùng có lẽ là Túy Hồng như vậy, không một chút thay đổi ở bản chất sâu

thăm, không một chút biến tướng dầu ở tình huống nào, và chính bởi vậy bà mới là nhà văn, đã sống đã viết như tới bây giờ đang sống và viết, dựng nổi được một cõi ngôn ngữ không thấy ở một người viết nữ nào khác.

Huế không thực hiện được những giấc mộng cho người. Phải đi khỏi bóng cổ thành, những dấu tích dĩ vãng. Những trận mưa hàng tháng hàng tuần của Huế không cầm chân được lòng người muốn bay đi. Cuối cùng là đành phụ Huế, xa Huế, không thể đồng hóa vĩnh viễn định mệnh mình và định mệnh Huế. Phương trình chia lìa này là nền tảng cõi văn Túy Hồng, cũng như ở cõi thơ của một người viết nữ Huế khác, của Nhã Ca:

Từ độ xa chuông khôn lớn giữa đời

Thế nhưng tiếng chuông Linh Mục ấy, Nhã Ca đêm nào cũng nghe “văng vẳng tiếng chuông reo”, và nhịp cầu Tràng Tiền ấy Túy Hồng tuổi nào cũng thấy nó bắc dài qua trí nhớ. Trước sau Huế vẫn là ngọn đình, là trọng tâm, là đường kính tâm hồn. Thành ra có thể nói, bằng cái sự ở hay không ở của tấm lòng mà định ý nghĩa và trọng lượng của nơi chốn, thì Túy Hồng vào Nam với gia đình, Túy Hồng vượt biển từ Phú Quốc, mùa tuyết trước ở New Jersey, mùa tuyết này ở Seattle, đã chồng Bắc, bạn Bắc, đã phở, đã cà cuống, mà cây cầu bà đi vẫn là cây cầu Tràng Tiền, “bàn tay che thời tiết” như tựa đề một truyện dài của bà vẫn là thời tiết Đông Ba, trước sau nhà văn nữ

này chưa từng một ngày rời xa Huế. Điều này, vẫn là cú độc Túy Hồng là thấy. Những cái khác Huế, ngoài Huế, bà đều thuật tả được sắc sảo, sinh động.

Nhưng trên những cái tả cái thuật đó, chỉ thấy cái thấy, không có cái yêu, chỉ thấy cái thân tình mà không thấy cái gắn bó. Đôi khi còn là cái khô của phân tích, cái lạnh của giải phẫu, những phê phán nhúc nhối, những nhận xét nghiệt ngã. Chỉ viết về Huế, Huế trong túi Huế trong thói quen, Huế trong tấm lòng là Túy Hồng viết khác hẳn, cái xấu của Huế cũng biến thành cái đẹp, Huế phẳng lặng vậy mà tuyệt diệu, tâm tình người Huế hay nhất hoàn cầu, miếng ngon của Huế ngon nhất thế giới. Huế, và riêng về Huế, viết không bằng trí óc nữa. Mà bằng trái tim. Huế, và riêng về Huế là không khoảng cách, không nhìn vào, mà Huế ở trong tôi, chính là tôi, muôn vàn thương yêu, muôn vàn tưởng nhớ.

Tập truyện ngắn thứ nhất của Túy Hồng, tập *Thở Dài*, truyện đã in ra nhưng tác giả bấy giờ còn ở Huế, tôi tình cờ thấy và đọc hết nó một buổi trưa trên căn phòng nhỏ chật của Thanh Nam ở khách sạn Cửu Long, đường Hai Bà Trưng, căn phòng đêm đêm trong khói thuốc đầy đặc, bọn Phan Nghị, Vũ Đức Duy cùng mấy em vũ nữ tan vũ trường về đánh bạc tới sáng, cũng là căn phòng, sau thành hôn của Túy Hồng, bọn quý sứ này phải cuốn gói bước hết, Túy Hồng sống những ngày thứ nhất cuộc đời thiếu phụ của mình. *Thở Dài* hay tuyệt. Tôi đọc một mạch.

Một bất ngờ lớn. Hỏi Thanh Nam ai mà từ ngữ giàu có, bút pháp khác thường như vậy, Thanh Nam rung đùi, cười hể hể:

– Một nhỏ Huế, chúng mày chưa ai biết.

Trước 1960. Khách sạn Cửu Long. Rượu rồi cờ bạc. Cờ bạc rồi rượu. Thuốc phiện nữa. Đủ. Thanh Nam bấy giờ quá trời trong đời sống độc thân. Ngày cơm tiệm, đêm khách sạn. Chiều chiều theo bọn Hoài Bắc, Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Anh Ngọc chúng tôi la cà khắp vùng Chợ Lớn, Chợ Cũ, hộp đêm, vũ trường, quẩy rượu, không thiếu mặt một chiều nào. Đêm say ngất ngư ở bùng binh Ngã Bảy. Ngày còn say, đã đóng cửa phòng ra đi. Và tập *Thở Dài* tôi đọc lần đầu, cạnh một kệ sách khách sạn, Túy Hồng thời gian đó còn là một “con nhỏ Huế” xa lạ thật.

Rồi bà vào Sài Gòn, tôi gặp ở Nguyễn Cư Trinh. Rồi cơm tối ở nhà Trần Thanh Hiệp, điểm tâm với Phan Lạc Phúc, Thanh Tâm Tuyền. Cứ thế, trong cái dáng vẻ e dè bối rối, vẫn cứ thấy đông người là chùn lại, Túy Hồng đi dẫn vào những sinh hoạt hoang toàng hồi đó của bọn viết chữ chúng tôi. Rồi những người bạn mới đồng phái với bà, Trùng Dương, Thụy Vũ, với họ bà viết liên tiếp và đều tay những tác phẩm mới sau *Thở Dài*, mau chóng trở thành một nhà văn nữ toàn phần. Và với Trùng Dương, Thụy Vũ, thêm Lê Hằng, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng nữa, trở thành một thành viên hàng đầu của hàng tiền đạo văn chương nữ phái, hiện tượng đặc biệt và đáng

ghi nhận nhất của văn học Miền Nam hai thập niên 60 và 70.

Đám cưới Thanh Nam, như chương sách của một chuyển đoạn lớn lao nhất trong tự truyện Túy Hồng, được anh em văn nghệ cùng nhà gái nhà trai tổ chức thật đông vui ở nhà hàng Đồng Khánh. Nhớ hôm đó, cô giáo Túy Hồng trông lạ hẳn với mái tóc cắt ngắn rất Shirley Mac Laine, mái tóc chắc là công phu hơn mọi lần, mái tóc trong đời, khiến cô dâu Huế muộn và bối rối xin lỗi. Tối đó, Thụy Vũ say ngất và Thanh Nam vĩnh viễn giã từ cuộc đời và nếp sống độc thân. Tôi cứ nhớ mãi cái Đêm Màu Hồng ấy của Đất Khách với *Tôi Nhìn Tôi Trên Vách*, của chàng sông Hồng lấy vợ như một giai thoại đầy bất ngờ kỳ lạ, và của nàng sông Hương lên xe hoa cũng vậy. Đám cưới của bạn với bạn, nhưng đặc biệt nhớ, bởi vì trên tinh thần, còn là đám cưới của Túy Hồng với toàn thể gia đình văn nghệ miền Nam, với mấy tờ *Nghệ Thuật*, *Văn*, *Vấn Đề*, trên hết thấy mọi diễn đàn thân hữu này từ đó văn chương Túy Hồng là một có mặt thường xuyên và Túy Hồng, một người viết chủ lực.

Hôn nhân với Thanh Nam một đời. Hôn nhân với văn chương đến nay chưa biết thế nào. Chưa một nhà văn nào trên cái đất này tuyên bố sống tới hơi thở cuối cùng với bút giấy. Nhưng nhìn lại thời gian từ đổ đèo Hải Vân vào Sài Gòn tới đêm Phú Quốc vượt biển, mười mấy năm văn học miền Nam của Túy Hồng đã đích thực là mười mấy năm xanh tươi,

đây áp. Những trang bản thảo chữ viết xô chen, dập dập xóa xóa, đã tới số nghìn, nhiều nghìn. Sách đã một dãy ở Nam Cường. Sách đã một hàng ở Khai Trí. Cảnh tượng chữ nghĩa rực rỡ được mùa này ở Túy Hồng cũng giống như ở Nhã Ca. Người nữ Huế từ vòm trời tuổi nhỏ tới kinh thành không phải chỉ để chiều thú bầy đi dạo trên hè đường Tự Do, may những chiếc áo dài mới trong thương tá Tax. Cái đích của đời sống cũng không chỉ ngừng lại với tấm thiệp báo hỷ, cái chỗ đứng trước bảng đen trường tiểu học Phú Lâm. Mà lộ trình còn mang trọn vẹn ý nghĩa một tiến tới nhọn hoắt, mộng tưởng văn chương cài đỉnh lóng lánh trên đầu mũi kiếm nữ hiệp xuống núi và từ xuống núi, thế kiếm Nga My cú thế mà liên hoàn phóng tới, khiến cho cái quãng trường chữ nghĩa trọn một thập niên 60 chỉ còn là âm âm chỉ còn là náo động cái trận thế Nga My.

Người, là mái tóc dài lỏng lẻo thành mây, gót chân son vùn vụt thành gió, Huế không còn khép nép che nửa mặt hoa, Huế không còn âm thầm mưa đêm Thành Nội, mà là con suối nhỏ vào đời đã đi lên thành biển, nàng Bovary trong tiểu thuyết Flaubert đã mở toang cánh cửa của giới hạn ướm lệ giam nhốt, thành cây bút chuyên nghiệp. Túy Hồng trở thành nhà văn đi thẳng ra với ngã tư đời sống mệnh mông. Túy Hồng trở toàn tuần. Thanh Nam ham vui, bạn ới đi là đi ngay hàng quán. Túy Hồng ở nhà, trên cái mặt bàn có một góc bàn viết, ý truyện thành hình đêm

trước thức ru con, truyện đã viết xong trưa sau đặt nồi cơm lên bếp. Viết không còn là đôi lúc, cái phụ lục. Viết đã trở thành cái hàng ngày, cái chính cung.

Nguyên Đán chưa tới nhưng mỗi năm, tháng mười, tháng một đã năm bảy cái đoản thiên viết sẵn cho hàng chục số Xuân chắc chắn tới đưa tiền. Bài phải ghim sẵn, cho các chú tùy phái *Tia Sáng* đứng giờ gõ cửa. Bút phải cầm tới, bởi đã hứa cái truyện dài cho *Sóng Thần* tuần sau. Chẳng bao lâu mà đã sống hảnh, ở hảnh với sinh hoạt với báo chí. Với những tách nước trà tòa soạn, với những bì thư tiền trị sự. Hiểu rõ được tạp chí Bắc kia, như thế nào phải viết. Thấy rảnh được nhật báo Nam này muốn gì ở cái viết ta. Rồi năm đó, đoạt Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc, cầm ly khai vị đứng trò chuyện với phu nhân Tổng thống trong dinh Độc Lập. Rồi năm nọ ngồi tươi cười giữa kỷ niệm Chu Niên Văn.

Bằng sinh hoạt văn chương, Túy Hồng Sài Gòn hóa dần dần. Thế sống vững chãi hơn. Đời sống trên cả cái mặt áp đảo biến nghịch của nó, cũng không còn làm bà bàng hoàng kinh dị nữa. Tiểu thuyết mỗi ngày một làm chủ ngôi bút, vấn đề mỗi ngày một đặt ra đảng hoàng, bút pháp mỗi ngày một thao túng, bay múa, người viết nữ đã cứng rắn không còn “tôi nhìn tôi trên vách”, mà chuyển hẳn lại thế ngôi, đối diện với toàn bộ, với chung quanh.

Tôi không nói Túy Hồng mở đường cho ngọn triều tiểu thuyết nữ phái một thời. Cũng lúc đã có

những Trưng, Triệu văn nghệ khác. Không phải một cá nhân tiền phong nào mà cùng Túy Hồng đã một hiện tượng viết nữ, một tập thể viết nữ tạo mưa nắng làm giông bão, gây thành cái sự thể lẫn lút nam phái chưa từng thấy trong văn chương cận đại và hiện đại ta. Nhưng phải có Túy Hồng hiện tượng mới toàn phần, ngọn triều mới tới đỉnh. Ai ngờ được Huế vào Sài Gòn mà làm dữ vậy? Có lẽ tới bây giờ nhớ lại, chính Huế cũng không ngờ Sài Gòn anh tài, Sài Gòn tứ xứ tưởng chẳng có đất chen chân mà lại có chỗ đứng dưới mặt trời, mà lại là một dàn phóng ngon lành đến thế cho người từ Huế tới.

Viết về Túy Hồng, tôi chợt liên tưởng tới một người bạn thân khác, đã mất: nữ nghệ sĩ sân khấu Bích Hợp. Một thời chúng tôi thường cùng Phạm Mạnh Cương chồng của Bích Hợp tới sân khấu Kim Chung, Tổng Đốc Phương đón Bích Hợp vào Chợ Lớn ăn đêm. Hoặc trưa chủ nhật, tới nhà người nữ nghệ sĩ khả ái này ăn những bữa cơm gia đình do chính tay Bích Hợp củi lửa. Trên sân khấu, Bích Hợp là một đào thương, đào độc, lối diễn tan nát, khốc liệt, giọng ca bi thảm não nùng. Ngoài đời, Bích Hợp khác hẳn. Không thể dịu dàng không thể khép nép hơn. Ở tiệm, trong xe, bao giờ cũng ngồi từ tốn một góc, có hỏi mới lễ phép mới vâng dạ trả lời. Bạn bè đến nhà, thật thân rồi mà bữa ăn dọn ra vẫn chấp tay thưa được để ăn sau, rồi xin phép lui vào phòng trong ngồi nói chuyện với mẹ.

Bích Hợp khác, Túy Hồng khác. Nhưng điểm tương đồng ở họ là sự khác biệt hoàn toàn giữa người nghệ sĩ với người đàn bà ngoài đời và trong gia đình. Cõi văn Túy Hồng bạo tợn, lối viết ngạo ngược phá phách. Ở trong cái häng ngày của bà lại không thấy một dấu vết nào như vậy. Bà không bữa bãi như Thụy Vũ, rượu như Nguyễn Thị Hoàng, thuốc lá như Trùng Dương, bụi đời như Hoàng Hương Trang. Cũng không hội họp, lập đảng như Tuệ Mai, Nguyễn Thị Vinh. Chỉ ở nhà, chỉ chồng con, chỉ nội trợ. Hết độc thân rồi, Thanh Nam vẫn lu bù với chúng tôi, một mình. Bạn bè kéo đến trước ở Bùi Chu, sau ở Lý Thái Tổ, Túy Hồng dọn bữa nhậu cho đảng, rồi ở trong bếp hoặc lên trên lầu rất ít tham dự. Đem đối chiếu với văn viết, phô diễn, mạnh mẽ, thể sống ngược nghịch ở cái mờ nhạt, cái lùi khuất. Chùng như Túy Hồng hiền lộng với cuộc đời bằng văn chương mình là đủ, cái tiếng nói muốn nói giữa đồng thời đã nói ở nghìn trang tiểu thuyết là xong, sáng sáng xuống đời cây viết trên tay, chiều chiều lại trở về hang động mình không còn ai thấy mặt. Đã bao nhiêu năm như vậy, không một chút thay đổi. Văn Huế trong hồn, Tỉnh Tâm trong dạ, lặng lẽ, thu nhỏ. Thời tiết che nghiêng, mỏng manh cái nón bài thơ. Vùng an toàn tốt đỉnh, vẫn cái vỏ ốc khép kín. Cái vẻ an phận cũng nhiều bằng cái đáng thỏa hiệp. Đã bao nhiêu năm như thế, thấy văn chương mà không thấy người. Cảnh tượng văn chương một cảnh tượng riêng. Cảnh tượng đời sống, một cảnh khác.

Bây giờ lại càng yên càng khuất nữa. Yên ở Tây Bắc. Sau tấm màn mưa, sau cánh cửa thông. Khuất ở Seattle, hồ vịnh một cõi. Mấy năm trước, một chỗ ngồi im lặng trên xe bus, xuống phố làm việc, cặp mắt Huế ngó thẳng con đường hàng ngày. Bây giờ ở nhà, ngôi nhà Othello đằng sau một cánh cổng thấp, lúc nào cũng như bên trong mọi người đi vắng hết. Những buổi trưa đi chợ, chiếc xe lái từ từ, tránh những ngã đèo dốc. Những buổi sáng dậy sớm, sửa soạn cho con đi học, con ăn cereals mẹ cũng một trái bưởi. Trật tự Mỹ. Đời sống Mỹ. Cái chung quanh Mỹ. Bữa điểm tâm Mỹ. Nhận như vậy, cái năm nay. Nhận như thế cái năm sau. Sự thỏa thuận dịu dàng như cái cử chỉ mỗi buổi sáng thắp một nén hương lên bàn thờ Phật.

Duy có ngòi bút, mỗi lần vẫn một thúc động. Duy có cách viết, mỗi lần vẫn một nhọn hoắt. Duy có tâm thế, vẫn câu thơ bất hủ của Tản Đà. Seattle mưa là mưa bay đi. Nhưng trong nghìn triệu giọt mưa Tây Bắc, vẫn một giọt mưa Huế. Mưa có bay ra biển, mưa vẫn trở về nguồn. Tâm sự tha hương, trong kín thầm vẫn nguyên vẹn. Phòng khách Othello. Bầy con cãi lộn bằng tiếng Mỹ. Người mẹ ngồi ở giữa, tiếng Mỹ đầy trong đầu. Bữa điểm tâm bằng một trái bưởi nhưng Othello vẫn gió mưa một phiến trời Huế, vẫn xanh ngắt một tâm cảnh Huế. Vẫn là cả Huế mang theo. Vẫn không xa Huế một ngày.

Thành ra những thân tình lâu ngày không gặp,

muốn tới thăm Túy Hồng ở Seattle bây giờ, nếu thấy ngôi nhà Othello dựng trên đất Mỹ mà vẫn có giòng sông Hương chảy qua phía trước, ngọn Ngự Bình in hình phía sau, một hông nhà vẫn lối Vào Đông Ba, hông bên kia vẫn vòm cổng Thượng Tú, thì những thân tình cũng đừng nên ngạc nhiên.



Nhà văn Lê Tất Điều
(1942 -20...)

Đường gươm Lê Tất Điều

Một lần nào đó không thể nhớ, bởi không chỉ một mà đã rất nhiều lần, người nhà văn lưu vong đã có cái tên Lê Tất Điều lấy lòng có thêm hai bút hiệu Cao Tần và Kiều Phong lưng lấy của chúng ta, đang lao động vinh quang lại bị chủ Mỹ thành linh cho nghỉ việc.

Diễn tiến lần ngồi chơi sau y hết lần xơi nước trước. Vịnh biển San Diego lò a nắng. Công xưởng đóng tàu nằm trên lòng vịnh ngó xuống những khối sắt thép vĩ đại bất động là những chiến hạm Hoa Kỳ về thả neo trong căn cứ sau những hải hành và thao dượt trên Thái Bình Dương mệnh mông. Văn chương lũ thú Việt Nam, hệ lụy trong mưu sinh tạp nhạp đất người, ngày ngày đã tới đây từ 5 giờ sáng. Nền văn chương mất đất ấy, thay vì cầm lấy cây bút, đã anh dũng cầm lấy cây búa. Thay vì tới trước bàn viết, đã chui vào nằm ngửa trong các thùng sắt. Và cái sự lao động vinh quang của Lê Tất Điều từ tám năm tới Mỹ, là trong cái thế nằm bất ổn ấy, phóng

búa liên hồi ngược lên thành sắt cho những rỉ sét tới tấp rụng xuống, phủ lên cái hình hài của trí tuệ Việt thất thế thành rào rào một trận mưa hoa.

Một ngày dằng dặc nằm ngửa phóng búa, phóng như điên như khùng, trong thùng sắt nóng bỏng, tới mụ mẫm hồn phách, riết rồi có cái hay ông ạ, Lê Tất Điều một lần nói với tôi như vậy, là chẳng phải nghĩ ngợi đến cái mẹ gì hết. Chắc vậy, nhưng là trong cái cụ thể của nghĩ mà thôi. Còn tôi thì lại thấy rằng, chính ở những lúc đó, tiếng búa tan tành, suối lửa chói chang, mồ hôi nhễ nhại, là chính những lúc có thơ nở hoa, là chính những lúc có thơ Cao Tần hay nhất. Thử đọc một vài câu thơ Cao Tần mà coi “Mai mốt tao về có thằng túm hỏi” “Những số nhà chớp mắt đã tang thương”. Hoặc “Chiều lưu lạc chơi thương từ giấy cũ” “Hình chụp ngay đó rất mực cù lẩn”.

Thấy thơ Cao Tần biến đâu, thời thế. Nhưng cái điều thấy riêng tôi thích nhất, là câu thơ Cao Tần nào cũng thấp thoáng, ve ve, cũng vùn vụt cũng nhanh mau vô tả. Cái hay ở từ, ở chữ, nhưng ta đọc mà thấy cực kỳ sáng khoái chính là ở cái nhịp, cái nhịp vô chen, cái nhịp vỗ bờ. Nhịp thơ ấy làm sao có được nối với trà dư tửu hậu, với gác chân chữ ngũ, với bàn viết ung dung. Mà chính là từ cái nhịp búa gõ, cái nhịp rào rào rỉ sét tới tấp mưa hoa, cái nhịp ở trong thùng sắt mà ra, phóng búa mà thành.

Trở lại sự mất việc. Đang phóng búa inh inh, chợt

thấy chủ cho gọi, cái trí tuệ mà bạn bè thường khen là óng ánh lân tinh, lấp lánh kim nhũ hiệu liễn. Biết liễn. Búa bèn buông. Việc bèn ngưng. Bèn lặn khỏi thùng. Bèn đứng thẳng lên. Và ngay lúc đó, lần nào cũng vậy, trong ngưng bật của tiếng búa mất job, tâm thái người thanh thoi vô tả, đã lại thấy mở ngay ra, những chân trời, những dặm biển, những gió nắng của một chuyến đi thăm một bằng hữu nào đó ở xa.

Lần mất việc tôi vừa thuật lại, Lê Tất Điều cao hứng đã đi thật xa. Từ cuối đáy San Diego tuốt lướt lên tận địa đầu Tây Bắc, với hồ vịnh Seattle. Với thông rừng Tacoma. Với tôi bấy giờ còn ở đó, và Xuân Hiến chưa mất.

Hắn tới ngày hôm trước. Chưa thấy người đã thấy tiếng cười lớn: lại được đi thăm bạn, lại mất mẹ nó việc rồi ông ạ. Sáng hôm sau, chúng tôi cùng toàn gia Xuân Hiến, chống chèo trên hai chiếc xe hơi, ồn ào kéo nhau đi pic-nic ở rừng. Ba năm qua rồi. Năm mỗ Xuân Hiến đã xanh cỏ. Tôi vẫn cứ còn nhớ mãi cái lần pic-nic đó. Tại vì hôm đó, tôi đã thấy Lê Tất Điều, còn thấy cả Kiều Phong, cả Cao Tần, và thật rõ. Hay vì đó là lần đi chơi cuối cùng với Xuân Hiến đôn hậu, hiền lành mà chúng tôi còn mãi mãi nhớ thương? Có thể là cả hai.

Địa điểm pic-nic cách chỗ Xuân Hiến 80 dặm, xe chạy theo một dòng suối núi, là một cánh rừng thưa, ở giữa là một hồ nước nhân tạo. Bầy đoàn Xuân Hiến, phụ nữ, trẻ nhỏ một bầy, cộng với San Diego

ngủ việc, lúc đi đã là một náo động lãnh thổ Hoa Kỳ tịch lặng, khi tới còn cống kênh, còn lĩnh kinh, còn náo nhiệt gấp mười lần hơn. Riêng chỉ cái việc bếp núc Việt Nam đổ xuống, phụ nữ đất Việt khởi sự nhen lửa cho đun nấu kênh càng đã làm cho chim rừng bay hết, hàng chục gia đình Mỹ hốt hoảng dờ lều di tản sang những phần rừng khác. Rồi khói xanh um. Rồi lửa đỏ rực. Rồi trẻ con Việt bì bõm dưới hồ. Rồi xoong chảo, bát đĩa, nước chấm tùm lum tà la. Pic-nic mà tôi nhúc đầu lên. Thế này là khiêng nguyên cái chợ Bến Thành tới rồi. Xuân Hiến trầm lặng cũng ngồi xa một góc. Riêng Lê Tất Điều thoăn thoắt. Riêng Cao Tần như Tết. Riêng Kiều Phong băng băng. Ngon lành một số nhân, ba trong một, một trong ba, ngoài đời hết như ở văn chương ba bút hiệu, Lê Tất Điều chạy tới chạy lui, tươi cười, sẵn sàng, nhúng tay vào hết thấy, ở cạnh hết thấy mọi người. Làm Trần Cao Lĩnh thợ hình. Tách, tách. Cái máy hình buồng, đã tay trái không, tay phải dọn. Đuổi bắt về con chó chạy rông cho bấy nhỏ rồi cùng chơi những trò chơi của chúng. Thối lửa phù phù, phụ bếp, dọn bàn. Thoắt mất biến là đi thăm thú cánh rừng. Thoắt trở về là đã có tường trình đầy đủ đâu là góc hồ thơ, đâu là chỗ nằm tốt, kinh nghiệm cho lần pic-nic sau. Nay, ông Thảo thấy ở đây là thế này không. Nay ông Hiến, ở đây là thế đó. Chỉ thiếu một cái thước kẻ, hẳn đã là ông giáo mở cho chúng tôi một lớp thảo mộc học ngoài trời. Chỉ thiếu một

cái còi, hẳn đã là một huynh trưởng hướng đạo và chúng tôi là sói con.

Mọi chuyện đã yên, bữa ăn đã xong, chiều rừng đã ngả, chúng tôi mới dời tới một góc đại thụ, trải một cái chiếu xuống cỏ, bày ra một khay trà. Và đàm đạo văn chương thanh nhã bắt đầu với Xuân Hiến và tôi nằm dài trên chiếu. Riêng Lê Tất Điều ngồi, cười nói, tươi tắn, như buổi sáng ra đi, không một thoáng mệt.

Nhà văn Hàn Lâm Viện Pháp François Nourissier trước đây đã có một bài viết phân tích rất hay về một trạng thái văn chương đặc biệt: trạng thái dùng nhiều bút hiệu ở một nhà văn. Theo Nourissier một nhà văn sử dụng nhiều bút hiệu thường đem lại nhiều bất ngờ lý thú hơn là một bút hiệu duy nhất. Còn nguyên nhân thì Nourisser giải thích là vì nhu cầu viết, nhu cầu diễn đàn, cái khả năng phong phú nhiều mặt ở nhà văn, khả năng ấy muốn được triển khai trên nhiều địa hạt. Vẫn theo Nourissier và bằng những dẫn chứng cụ thể trong đó có cả những ghi nhận về một đặc thù của văn chương thế kỷ là văn chương càng ngày càng có mặt nhiều hơn trong lãnh vực báo chí, sử dụng nhiều bút hiệu và sử dụng thành công thường thấy không chỉ ở cái biệt tài nhiều mặt mà còn ở cá tính của nhà văn, hồi muốn nghiêm trang, lúc muốn trào lộng. Và cuối cùng là nhà văn xuất sắc dưới mọi bút hiệu mình thiết yếu phải từ một thể lực viết và sống vừa dễ dàng vừa sung mãn.

Bút hiệu như một trò chơi chữ nghĩa đầy hứng thú. Một thể lực sung mãn. Tôi hoàn toàn đồng ý với mấy phân tích sau cùng của Nourissier. Thấy thật là đúng ở văn chương ta, qua những nhà văn dùng nhiều bút hiệu, và xuất sắc hay không ở sử dụng này. Thấy ở Thế Lữ còn là Lê Ta, Lê Tây. Thấy ở Hồ Dzếnh còn là Lưu Thị Hạnh. Thấy ở Thanh Tâm Tuyền còn là Thạch, còn là Đỗ Thạch Liên. Thấy ở Võ Phiến cùng với Tràng Thiên. Thấy ở Đinh Hùng còn là Hoài Điệp. Cái lúc nhà văn hiển lộ dưới nhiều bút hiệu và thấy đều rất sinh động xuất sắc, ta đã thấy cái lấp lánh ở đó, là lúc nhà văn tạo được nhiều bất ngờ vui thú nhất, cũng là lúc của cái ngọn, cái đỉnh về thể lực viết và sống tràn đầy và sung mãn nhất ở nhà văn.

Tôi đã thấy, vẫn còn đang thấy rõ nhất, và hơn ai hết những điều trên ở Lê Tất Điều. Thời kỳ còn ở quê nhà, trong bộ quân phục có ngọn lửa đỏ của ngành tâm lý chiến, còi văn, ngòi bút Lê Tất Điều đã có cái hết sức lấp lánh hứng thú ở cái hai mặt, ở cái số thành nhà văn Lê Tất Điều với nhà báo Kiều Phong.

Tới Hoa Kỳ, và đây mới là điểm lấp lánh vui thú: đã hai nhánh bút hiệu quê nhà còn mọc thêm một nhánh bút hiệu lữ thú, cạnh dòng sông văn nước tuôn còn chảy thêm một dòng sông thơ sóng đập, cái còi thơ sang sảng đang được cả một lớp người trẻ tuổi thích thú, cái còi thơ như ở trên tôi đã nói, sáng khoái nhất ở cái nhịp thơ nhanh mau vô tả, cái còi thơ bay múa của Cao Tần.

Lại cứ phải đồng ý hoàn toàn và thêm một lần nữa với phân tích François Nourissier: người viết chữ khi vẫn làm chỉ một thể lực sung mãn, thành tựu ở hần không đứng lại, sở trường ở hần tăng trưởng, cái số thành là một số nhân lên, một bút hiệu mới cho vùng đất mới.

Kiểu Phong. Lê Tất Điều. Việt Nam, Sài Gòn. Cao Tần, hải ngoại. Quả đây là một trường hợp văn học đặc biệt. Đặc biệt trong sự nghịch thường, hần hữu của nó. Để thấy rõ, hãy nhìn vào mọi thân thể văn học xa nước. Từ miền Đông sang miền Tây, dưới trời Âu như dưới trời Mỹ. Trên một phần rất lớn, những thân thể ấy đều đã sẽ xế non Tây, thấp thoáng cuối đường. Một hành trình đã dài. Những bước chân đã mỏi. Một khối đời đã nặng. Giây tơ đã chùng. Số phận lưu đầy không thể nào không đã phủ những bóng tối u uất lên tâm thức thất quốc. Cảnh thổ xa lạ nơi quê người càng làm phi lý thêm mãi kể cả những tấm lòng lửa đỏ nhất của văn chương. Chẳng phải vì thế hệ những nhà văn nhà thơ của thập niên 60, 70, bỏ nước ra đi đã vĩnh biệt với trách nhiệm, tạ từ cùng chữ nghĩa. Những diễn đàn vẫn dựng. Những tiếng nói vẫn cất. Nhưng trận đánh vẫn mở. Nhưng khí thế của văn chương nhìn chung đã trầm xuống, mất dần đi những ban mai, thôi dần đi những lên đường.

Trong lưu đầy, văn học ta, đắm thăm tình tự dân tộc, chính thống hơn. Cũng trưởng thành, cũng

uy nghi, cũng thâm trầm sâu sắc hơn nữa. Nhưng chính vì trí tuệ hơn, suy nghĩ hơn mà văn chương ta ngoài nước đã vơi đi những lượng máu hồng. Duy ở Lê Tất Điều, ta vẫn còn thấy cái nặng cái gió dưới ngòi bút, các đánh phá của dòng chữ, nhịp xô chuyển của bài văn.

Tại sao vậy? Tại cái trẻ tươi. Tại cái tiếng cười. Ở cái thế nằm hiệp sĩ bất ổn, phóng ngược cây búa mà nở thành nhịp thơ Cao Tần sáng láng hân hoan. Còn ở nơi chiều rừng và pic-nic kia, tôi và Xuân Hiến đã nằm dài trên cỏ, mà Điều vẫn ngồi thẳng vẫn nói cười không mỏi mệt. Có lẽ tại vì giữa chúng tôi đã ngờ vực, cái sự ngờ vực văn chương ở Lê Tất Điều chưa có, do nơi tấm lòng Điều với văn chương không này nọ, không điều kiện, nền văn chương ở mãi với người trong một trạng thái rất thanh xuân.

Tôi không có cái khả năng phân tích tinh tế như François Nourisser. Chỉ tạm tạm thấy vậy. Phải chờ chính Lê Tất Điều giải thích. Một cách cực kỳ đơn giản.

Hôm đó là một buổi sáng mùa hè. Phạm Duy mới đi một vòng 8 nước Âu Châu về, lái xe tới rủ tôi tới thăm Tạ Tỵ ở Escondido, một thành phố nhỏ cách San Diego chừng 20 dặm. Điện thoại. Lê Tất Điều nói sẽ từ San Diego tới. Chúng tôi ra ngồi ở vườn sau, cùng uống trà, Phạm Duy vừa cho xem hình vừa kể chuyện những chặng đường lưu diễn trình bày ngục ca Phạm Chí Thiện bên kia Đại Tây Dương. Tạ

Tỳ, mái tóc bạc trắng, thuật lại 7 năm lưu đầy khủng khiếp qua những trại tập trung miền Bắc. Bữa ăn trưa đã sẵn sàng. Chỉ còn chờ Điều tới. Hẩn tới. Chưa thấy người đã thấy tiếng cười. Chưa thấy mặt đã thấy tiếng nói. Cánh tay áo ngắn. Đầu trần. Nhỏ nhắn. Chắc nịch. Mạnh mẽ. Vẫn hết như ngày nào lên Tây Bắc với Xuân Hiến và tôi, không một chút thay đổi. Duy có một sự thay đổi duy nhất là sau kỳ mất việc lần này, nhà văn, dưới bút hiệu Kiều Phong, không giang hồ thăm bạn nữa mà đã viết báo trở lại.

Câu chuyện chuyển qua những bài báo mở màn đăng cùng một lúc trên trang nhất nhiều diễn đàn trong mùa hè 83, của Kiều Phong xuống núi. Những bài báo vẫn đường gươm lấp lánh, đường kiếm thấp thoáng, dí dỏm, tươi tắn, chứng minh cho một thể lực sáng tác sung mãn nguyên vẹn.

Và Lê Tất Điều đã cười, giải thích cho xuống núi mới của Kiều Phong:

- Còn muốn nghỉ một thời gian nữa sẽ tính. Rồi viết lại. Cũng có chút xíu cái lý do của nó. Các vị có thấy văn chương sách báo ta bây giờ đang buồn quá? Người buồn, cảnh buồn, đời sống đã buồn, văn chương còn buồn quá thể là buồn. Cái nghiêm túc, cái đứng đắn ta có thừa, đem bán sale không hết. Như thế là đáng quý lắm, cái sự mỗi câu văn, mỗi lời thơ của chúng ta đều là một công trình suy tưởng cẩn trọng. Nhưng buồn quá, nghiêm quá, và từ Đông sang Tây, từ Nam chí Bắc mãi, tôi nghĩ

không nên. Phải có cái gì cho nó nhẹ đi, đỡ phần ngột ngạt. Tôi viết lại và bằng lối viết Kiều Phong trên một số diễn đàn bạn, trước hết là để cho chính tên Kiều Phong đỡ buồn, sau là để thả vào cõi văn chương u uất bây giờ một chút vui, một chút tếu, một chút nghịch, cho vẫn có một tiếng cười nào đó, cho dù ở hoàn cảnh nào.

Kết luận như thế nào về Lê Tất Điều? Về Cao Tần, cái dòng thơ chỉ mới khơi nguồn nên ta biết sẽ còn chảy xiết? Về Kiều Phong lại vừa xuống núi? Khó thiệt. Tôi chỉ nhớ đến được một lần gặp nữa. Lần đó, tôi xuống San Diego, định tâm rủ Lê Tất Điều và Phan Lạc Tiếp vượt qua biên giới sang Mỹ Tây Cơ chơi. Tiếp chê Mê ẩu tả, bất tả, bất an, đi vào đất Mỹ, vui chưa thấy đâu, dễ gặp nhiều điều phiền phức. Điều bận. Cả hai cùng từ chối. Họ chở tôi tới cửa vào Sea World, bảo tôi ngao du trong đó, chiều tới đón. Và hôm đó tôi gần chết. Sáu tiếng đồng hồ lang thang trong cái nhà du lịch hoàn cầu ca ngợi là kỳ quan Sea World, tôi lạc lõng giữa cái rừng nhĩ đồng và phụ nữ Mỹ ồn ào tràn ngập, giữa cái thế giới hải hùng của Ice Cream, của Hot Dog, của cá voi cá mập diễn trò tươi vui lành mạnh, đi mỗi cảnh mà không tìm ra một quầy rượu. Ra, gặp lại văn chương San Diego tới đón, họ cười rử vì cái vẻ chán đời thiếu não của tôi. Sau đó, cả ba ra biển hóng gió. Tôi không nhớ đích xác chỗ đứng là chỗ nào. Chỉ nhớ một mặt phẳng, thật cao, dựng đứng, chót vót, như một bức thành,

với trước mặt là Thái Bình Dương mênh mông và sau lưng, vịnh San Diego đẹp kỳ ảo dưới mặt trời sắp lặn.

Bên cạnh chỗ chúng tôi đứng là một trụ đá. Mặt đá khắc sâu một hàng chữ: “Thời tiết và khí hậu nơi đây tốt nhất trên trái đất này”. Thì ra chúng tôi đang đứng ở đúng nơi có thời tiết và khí hậu tốt nhất hoàn vũ. Bây giờ viết bài viết này và nhớ lại buổi chiều đứng trước cái trụ đá có hàng chữ khắc danh tiếng của San Diego hôm đó, với Lê Tất Điều đứng cạnh, trong tôi cũng là một ấn tượng về thời tiết, về khí hậu. Nơi Lê Tất Điều. Hợp lại hay chia rời ra, thì Kiều Phong, Lê Tất Điều cũng là ba mặt gió nắng của một khí hậu và thời tiết thật tốt lành của đất trời văn chương Việt Nam.



Nhà văn Trùng Dương

Chân trời mới của Trùng Dương

Từ mấy năm nay làm lại tờ *Văn* ở Hoa Kỳ, đời sống lữ thú hàng ngày thấy đỡ thất lạc, bởi lại được thả trôi trở lại với một không khí tòa soạn không khí trị sự tuy đã khác biệt, nhưng vẫn còn phảng phất đâu đó, trên một góc bàn viết, dưới một ánh đèn sáng, cái không khí đã bao năm sống ở quê nhà, tâm trí tôi thường có nhiều hơn những hồi tưởng về báo quán cũ, là 38 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn, ngày trước.

Nhớ lại. Cái chỗ ngồi trên căn gác xép, ngó chéo sang tập nập Ciné Quốc Tế. Cái ngọn điện trước bàn viết tôi, mỗi buổi chiều, lách mình qua những cỗ máy Minerve im lìm, từ báo quán đi ra. Nhớ lại. Từng khuôn mặt anh em thợ chữ. Những thân trần, những mồ hôi, những ca đêm, những bữa ăn bên máy của họ. Nhớ lại. Những bản mo-rát trễ muộn, ướt nhèm, phải dính lên tường cho khô, ngày mai mới sửa. Nhớ lại. Hết thấy. Mùi mực in. Tiếng máy chạy. Về trước lần về sau anh Nguyễn Đình Vượng mất, từ Trần Phong Giao đi tới Nguyễn Xuân Hoàng

đến, cho tới cái ngày 30 tháng Tư bâng hoàng. Tạp chí và nhà xuất bản cũng phải hạ bản, báo quán ngưng động, tối thăm trước tử hình của ngôn ngữ và khai tử của văn chương.

Nhớ lại, Duyên Anh ngồi viết ở bàn bên, chữ nhỏ như con kiến, Bùi Giáng vào đòi uống rượu, Bình Nguyên Lộc, Vũ Hoàng Chương chỉ cần một tách trà, cái quán cóc của bà Năm bên hông tòa soạn, thân hữu Văn tới ngồi đông kín, cái quán nhậu bên chợ Thái Bình, văn nghệ có tiền là ới ới gọi nhau sang.

Và trong cái khối nhớ toàn thể này, về tiền thân của Motor Avenue bây giờ, còn là một phiên nhớ riêng, óng ả và khả ái hơn, là nhớ về cái đội ngũ những nhà văn nữ có với Văn một hợp tác từ đầu, tới với Văn bằng một lui tới thường hằng, khiến mười lăm năm Văn không số báo nào là không có góp phần của văn chương nữ phái.

Những nhà văn nữ ấy, đặt họ vào tiến trình văn học Việt, là những Beauvoir, Sagan, Han Suyin, những Stein, Duras, Sarraute của chúng ta. Phá tan những vùng đất cấm nghìn đời với người viết nữ, khẳng định bằng văn chương, sự giải phóng toàn vẹn của nữ phái, và lần thứ nhất trong lịch sử văn học, trở thành những nhà văn toàn diện, toàn phần, họ đã đem lại một đổi thay lớn đến nay chưa sao đo lường hết. Có như chưa có họ, văn chương “sau lưng đêm lặn chim chân núi” và từ có họ, văn chương “trước ngực trắng dào dạt biển khơi”.

Đó là Nguyễn Thị Vinh. Trắng, lạnh, như một bông huệ đài các. Là Nguyễn Thị Hoàng, buổi chiều Sài Gòn cao, điều thuốc lá trên tay, ly khai vị ở cạnh. Là Nhã Ca, đi thăm nuôi Trần Dạ Từ, nằm ngủ trên đỉnh Đèo Cả, bà chúa của chợ trời, ra tù đòi vào lại, tữu lượng không bạn trai nào sánh kịp. Là Túy Hồng, cô giáo Huế của trường Phú Lâm, từ đổ đèo Hải Vân, chiếc dù mưa những mùa mưa Sài Gòn vẫn chỉ những trời mưa, và những mùa mưa tuổi nhỏ không quên của Tràng Tiễn, Thành Nội. Đó còn là Tuệ Mai đã mất, từ xa Động Hoa Vàng. Là Thụy Vũ, với tình yêu Tô Thùy Yên, về sống khép kín ở làng Báo Chí, bây giờ thư nhà viết sang từ một vườn rẫy Tây Ninh. Là Trần Thị Nguyệt Hồng nữa, bút hiệu kiêu hãnh viết tắt chỉ còn Trần Thị NgH. Là Minh Đức nữa, đi khắp thế giới. Là Tuệ Nga, Vi Khuê mỗi người một giải thơ, là Lệ Hằng, mái tóc đuôi ngựa, chạy như gió, ra đi như nắng, cái quần jeans xanh.

Và còn là Trùng Dương. Một Trùng Dương tôi không đến nỗi phải ném tuốt ý nghĩ về tới 38 Phạm Ngũ Lão mới thấy. Nhưng gần mà xa. Từ sang Mỹ đã 4 năm, người bạn vẫn duy nhất tôi chưa gặp lại.

Phải, duy còn một Trùng Dương tôi chưa thấy lại. Tưởng như chỗ ở của “bà Trùng” khó như đường vào đất Thục, đường vào đất Thục khó hơn đường lên trời. Tưởng như người nữ Chủ nhiệm *Sóng Thần* ngày trước chẳng còn muốn kiếm tình bằng hữu,

gác kiếm quy ẩn thì chưa nhưng luyện thể tuyệt học chưa xong, còn bế môn nghìn ngày trong động.

Chưa gặp lại nhưng thư từ thì đã có. Ngày tôi tới Pulau Besar, cô bạn thân là một trong những người có thư sang Mã sớm nhất. Thư nói vào Mỹ đừng tưởng vào thiên đường, sẽ đội một núi Hy Mã Lạp Sơn thất vọng. Thư nói “nước này thiếu hết mọi điều ở quê nhà anh hằng yêu thích, chỉ có cỏ xanh cỏ tím cỏ hồng là thừa mùa mà thôi”. Thư kèm 5 mỹ kim, dặn dùng để mua thuốc hút. Tôi nhớ đã vâng lệnh vác ngay 5 đồng bạc tặng tới quán mua 5 gói thuốc Mã Lai Số Một, và khói thuốc tôi thở ra xanh um cả một góc trời trại đảo cũng đầy đặc như những vùng khói thuốc mịt mù của Trùng Dương ở Sài Gòn. Chẳng hiểu ở Placerville, Sacramento bây giờ, cô bạn có ngán ung thư, có bớt thuốc lá? Chứ ngày trước, cùng với Nguyễn Thị Hoàng, lượng khói của Trùng Dương quả là hàng đầu thật. Người đi tới đâu khói tuôn tới đó. Ngồi đâu là xác tay mở ra thoãn thoắt, cái bật lửa liến tay tách tách, tới Văn, cặp kính trắng lấp lánh, khuôn mặt nhỏ nhắn, nụ cười sau làn khói, mỗi buổi sáng ngon lành một gói Salem.

Rượu nữa. Bởi Trùng Dương còn đích danh một đại tửu đồ. Những trận rượu của nàng ngày trước, như những trận đế của Nhã Ca ở quận Nhất bây giờ, Tản Đà Lý Bạch cũng chào thua và Lưu Linh thì đi chơi chỗ khác. Kỳ tích và huyền thoại này, suốt dọc sinh hoạt văn nghệ 20 năm, đám Vũ Khắc Khoan,

Hoài Bắc, Mặc Đỗ, Thanh Nam chúng tôi đã có nhiều kinh nghiệm đau đớn. Chả là, một thời cô-nhắc và uých ky ở Sài Gòn vừa hiếm vừa đắt lắm. Chúng tôi, cái hầu bao văn chương hữu hạn, phải chơi trò hợp tác xã mới mỗi chiều mua nổi một chai.

Cái chai đó trân trọng biết chừng nào. Mỗi tên một phần, từ tốn với hoàng hôn, bởi rượu thì buổi chiều cũng hết. Thế nhưng vô phúc và bất hạnh chiều nào có nữ việt cộng Trùng Dương hoặc nữ quái kiệt Thụy Vũ cái bóng hồng thướt tha chợt hiện, cười cười “ồ gặp các anh” là chúng tôi rụng rời và đại sự hỏng hết. Nữ phái tới không chờ mời đã uống rất đẹp. rất thật tình lại rất khỏe, rất nhanh. Chỉ chớp mắt đã nửa chai mà tay ngài vẫn còn ung dung rót tiếp.

Kỷ niệm về rượu của bọn tôi với Trùng Dương thật nhiều. Nam nữ văn chương một thời quây quần thân thiết, hình ảnh mỗi người trong từng giai đoạn sống lúc thế này lúc thế khác, nhưng cái hình ảnh chúng tôi giữ lâu dài về Trùng Dương là cái áo bà ba trắng lồng đưng nắng gió Sài Gòn, một lối sống phóng khoáng rất đàn ông, với một điệu thuốc thả khói trên tay và tay kia ly rượu. Phần tôi thì nhớ nhất là một đêm Giáng Sinh ở một đầu quây. Tối hôm đó, tôi buồn, ngồi uống một mình. Trùng Dương vào. Nhìn thấy, đi tới. Uống một mình buồn lắm phải không? Đúng, buồn. Tôi uống với anh cho vui. Vui thật. Chỉ không vui lắm là đêm đó tôi đã phải rời quây khá sớm về nhà ngủ, không đợi được

hồi chuông vàng vang ngân khắp cùng nhân thế báo tin vui Chúa đã ra đời. Trộn rượu với Trùng Dương cái túi tiền của tôi không còn cho phép thức khuya thêm nữa.

Ở một tùy bút nổi tiếng của Nguyễn Tuân tựa đề là *Những Đứa Con Hoang*, có một nhân vật đàn ông khác thường, tên là Lữ, đột nhiên mất tích giữa bằng hữu, giữa đời sống.

Bỗng một chiều cuối năm, người mất tích trở về kinh thành thăm bạn. Bạn hỏi, mới biết Lữ đã âm thầm thực hiện cho cái thân thể lạc phách một cách mạng bản thân. Rời xa những chật hẹp cõi người, những tù túng nơi chốn. Lữ đến với cái vùng vô tận xanh biếc mang tên là thiên nhiên, hòa nhập với cõi không bến không bờ có tên là tạo vật. Những ánh lửa phổ, giam cầm, Lữ không sống được với chúng nữa. Mà phải là hằng hà nghìn dặm của trăng sao. Những bụi bậm, những ồn ào dưới thấp cũng vậy. Đời sống chuyển lên ngày cao, giữa trong vắt đầy và tịch lặng lớn. Và Lữ đã thăng hoa, đã trở thành. Trong tự do tuyệt đối tìm thấy ở tách khoát, ở khuất biệt. Trong cái một mình. Như một đường dây vô tuyến giữa rừng. Trong cái riêng ta, một mình một cõi.

Trùng Dương không bao giờ ngộ nhận cho mình một kích thích tâm thức xuất chúng như nhân vật Lữ. Nhân vật ấy hoang đường và tiểu thuyết. Mặt khác, Trùng Dương ngày trước ngồi sau bàn giấy chủ nhiệm *Sóng Thần*, đấu tranh chống kiểm duyệt, điều

động anh em đi nhặt xác trên Đại Lộ Kinh Hoàng, cũng như Trùng Dương hiện giờ ở Mỹ, bao giờ cũng là con người rất xã hội, rất thực tế. Danh từ xã hội và thực tế còn phải được hiểu ở cái nghĩa đơn giản nhất và cũng tận cùng nhất. Bởi từ một người đàn bà, có thể một thời đã có một nếp sống nghệ sĩ phóng lãng, nhưng từ mười năm tới Mỹ, đã chọn ngay cho mình một bến đậu với toàn vẹn tinh thần và tư cách một người đàn bà Đông Phương trong bến đậu ấy. Trùng Dương ngày trước không còn nữa. Giờ là một Trung Dương mới. Cửa chồng con. Cửa gia đình. Toàn phần “Nếu đời sống có nhiều cánh cửa mở ra nhiều chân trời khác biệt, tôi đã đóng lại tất cả những cánh cửa ấy, chỉ còn mở một cánh cửa duy nhất vào cái thế giới bên trong, cái thế giới ấy là 1131, Large Oak Dr, Placerville, Sacramento». Thư Placerville nào của Trùng Dương viết cho bạn bè cũng một xác quyết rõ ràng và minh bạch như vậy. Một xác quyết trầm tĩnh, vững chãi. Của một người vợ, một người mẹ. Về một lựa chọn đã xong, một thực hiện đã là. Một lần và vĩnh viễn. Thư nói đến mua đất, đến làm nhà. Đến cái trailer đơn độc giữa rừng, những vật liệu xây cất chở lên từ một thị trấn xa, ngôi nhà vẽ kiểu lầy, đào móng, đắp nền, thành hình dần giữa những bình minh núi và những hoàng hôn rừng cô tịch. Thư nói điện đã thấp sáng, bếp đã nhen lửa, mảnh vườn sau nhà làm rẫy chưa xong, những nụ hoa đầu đã nở trong mùa xuân này, trên lối vào đã trống xong

một hàng cây ăn trái, điện thoại chưa mắc, trăm công nghìn việc, thầy còn ngổn ngang. Toàn những chuyện hàng ngày. Toàn những điều thực tế.

Nhưng Trùng Dương vào rừng, dựng nhà, kiếm tìm một ổn định trong cách biệt, một độc lập trong riêng tây, vẫn cứ làm tôi liên tưởng tới nhân vật Lữ. Vận động và cuộc cách mạng bản thân của Lữ.

Tâm thức của người Placerville và tâm thức người trong tùy bút không là một. Động lực đẩy tới lựa chọn cũng khác biệt. Nhưng trên đại thể, thì vận động lại đồng tính đồng đáng. Trước hết, nhân vật Lữ cũng là một nhà văn. Lữ bỏ đi, hoài bão là đặt một bàn viết mới giữa tạo vật và thiên nhiên, để làm được cái mới, cái khác từ một con người mới. Trùng Dương tới Placerville, có thể khởi đầu không có một chủ định văn chương đặc biệt nào như Lữ, nhưng rồi đời sống hiện giờ của người viết nữ ở Placerville cho thấy rõ, Trùng Dương đã đích thực thực hiện cho mình một khởi hành mới của nghệ thuật và của văn chương.

Thành ra nếu chỉ nhìn một cách tầm thường, thì khuất cách Placerville như chuyển lên đường đi vào xanh thẳm của nhân vật tùy bút Lữ chỉ là một dời đổi địa chỉ trong kiếm tìm một thể sống thích hợp. Mà thấu hiểu được cái động lực đưa tới khuất cách thì đó là một vận động trí thức, một vận động văn chương đang nhìn thấy cùng khắp dưới mọi vòm trời của văn chương thế kỷ. Kể trước,

người sau, nhà văn đều muốn bỏ đi. Ở xa. Lên núi. Vào rừng. Tạo ra những khoảng cách lớn giữa mình với những thủ đô, những trung tâm, những ngã tư đời sống. Đặt bàn viết bên bờ một dòng suối vắng. Trong một trang trại hẻo lánh. Trên một bờ biển không người. Trong cuối đời họ, hàng trăm nhà văn Âu Châu đã bỏ Paris, London, Berlin, đi vào một đời sống thôn dã, ở một địa phương xa như vậy. Cả một thế hệ những nhà văn lớn, những tiểu thuyết gia lớn Hoa Kỳ cũng lớp lớp rời khỏi những thị trấn, đi ở xa, một mình, chối từ mọi sinh hoạt chung. Từ Hemingway đến Steinbeck. Từ Faulkner đến Mailer. Hầu hết những bản ngã đặc biệt ấy đều như cùng cảm thấy sự cần thiết, cái đáp số của một tách thoát, mỗi người một phương, gần như một mất tích đầu đó trong thiên nhiên và tạo vật.

Vận động trí thức vừa nói, không cụ thể và tận cùng, bởi sự lựa chọn cách sống hữu hạn và tùy thuộc hơn, cũng đã nhìn thấy thật nhiều trường hợp ở các nhà văn Việt lưu vong, từ mười năm tới Mỹ. Vũ Khắc Khoan vẫn những mùa tuyết rơi ở Vạn Hồ. Mặc Đỗ trong đày cùng cánh đồng Missouri City. Lê Tất Điều ở San Diego. Võ Phiến, một ngoại ô Los Angeles. Nghiêm Xuân Hồng ở Long Beach. Thanh Nam Túy Hồng ở Seattle. Hết thấy, những khuất cách. Hết thấy những ở xa. Hết thấy những cõi riêng. Hết thấy những cô tịch quanh mình, những im lặng thán ngày, những ngôi nhà đóng kín. Hình thái

sống biệt lập chừng như là một vận động khôi phục lại bản ngã, những bản ngã thất lạc cần khôi phục lại. Hình như xa cách là im lặng trong suốt và chỉ trong một im lặng trong suốt, đời sống tâm linh và trí tuệ mới có đất đai và không khí để thành hình.

Hiện tượng phức tạp. Đoán thấy hơn là mình thấy, rất khó phân tích. Nhưng là một hiện tượng có thật và nhất định không phải là một phản ảnh của xa lánh tiêu cực, của bản ngã tự hủy, của thân thể chôn vùi. Cũng nhất định ở đó không có vùng đất chết của văn chương. Ngược lại. Mùa màng ở đó mọc lên. Ở đó, những khởi hành mới. Bằng chứng cụ thể là những thể lực sáng tạo sung mãn nhất, những công trình sáng tác đáng kể nhất của văn chương Việt Nam hải ngoại bây giờ phần lớn đều đã chẳng từ những miền trời khuất cách, những đời sống ẩn lánh, những bàn viết ở xa?

Và bàn viết sáng láng nhất, lồng lộng gió nắng nhất hiện giờ là bàn viết ở trên cao Placerville của Trùng Dương. Câu trả lời trong bài phỏng vấn của *Văn*, rất vắn tắt: “Đọc sách, vẽ, viết, lo chuyện gia đình con cái”. Nhưng chỉ ở trong sự vắn tắt đó, đã hình dung thấy những giờ phút không bỏ phí, một cuộc sống đầy. Buổi sáng. Người nội trợ dậy sớm cùng tiếng chim hót trong cánh rừng sau nhà, bình minh yên tĩnh của Placerville vừa hồng lên những tia nắng mặt trời thứ nhất. Nàng đốt lửa, pha cà phê cho bữa điểm tâm, ra vườn thăm những cây cối mới

trồng, trở vào nhà đánh thức bầy con nhỏ dậy. Dọn phòng, tắm rửa, thay quần áo cho con, từ tầm cao nghiêng xuống sát gần những vấn đề, nhiều vô kể, của tuổi thơ đời sống Mỹ. Sự giáo dục con cái, Trùng Dương coi đó là một vấn đề trọng yếu. Phải để tâm, phải đích thân. Như đích thân đưa con sáng sáng ra trạm xe buýt tới trường, mẹ con đi trên những khúc đường ngày xưa là những con đường mang tên ảo tưởng của người Mỹ từ trăm phương đổ tới tìm vàng và đã tìm thấy mỏ vàng. Như đích thân dạy con học, lật những trang sách của chúng, thấy lại ở đó tuổi ấu thơ thuở nào của mình ở Việt Nam. Rồi sương tan. Nắng chan hòa trên Placerville đuổi theo cái bóng nhỏ trong nhà, ngày trước ở Sài Gòn không nhúng tay, bây giờ làm lấy hết.

Tóm tắt đời sống ở Placerville sáng láng trong trật tự ngăn nắp, những thời giờ được dùng cho nội trợ từng ngày phải kế hoạch thế nào để có một số thì giờ nhất định cho nghệ thuật và văn chương. Cho đọc. Sách thư viện Mỹ một rừng. Cái đọc từ từ, trường kỳ, đối diện với một biển trời chữ nghĩa vô tận. Cho viết. Bằng hữu ở miền Đông miền Tây ra báo, dựng diễn đàn là lại có thư, điện thoại đòi góp phần tới Placerville. Nhưng viết ở Placerville thế nào? Một nỗi dài không vấn đề với côi viết quê nhà thuở trước? Câu trả lời của Trùng Dương là không. Viết như chưa bao giờ. Viết như một khởi hành mới. Nhiều lá thư gần đây cho bạn, Trùng Dương đã tâm

sự về khởi hành này khi tuổi đời vừa chẵn bốn mươi. Tôi như một cô nhỏ, lần thứ nhất trong đời từ sau một hẻm núi đột ngột nhìn thấy biển khơi, từ một cánh cửa vừa mở tung, được đi vào một cánh đồng mênh mông đầy ngập cỏ hoa muôn màu muôn sắc. Bước chân tôi yếu, bàn tay tôi nhỏ. Nhưng tôi muốn hái hết, lấy hết. Thế nào cũng chưa đủ, hái mấy cũng chưa vừa, trong khi đó thời gian vùn vụt mà tôi biết hoàng hôn của đời tôi không còn xa lắm nữa. Đời sống là vậy mà tôi chưa xong. Con đường là vậy mà tôi chưa tới. Hoa đất trời đã mãi khai nghìn cánh, mà bản thể tôi vẫn còn là một cái nụ cửa mình trong đất, chưa làm sao nở được thành hoa.

Đó là Trùng Dương. Rất trẻ. Của những thí nghiệm, những tìm kiếm mới. Của những bản thảo nghìn trang thấy là chưa được, phải viết lại từ đầu. Của trường kịch ba màn *Những Đứa Con Tôi Đã Về*, hồi cảnh đã dựng phá đổ hết xuống, dựng hồi cảnh khác. Đúng là cô nhỏ giữa cánh đồng cỏ. Tấm lòng muốn là đôi hài bảy dặm, đi hết những chân trời. Ngòi bút muốn trăm đầu trăm tay, sự thực hiện muốn năm chiều bảy mặt. Lại còn con đường ấy, con đường vừa mở, người vừa đi vào. Đó là con đường hội họa, cái thế giới tạo hình, màu sắc là tiếng nói. Thiên địa phong trần, hồng nhan đa truân. Đặng Trần Côn. Thuở trời đất nổi cơn gió bụi. Đoàn Thị Điểm. Kiệt tác thi ca ấy của một thời chia cách và chinh chiến, hình thơ, tứ thơ, ý thơ nào cũng là một

bức tranh, bảy chữ nào cũng là một hội họa tuyệt vời, lục bát nào cũng những thủy mặc tuyệt diệu. Càng đọc kỹ kiệt tác của thiên tài, người đàn bà viết chữ đời sau càng thấy hiển hiện với mình một nhu cầu mới. Cái nhu cầu hội họa. Cái nhu cầu chuyển hiện một ngôn ngữ này thành một ngôn ngữ khác. Và thế là một giá vẽ đã được dựng thêm, cạnh một bàn viết. *Ngồi đầu cầu nước trong như lọc*. Cho nước cầu lên vải. *Múa gươm rượu tiễn chưa tàn*. Cho gươm cho rượu lên khung. Và thế là bằng hữu khắp nơi đã thấy gửi đến cho mình, từ mùa thu 82, và từ Placerville, những bản in cực kỳ công phu của Chinh Phụ Ngâm minh họa.

Đọc sách. Viết. Trông coi việc nhà và con cái. Vẽ nữa. Đã xong *Chinh Phụ Ngâm*. Minh họa tiếp đến lịch sử kháng chiến Việt Nam. Đến bà Trưng bà Triệu. Đó là Trùng Dương hiện giờ ở Placerville. Với một giá vẽ dựng cạnh một cửa sổ nàng, một bàn viết dưới một ánh đèn xanh. Của một cô nhỏ đang chạy trên cánh đồng cỏ. Đến những chân trời mới.

Được mời định nghĩa thế nào là nghệ thuật, thiên tài vĩ cầm số một thế giới Yehudi Menuhin trả lời: “Đó là con đường anh đang đi, những bước chân anh không ngừng đi mãi trên con đường ấy và cái đích cuối cùng anh muốn đạt tới”. Cô nhỏ giữa cánh đồng đang nỗ lực làm thành sự thật cho phần đời còn lại của mình theo định nghĩa con đường và bước chân ấy của Menuhin. Trong định nghĩa ấy, Trùng

Dương cách khuất vẫn là một Trùng Dương có mặt, Trùng Dương ở ngoài dòng sinh hoạt vẫn là Trùng Dương rục rỡ giữa dòng. Buổi tối, một màn trường kịch viết lại. Buổi sáng, bức hình Bà Triệu vừa xong. Buổi trưa, một cuốn sách đọc tiếp. Buổi chiều, một truyện ngắn cho một diễn đàn bạn. Giữa nội trợ, giữa củi lửa. Giữa chồng con, giữa việc nhà. Trong ngăn nắp, trong cách khuất, từ tám năm ở Mỹ, tới mùa xuân này, một đời sống vẫn có. Mọi mặt, thật đầy. Và mỗi ngày, người phát thư Mỹ từ dưới chân đồi đi lên, mang đến cho 1131 Large Oak Dr, Placerville một lá thư xa, vẫn là đang từ từ đi lên một địa chỉ đích thực của văn học Việt Nam ngoài nước.

